VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA - BXD
**TRUNG TÂM CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ QUY HOẠCH XÂY DỰNG**
Địa chỉ: số 10 Hoa Lư - Hai Bà Trưng - Hà Nội

# THUYẾT MINH

## QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU VỰC VEN BIỂN HUYỆN DUY XUYÊN VÀ HUYỆN THĂNG BÌNH, GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 VÀ NĂM 2045

TỶ LỆ 1/10.000

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN DUY XUYÊN VÀ HUYỆN THĂNG BÌNH - TỈNH QUẢNG NAM

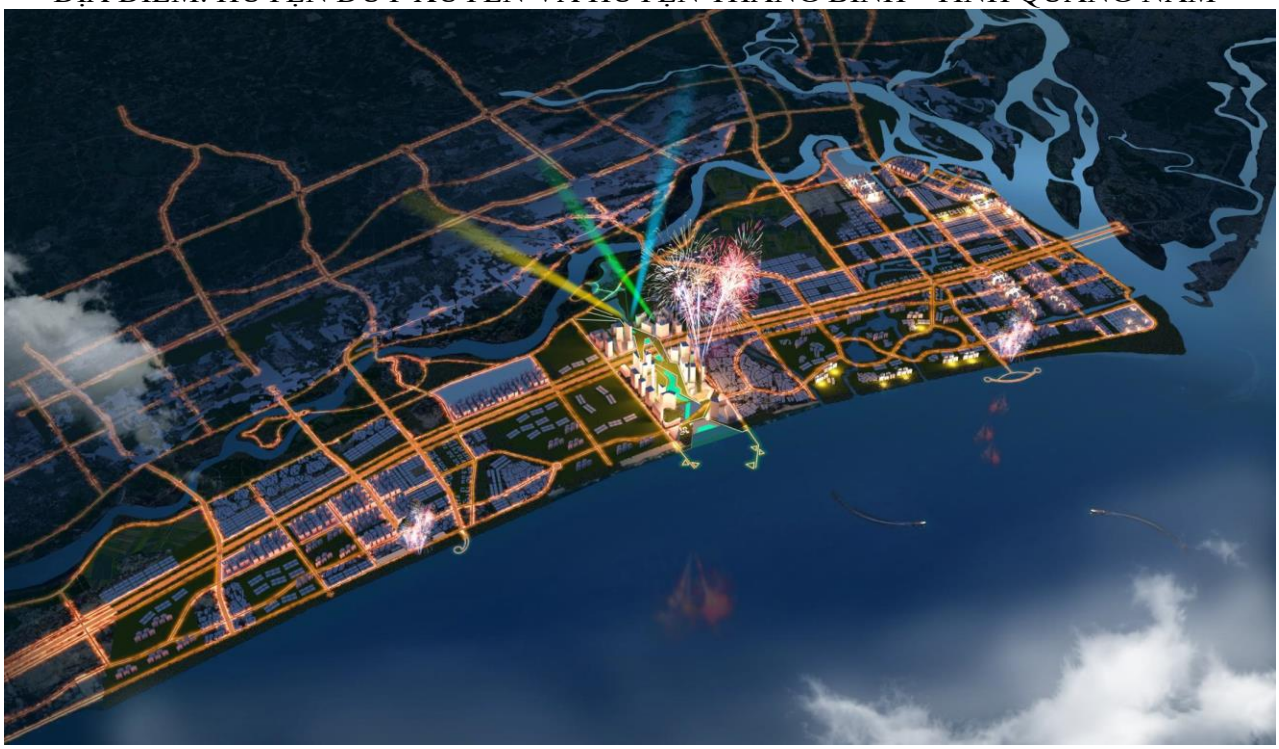

**Quảng Nam, 03/2025**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*****

# THUYẾT MINH

## QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU VỰC VEN BIỂN HUYỆN DUY XUYÊN VÀ HUYỆN THĂNG BÌNH, GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 VÀ NĂM 2045

TỶ LỆ 1/10.000

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN DUY XUYÊN VÀ HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**TỈNH QUẢNG NAM**

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**TỈNH QUẢNG NAM**
**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

CƠ QUAN TỔ CHỨC
LẬP QUY HOẠCH
**SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NAM**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**TRUNG TÂM CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ QUY HOẠCH XÂY DỰNG**
GIÁM ĐỐC

**Trịnh Văn Lập**

# THUYẾT MINH

# QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU VỰC VEN BIỂN HUYỆN DUY XUYÊN VÀ HUYỆN THĂNG BÌNH, GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 VÀ NĂM 2045

TỶ LỆ 1/10.000

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN DUY XUYÊN VÀ HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

| | | |
|---|---|---|
| **- Cơ quan phê duyệt:** | **Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam** | |
| **- Cơ quan thẩm định:** | **UBND tỉnh Quảng Nam – Hội đồng thẩm định** | |
| **- Cơ quan tổ chức lập QH:** | **Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam** | |
| **- Cơ quan tư vấn lập QH:** | **Trung tâm chuyển giao công nghệ quy hoạch xây dựng** | |
| - Giám đốc: | Ths. KTS. | Trịnh Văn Lập |
| - Chủ nhiệm đồ án: | Ths. KTS. | Trịnh Văn Lập |
| **- Tham gia thiết kế:** | | |
| Kiến trúc | Ths. KTS. | Bùi Đình Phương |
| | Ths. KTS. | Trịnh Thanh Thủy |
| | Ths. KTS. | Quách Thị Hằng Nga |
| | Ths. KTS. | Trần Đức Minh |
| | KTS. | Nguyễn Quý Thao |
| | KTS. | Đỗ Chung Hiếu |
| | KTS. | Lương Vũ Quang Anh |
| Kinh tế | KS. | Phạm Thị Huệ Linh |
| | KS. | Trịnh Thị Nga |
| Giao thông | Ts.KS. | Ngô Huy Thanh |
| | KS. | Đỗ Mạnh Mừng |
| | KS. | Hoàng Đình Sang |
| Chuẩn bị kỹ thuật | KS. | Nguyễn Đức Trường |
| | KS. | Đỗ Mạnh Mừng |
| Cấp nước | KS. | Bùi Quý Hải |
| Cấp điện | KS. | Đỗ Thị Song Hòa |
| | KS. | Lưu Việt Dũng |
| Thoát nước bẩn & VSMT | KS. | Vũ Tuấn Vinh |
| **- Quản lý kỹ thuật:** | | |
| Kiến trúc | Ths.KTS. | Nguyễn Thị Hồng Vân |
| Kinh tế | | |
| Giao thông | Ths.KS. | Lê Thanh Bình |
| Chuẩn bị kỹ thuật | | |
| Cấp điện | Ths.KS. | Đoàn Trọng Tuấn |
| Cấp nước | | |
| Thoát nước bẩn & VSMT | Ths.KS. | Trương Minh Ngọc |
| ĐMC | | |

# MỤC LỤC

**1. MỞ ĐẦU ..... 8**
1.1. Sự cần thiết phải lập quy hoạch ..... 8
1.2. Căn cứ lập quy hoạch: ..... 10
1.2.1. Cơ sở pháp lý: ..... 10
1.2.2. Các tài liệu, số liệu, bản đồ: ..... 15
**2. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG ..... 16**
2.1 Điều kiện tự nhiên ..... 16
2.1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: ..... 16
2.1.2. Đặc điểm địa hình: ..... 18
2.1.3. Đặc điểm khí hậu: ..... 18
2.1.4. Đặc điểm về chế độ thủy văn, hải văn: ..... 20
2.1.5. Đặc điểm địa chất công trình: ..... 20
2.1.6. Địa chấn: ..... 20
2.1.7. Tác động từ xu thế biến đổi khí hậu: ..... 20
2.1.8. Hiện trạng không gian, kiến trúc và cảnh quan: ..... 23
2.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên: ..... 30
2.2.1 Tài nguyên đất: ..... 30
2.2.2 Tài nguyên nước: ..... 30
2.2.3 Tài nguyên rừng: ..... 31
2.2.4 Tài nguyên biển: ..... 32
2.2.5 Tài nguyên khoáng sản: ..... 32
2.2.6 Tài nguyên nhân văn: ..... 32
2.3. Điều kiện hiện trạng: ..... 33
2.3.1. Dân số và lao động: ..... 33
2.3.2. Hiện trạng sử dụng đất: ..... 34
2.3.2. Hiện trạng kinh tế: ..... 37
2.4. Hiện trạng hạ tầng xã hội: ..... 39
2.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật: ..... 40
2.6. Hiện trạng môi trường: ..... 43
2.7. Rà soát cập nhật một số quy hoạch, dự án có liên quan: ..... 43
2.8. Đánh giá tổng hợp: ..... 44
**3. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN ..... 47**
3.1 Vị trí, vai trò và mối liên hệ vùng của khu vực: ..... 47
3.2 Mục tiêu và động lực phát triển: ..... 49
3.2.1 Mục tiêu: ..... 49
3.2.2 Động lực phát triển: ..... 50
3.3 Tầm nhìn và tính chất: ..... 57
3.3.1. Tầm nhìn: ..... 57
3.3.2. Tính chất và chức năng: ..... 57
3.4 Các chiến lược phát triển: ..... 57

3.5 Dự báo phát triển: 59
3.5.1 Dự báo tăng trưởng kinh tế: 59
3.5.2 Dự báo dân số: 59
3.5.3 Dự báo nhu cầu sử dụng đất đai: 64
3.5.4 Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu: 64
**4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN 67**
4.1 Sơ đồ cấu trúc phát triển không gian và phương án cơ cấu quy hoạch: 67
4.1.1. Sơ đồ cấu trúc không gian: 67
4.1.2. Quan điểm quy hoạch: 69
4.2 Phương án cơ cấu quy hoạch 71
5. Các định hướng chiến lược: 79
5.1 Phân khu chức năng kiểm soát phát triển: 81
5.2 Định hướng phát triển không gian: 86
5.2.1. Nguyên tắc: 86
5.2.2. Mục đích, yêu cầu: 87
5.2.3. Định hướng phát triển không gian 87
5.2.4. Định hướng tổ chức không gian các khu chức năng: 88
5.3 Quy hoạch sử dụng đất 96
5.4 Thiết kế đô thị: 98
5.4.1. Mục tiêu chung về thiết kế đô thị cho toàn bộ khu vực: 98
5.4.2. Các nguyên tắc thiết kế đô thị: 98
5.4.3. Khung thiết kế đô thị tổng thể: 98
5.4.4. Thiết kế đô thị khu vực cửa ngõ: 104
5.4.5. Các trục không gian chủ đạo 104
5.4.6. Quảng trường chính 105
5.4.7. Điển nhấn khu vực 105
5.4.8. Thiết kế đô thị khu vực đặc thù: 106
5.4.9. Tiện ích đô thị: 109
**6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI 110**
6.1 Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế: 110
6.1.1. Định hướng phát triển du lịch: 110
6.1.2. Định hướng phát triển hệ thống thương mại - dịch vụ: 112
6.1.3. Định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp: 113
6.1.4. Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản: 113
6.2 Định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng xã hội: 115
6.2.1. Định hướng phát triển hệ thống cơ quan, công sở: 115
6.2.2. Định hướng phát triển hệ thống công trình văn hóa: 115
6.2.3. Định hướng phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo: 116
6.2.4. Định hướng phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe: 116
6.2.5. Định hướng phát triển hệ thống thể dục thể thao và công viên, cây xanh: 117
6.2.6. Định hướng phát triển hệ thống nhà ở: 118

6.2.7. Định hướng phát triển nông thôn: ..... 119
**7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT 122**
7.1 Giao thông: ..... 122
7.1.1. Căn cứ thiết kế ..... 122
7.1.2. Giao thông đối ngoại ..... 122
7.1.3. Giao thông đối nội: ..... 123
7.2 Chuẩn bị kỹ thuật: ..... 127
7.2.1. Nguyên tắc thiết kế ..... 127
7.2.2. Căn cứ nghiên cứu ..... 128
7.2.3. Định hướng nền xây dựng và thoát nước mưa ..... 128
7.2.4. Quy hoạch thoát nước mưa ..... 131
7.2.5. Các biện pháp chuẩn bị kỹ thuật khác: ..... 133
7.3 Cấp nước ..... 133
7.3.1. Tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước ..... 133
7.3.2. Giải pháp cấp nước ..... 135
7.3.3. Cấp nước sản xuất nông nghiệp ..... 137
7.4 Cấp điện ..... 137
7.4.1. Căn cứ thiết kế ..... 137
7.4.2. Nguyên tắc thiết kế ..... 138
7.4.3. Tiêu chuẩn cấp điện ..... 138
7.4.4. Phương án cấp điện ..... 140
7.5 Thông tin liên lạc ..... 142
7.5.1. Cơ sở lập quy hoạch ..... 142
7.5.2. Chỉ tiêu ..... 142
7.5.3. Nhu cầu ..... 142
7.5.4. Định hướng phát triển ..... 143
7.6 Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang ..... 146
7.6.1. Cơ sở tính toán ..... 146
7.6.2. Chỉ tiêu tính toán ..... 147
7.6.3. Quan điểm và nguyên tắc thiết kế ..... 147
7.6.4. Giải pháp thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang ..... 148
**8. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC) ..... 150**
8.1 Phạm vi, nội dung, cơ sở của quá trình thực hiện ĐMC: ..... 150
8.2 Nội dung nghiên cứu, phân tích, đánh giá ĐMC ..... 151
8.3 Cơ sở của phương pháp được sử dụng trong quá trình ĐMC: ..... 151
8.4 Các vấn đề và mục tiêu môi trường chính ..... 152
8.5 Đánh giá hiện trạng và diễn biến môi trường ..... 152
8.6 Dự báo xu thế môi trường khi lập và thực hiện quy hoạch ..... 154
8.7 Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường ..... 156
**9. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ&GIẢI PHÁP THỰC HIỆN .....** Error! Bookmark not defined.

**10. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ ..... 160**
10.1 Kết luận: ..... 160
10.2 Kiến nghị: ..... 160

# 1. MỞ ĐẦU

## 1.1. Sự cần thiết phải lập quy hoạch

Quảng Nam là một trong số ít các tỉnh của Việt Nam có lợi thế lớn về tài nguyên, tiềm năng phát triển cả không gian du lịch vùng ven biển, bãi biển, không gian trên - dưới đáy biển và trên các đảo. Với đường bờ biển dài gần 125 km; chủ yếu là các bãi cát trắng, phẳng, mịn, ít bị ô nhiễm; quần đảo Cù Lao Chàm được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới với nước biển trong xanh, sinh vật phong phú, đa dạng; khu vực này có sự kết hợp hết sức độc đáo, đa dạng của không gian du lịch sinh thái biển - sông nước (dòng Trường Giang chạy theo hướng Bắc Nam song song và ôm sát với đường bờ biển). Dọc bờ biển Quảng Nam có một không gian văn hóa dân gian đặc sắc, đa dạng bao gồm không gian văn hóa Hội An (các làng nghề truyền thống, các phong tục tập quán,..), không gian văn hóa các làng quê, làng nghề vùng biển như các làng chài Hà My, nước mắm Cửa Khe, Tam Hòa, làng quê Tam Tiến, Bình Minh; Tam Hải;  không gian các lễ hội vùng biển như lễ hội cầu ngư, lễ hội làng nghề, lễ hội văn hóa vùng biển...; khu vực này cũng là nơi cung cấp chủ yếu các loại hải sản, nguồn ẩm thực biển hấp dẫn...

Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 12/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về ban hành chương trình phát triển du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định mục tiêu: Xây dựng Quảng Nam trở thành trung tâm du lịch của miền Trung và cả nước. Xây dựng thương hiệu, sản phẩm dịch vụ du lịch tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Bảo tồn và phát huy hiệu quả tài nguyên, lợi thế phát triển du lịch; chú trọng phát triển du lịch hơn nữa về phía Nam và phía Tây của tỉnh.

Năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết đã đưa ra những tư duy và tầm nhìn mới cho phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

Ngoài ra, sự ra đời của Quyết định số 72/QD-TTg ngày 17/01/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có ý nghĩa quan trọng đối với định hướng phát triển không gian ven biển huyện Duy Xuyên - Thăng Bình, hình thành không

gian du lịch ven biển kết nối không gian du lịch Hội An trên cơ sở phát huy các giá trị tự nhiên sông - biển.

Những năm qua, điểm sáng trong không gian du lịch Quảng Nam tập trung tại khu vực ven biển Điện Bàn, Hội An; các khu vực khác chỉ dừng lại ở tiềm năng hoặc hoạt động cầm chừng, mang tính trào lưu và thụ động. Vấn đề ở tính kết nối; ở bài toán mô hình; ở không gian và các điều kiện hạ tầng hỗ trợ khác.

Hiện nay, đối với khu vực Nam Hội An, từ huyện Duy Xuyên đến huyện Thăng Bình, hứa hẹn sẽ mở ra những cơ hội đối với phát triển kinh tế; khơi phá sức sống và sẽ là sắc màu mới trong bức tranh tổng thể du lịch Quảng Nam:

*Về phía Bắc:* Cầu Cửa Đại hình thành; không gian đầy tiềm năng này kết thông với khu vực Hội An, điểm đến của du lịch thế giới.

*Cầu Cửa Đại - Dự án kết thông không gian du lịch ven biển - sông tỉnh Quảng Nam*

*Về phía Nam:* Kết nối trực tiếp với Cụm động lực số 1, gồm: Đô thị Tam Kỳ, trung tâm tỉnh lỵ Quảng Nam, là đô thị xanh với nhiều điểm đến: Bãi biển Tam Thanh kết nối với hồ Phú Ninh; Tượng mẹ Việt Nam Anh hùng; hồ Sông Đầm - Địa đạo Kỳ Anh. Kết nối với trung tâm Công nghiệp, đầu mối hạ tầng khu Kinh tế mở Chu Lai.

*Về phía Tây:* Theo Quy hoạch Vùng Đông tỉnh Quảng Nam, khu vực phía Đông từ Duy Xuyên đến Thăng Bình, trên cơ sở tiềm năng và thế mạnh, kết nối với không gian dọc tuyến quốc lộ 1A, đã xác định là động lực phát triển cho cụm số 2; là đầu tàu kết nối với không gian vùng phía Tây hình thành hành lang phát triển Quốc lộ 14E; các trục ĐT 613; ĐT 611; ĐT 610. Theo đó, ngoài khai phá tiềm năng; việc phát triển vùng đất cũng đã trở thành nhiệm vụ, yêu cầu và mục tiêu chung của kinh tế xã hội tỉnh Quảng Nam.

*Tiềm năng du lịch khu vực phía Nam Hội An*

Trên cơ sở đó, triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo 196/TB-UBND ngày 01/6/2015, thống nhất chủ trương nghiên cứu lập quy hoạch chung ven biển từ khu vực Duy Xuyên đến Thăng Bình; Thông báo số 603-TB/TU ngày 16/9/2019 của Tỉnh uỷ về công tác quy hoạch xây dựng và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn vùng Đông Nam tỉnh Quảng Nam; và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Điểm 1.b) Công văn số 439/UBND-KTN ngày 22/01/2020 về giao Sở Xây dựng báo cáo đề xuất UBND tỉnh thực hiện các hồ sơ, thủ tục tiếp theo để tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình theo nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Theo đó, việc lập quy hoạch chung là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay; sẽ đáp ứng các mục tiêu phát triển:

- Khai thác và sử dụng hiệu quả, hợp lý nguồn tài nguyên;
- Kiểm soát phát triển, đón đầu các cơ hội và thu hút đầu tư;
- Hình thành các mối liên kết và các cơ sở cho phát triển bền vững;
- Đảm bảo liên kết giữa đô thị với nông thôn, phát triển du lịch với phát triển đô thị; đồng thời cải thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng du lịch.

**1.2. Căn cứ lập quy hoạch:**

***1.2.1. Cơ sở pháp lý:***

*a) Các Luật, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ:*

Về Luật: Luật quy hoạch (2017); Luật quy hoạch đô thị (số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020); Luật xây dựng (số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020); Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018; Luật sửa đổi một số điều của Luật xây dựng (2020); Luật hàng hải Việt Nam (2015); Luật du lịch (2017); Luật lâm nghiệp (2017); Luật thủy lợi (2017); Luật đo đạc và bản đồ (2018); Luật đê điều (2020); Luật bảo vệ môi trường (2020); Luật đầu tư (2020); Luật phòng chống thiên tai

(2023); Luật tài nguyên nước (2023); Luật điện lực (2024); Luật di sản văn hóa (2024); Luật đất đai (2024)…

Về nghị quyết:

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/07/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030;

- Nghị quyết số 1241/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 – 2025;

Về nghị định:

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

- Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế xã hội với quốc phòng;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

- Nghị định số 62/2019 ngày 11/7/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về Quy định một số điều của Luật Kiến trúc;

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định một số điều Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 15/7/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý Khu công nghiệp, khu kinh tế;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghỉ định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Về Quyết định

- Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường bộ ven biển Việt Nam;

- Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2020 trên địa bàn cả nước;

- Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 13/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg, ngày 1/9/2021 phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 509/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/06/2024 về việc Phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/05/2024 về việc phê duyệt quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 về phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

*b) Các căn cứ pháp lý chính về quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình*

- Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, giai đoạn đến năm 2025 và năm 2035;

- Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh;

- Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duy Xuyên giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

- Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 12/9/2021 cuả Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về ban hành chương trình phát triển du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về thông qua nhiệm vụ và các đồ án quy hoạch xây dựng trền địa bàn tỉnh Quảng Nam.

*c) Các Quyết định, Thông tư, Văn bản của các Bộ, Ban, Ngành:*

- Quyết định số 1100/QĐ-BCT ngày 03/04/2018 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035-quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 KV;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Công văn số 185/BXD-QHKT ngày 17/01/2023 về việc lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam đến năm 2030 và năm 2045;

*d) Các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của UBND tỉnh:*

- Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển thương mại, du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về thông qua một số nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Thông báo 196/TB-UBND ngày 01/6/2015, thống nhất chủ trương nghiên cứu lập quy hoạch chung ven biển từ khu vực Duy Xuyên đến Thăng Bình;

- Thông báo số 603-TB/TU ngày 16/9/2019 của Tỉnh uỷ về công tác quy hoạch xây dựng và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn vùng Đông Nam tỉnh Quảng Nam;

- Công văn số 439/UBND-KTN ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quy hoạch xây dựng và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn vùng Đông Nam tỉnh Quảng Nam;

- Thông báo số 304/TB-UBND ngày 30/07/2021 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh tại cuộc họp nghe báo cáo Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven sông, ven biển Duy Xuyên - Thăng Bình.

- Thông báo số 288-TB/TU ngày 07/01/2022 của Tỉnh ủy Quảng Nam về chủ trương lập Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2025 và năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 05-CV/BCSĐ ngày 13/01/2022 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2025 và năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Công văn số 2045/UBND-KTHT ngày 16/9/2022 của UBND huyện Duy Xuyên; Công văn số 1795/UBND-KTHT ngày 04/10/2022 của UBND huyện Thăng Bình về việc tổng hợp báo cáo góp ý hồ sơ quy hoạch chung xây dựng (tỷ lệ 1/10.000) khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

- Công văn số 49/MTTQ-BTT ngày 4/11/2024 của UBMTTQ huyện Thăng Bình và Công văn số 69/MTTQ-BTT ngày 31/10/2024 của UBMTTQ huyện Duy Xuyên về tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo QHC XD khu vực ven biển huyện Duy Xuyên giai đoạn 2030 và năm 2045;

*1.2.2. Các tài liệu, số liệu, bản đồ:*

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Nam;

- Chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Nam;

- Quy hoạch chung khu KTM;

- Quy hoạch tỉnh Quảng Nam;

- Quy hoạch phát triển du lịch;

- Các đồ án, dự án liên quan.

## 2. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG

### 2.1 Điều kiện tự nhiên

*2.1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:*

*a) Luận chứng quy mô:*

- *Cơ sở động lực phát triển:* Với các tiềm năng và các cơ hội trong những năm sắp đến; kinh tế du lịch được xác định là động lực phát triển chính tại khu vực; và việc xây dựng cấu trúc không gian trong đó, không gian du lịch là chủ thể tác động, kết nối, và lan tỏa được xem là mục tiêu thực hiện của đồ án. Theo đó, quy mô, ranh giới được căn cứ trên cơ sở:

+ Đánh giá tiềm năng, tài nguyên phát triển du lịch: Bao gồm đất đai, các không gian nông thôn, khu vực ven sông và ven biển.

+ Các điều kiện về hạ tầng kết nối phục vụ du lịch: Bao gồm tuyến sông Trường Giang; các tuyến: Cứu hộ, cứu nạn; thanh niên ven biển; các tuyến DX, DH trong khu vực.

+ Liên kết các không gian du lịch và các không gian chức năng khác: Xác định hướng tác động chủ yếu từ phía Bắc và lan tỏa dần về phía Nam (khu vực Tam Kỳ - Núi Thành); theo đó, gắn với giai đoạn, về không gian quy hoạch, ưu tiên hình thành vệt du lịch trên cơ sở tiếp nối vệt ven biển Điện Bàn – Hội An; ngoài ra, xem xét sự liên kết và khả năng hình thành với các điểm đô thị, các điểm dân cư nông thôn trong khu vực nghiên cứu.

- *Hiện trạng quản lý quy hoạch:* Toàn bộ khu vực vùng Đông từ Duy Xuyên đến Núi Thành đã nằm trong các quy hoạch chiến lược của Tỉnh: Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018; Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duy Xuyên giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 07/2/2024.

- Triển khai các định hướng trên, các phân khu đã được triển khai lập các đồ án quy hoạch, với các chỉ tiêu đảm bảo cho công tác quản lý, triển khai thực hiện, gồm: Quy hoạch chung đô thị Núi Thành, Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai (từ sân bay Chu Lai đến Quốc lộ 14E), Quy hoạch chung thành phố Tam Kỳ…

- Riêng đối với khu vực từ Duy Xuyên - Thăng Bình: Cơ sở cho công tác quản lý Quy hoạch chủ yếu dựa vào các đồ án quy hoạch xã nông thôn mới. Về bản chất, chưa đủ các điều kiện để đánh giá rõ tiềm năng; chưa rõ các giải pháp: Sử dụng đất, quy hoạch không gian; quy hoạch hạ tầng.

- Theo đó, ranh giới đồ án quy hoạch chung xây dựng thực hiện lần này được xác định cần đảm bảo:

+ Hoàn chỉnh các cơ sở chỉ tiêu quy hoạch đảm bảo công tác quản lý phát triển.

+ Đảm bảo tính khớp nối, thống nhất đặc biệt đối với hệ thống hạ tầng khung và quan hệ giữa các không gian chức năng.

*b) Xác định phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:* Trên các cơ sở đó, đồ án xác định phạm vi ranh giới thực hiện của đồ án như sau:

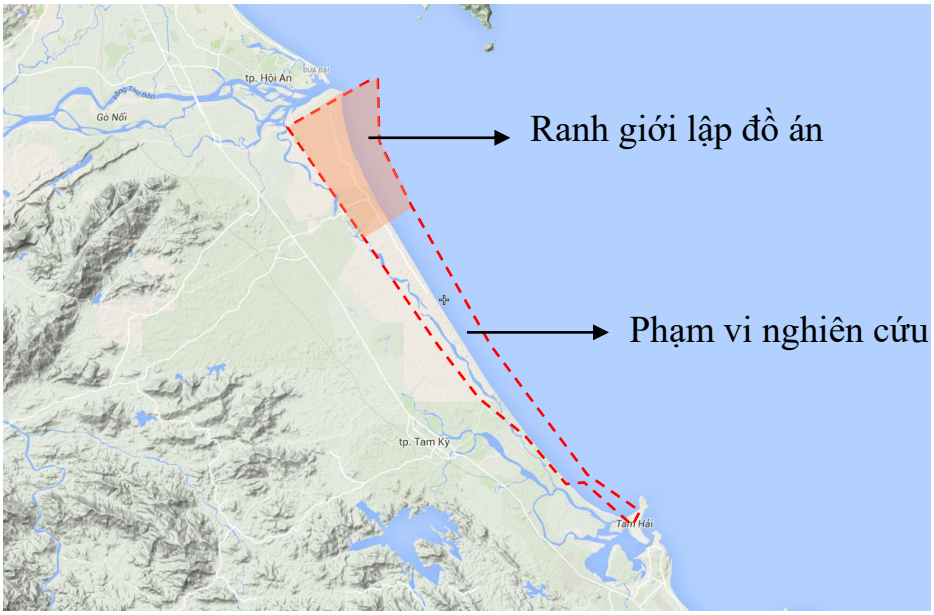


*Sơ đồ phạm vi ranh giới lập đồ án*

*- Phạm vi nghiên cứu:*

+ Theo trục Đông Tây: Từ khu vực sông Trường Giang đến Biển đông; tổng chiều dài trung bình khoảng 10km;

+ Theo trục Bắc Nam: Từ Duy Xuyên đến Núi Thành; tổng chiều dài

khoảng 40km;

- *Phạm vi, ranh giới lập Quy hoạch:*

Tổng diện tích khoảng 12.651 ha. Bao gồm các xã ven sông Trường Giang và ven biển của huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình; gồm các xã: Duy Thành, Duy Vinh, Duy Nghĩa và Duy Hải của huyện Duy Xuyên; Bình Giang, Bình Dương, Bình Triều, Bình Đào và Bình Minh của huyện Thăng Bình. Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp thành phố Hội An;

- Phía Đông: Giáp Biển Đông;

- Phía Nam: Giáp xã Bình Sa và Bình Hải;

- Phía Tây: Giáp xã Bình Phục và thị trấn Hương An.

*2.1.2. Đặc điểm địa hình:*

- Khu vực nghiên cứu là vùng có địa hình đa dạng; đất đai có dạng cồn cát và đồng bằng, được kiến tạo do bồi tích sông, biển và quá trình rửa trôi. Nhìn chung địa hình toàn khu vực bị chia cắt nhiều bởi các sông thuộc lưu vực sông Trường Giang và sông Ly Ly.

- Khu vực ven biển địa hình thoải, chia thành 2 khu vực: Khu vực sát biển cao độ nền từ 2-5m, thấp nhất từ 1-2m (chiếm diện tích nhỏ) và khu vực còn lại cao độ tương đối cao từ 2,5-10m.

- Khu vực ven sông (Thu bồn, Trường Giang, Ly Ly) Cao độ trung bình từ 1-2m. Đặc biệt có khu vực cao độ dưới 1m. Hướng dốc về phía song.

- Khu vực xen giữa sông Ly Ly và sông Trường Giang: Cao độ trung bình 2,5 – 7m. Khu vực cồn cát có địa hình tương đối cao 5-10m.

*2.1.3. Đặc điểm khí hậu:*

Khu vực nghiên cứu nằm trong vùng khí hậu Trung Trung Bộ, có khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng trực tiếp của dãy Trường Sơn. Một năm chia làm hai mùa rõ rệt, mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3, không lạnh, biên độ nhiệt trong ngày và trong năm đều nhỏ; mùa hạ từ tháng 5 đến tháng 9. Khu vực lập quy hoạch chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và Đông Nam, mùa đông có gió mùa Đông Bắc chi phối.

1. Nhiệt độ:

- Nhiệt độ trung bình nhiều năm là 25,6°C

- Các tháng mùa hè (tháng 5 đến tháng 9):

+ Nhiệt độ trung bình là 28 °C ÷ 29,7 °C

+ Nhiệt độ trung bình cao nhất là 31 °C

- Các tháng mùa đông (tháng 11 đến tháng 3):

+ Nhiệt độ trung bình là 21 °C ÷ 22 °C

+ Nhiệt độ trung bình thấp nhất là 19 °C

+ Biên độ nhiệt trung bình tháng là 7 °C

2. Độ ẩm:

- Mùa đông độ ẩm tương đối trung bình tháng là 82%

- Mùa hè độ ẩm trung bình tháng chỉ đạt 75 ÷ 81%.

3. Gió:

Khu vực có những hướng gió chính sau:

- Hướng Đông Bắc thịnh hành từ tháng 9 đến tháng 3 với tốc độ trung bình từ 4 ÷ 5m/s. Gió mùa Đông Bắc vào các tháng chuyển tiếp thường gây biến động bờ biển Quảng Nam mạnh nhất.

- Hướng Đông đến Đông Nam sau đó chuyển sang Tây đến Tây Nam trong những tháng từ tháng 4 đến tháng 8, tốc độ gió trung bình từ 4 ÷ 6m/s.

- Vận tốc gió trung bình năm 2,9m/s, lớn nhất trung bình từ 18 ÷ 20m/s, vận tốc gió cực đại khi có bão lên đến 40m/s.

4. Mưa:

- Mùa mưa chủ yếu tập trung nhiều vào các tháng từ tháng 9 đến tháng 12, lượng mưa chiếm khoảng 70 ÷ 75% tổng lượng mưa của cả năm; lượng mưa tháng trong thời kì này đạt 400mm, tháng 10 có lượng mưa lớn nhất đạt 434mm.

- Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, lượng mưa chỉ chiếm 25 ÷ 30% tổng lượng mưa của cả năm; lượng mưa tháng trong thời kì này chỉ đạt 25mm, tháng 3 có lượng mưa thấp nhất chỉ đạt 12mm.

+ Lượng mưa trung bình nhiều năm là 2.300mm;

+ Lượng mưa lớn nhất trung bình năm là 3.307mm;

+ Lượng mưa nhỏ nhất năm là 1.111mm

+ Lượng mưa ngày lớn nhất là 332mm

- Số ngày mưa trung bình năm là 145 ngày

+ Tháng 11 là tháng có số ngày mưa lớn nhất (21 ngày)

+ Tháng 4 là tháng có số ngày mưa ít nhất (8 ngày)

*2.1.4. Đặc điểm về chế độ thủy văn, hải văn:*

*a) Thủy văn:*

** Thủy văn biển:*

Nhiệt độ nước biển: Giá trị trung bình tại tầng mặt của vùng bờ là 26.1$^0$C. Chênh lệch nhiệt độ giữa nước ven bờ và mực nước ngoài khơi là 2 - 3$^0$C.

Độ mặn nước biển trung bình là 28 - 30%.cao nhất là 34% vào thời kỳ mùa khô. Tại các vùng cửa sông, độ mặn giảm xuống 1,4% sau những trận mưa lũ lớn. Về mùa khô, do nước sông xuống thấp, nước biển thâm nhập sâu vào lục địa gây nên độ nhiễm mặn (trung bình 12%).

Dòng chảy chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy Tây vịnh Bắc Bộ, vào mùa Đông, dòng có hướng từ phía Bắc xuống phía Nam với tốc độ có khi đạt tới 50 - 70cm/s. Vào mùa hè có hướng ngược lại, với vận tốc có khi đạt tới 30 - 60cm/s.

Ngoài ra, hiện tượng nước dâng trong bão và sóng thần cũng đang là vấn đề quan tâm trong vài năm gần đây; nhất là đối với vùng bờ tỉnh Quảng Nam, phần lớn bờ biển là "bãi ngang", hứng sóng và dải rừng phòng hộ ven biển còn mỏng.

** Thủy văn sông:*

Khu vực nghiên cứu chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn sông Thu Bồn, sông Trường Giang và sông Ly Ly. Các con sông này chịu tác động của chế độ thuỷ triều biển, nước biển thường xâm nhập vào thời kỳ mùa khô.

*2.1.5. Đặc điểm địa chất công trình:*

- *Địa chất thuỷ văn:* Mực nước ngầm xuất hiện ở độ sâu 2 ÷ 10m. Khi xây dựng các công trình cần lưu ý xử lý.

- *Địa chất kiến tạo và địa chất công trình:* Khu vực này tương tự khu vực Đà Nẵng - Hội An, là một bộ phận của cấu trúc kiến tạo Caledmi. Quảng Nam - Đà Nẵng đã trải qua thời kỳ phát triển địa chất từ Paleczoi - Kainozoi. Cường độ chịu tải của đất trung bình đạt khoảng R = 1,5 ÷ 2,5kg/cm2.

*2.1.6. Địa chấn:*

Theo tài liệu của Viện Vật lý địa cầu, khu vực nghiên cứu nằm trong vùng dự báo có thể xảy ra động đất cấp 6.

*2.1.7. Tác động từ xu thế biến đổi khí hậu:*

*a) Xu thế biến đổi nhiệt độ do biến đổi khí hậu:*

Theo số liệu thống kê, biến trình nhiệt độ trung bình nhiều năm của tỉnh Quảng Nam đều có xu thế tăng, cụ thể ở trạm Tam Kỳ: xu thế tốc độ tăng 0,01$^0$C/năm; nhiệt độ trung bình (giai đoạn 1980-2010) khoảng 25,7$^0$C/năm; nhiệt độ trung bình cao nhất vào năm 1998 đạt 26,6$^0$C.

*Sự tác động đến đô thị:*

- Nhiệt độ tăng có thể tăng nhu cầu đối với nhà ở gắn với các không gian xanh do sự tăng các hiệu ứng đảo nhiệt đô thị.

- Nhiệt độ tăng có thể khiến thảm thực vật chết và giảm chất lượng các không gian xanh trong đô thị.

- Nhiệt độ tăng cũng sẽ làm gia tăng nhu cầu cho công viên cây xanh, không gian mở và diện tích mặt nước.

- Nhiệt độ tăng có thể làm giảm khả năng giữ nước và độ ẩm của đất.

*Khuyến nghị:*

- Cần duy trì các không gian xanh tự nhiên hiện có. Tích hợp thêm không gian xanh, hồ và diện tích bóng mát cây xanh vào các quy hoạch sử dụng đất của khu vực phát triển đô thị để giảm các ảnh hưởng của hiệu ứng đảo nhiệt đô thị và nhiệt độ tăng.

- Kết hợp chặt chẽ các cơ chế làm mát tự nhiên, chẳng hạn như việc tăng độ che phủ bằng tán cây xanh và tăng diện tích mặt nước như: hồ, ao và kênh rạch trong quá trình quy hoạch và thiết kế đô thị.

*b) Xu thế thay đổi lượng mưa do biến đổi khí hậu:*

Theo số liệu thống kê lượng mưa trung bình nhiều năm (giai đoạn từ năm 1980-2014) của tỉnh Quảng Nam đều có xu thế tăng, cụ thể ở trạm Tam Kỳ tốc độ tăng 16,6 mm/năm, lượng mưa trung bình khoảng 2.763 mm/năm; cao nhất là 4.380 mm (năm 1999), thấp nhất đạt 1.577 mm (năm 1988).

*Sự tác động đến đô thị:*

- Các trận mưa lũ với cường độ và mức độ nghiêm trọng tăng có thể làm úng ngập và phá hủy các cơ sở hạ tầng. Đặc biệt là cơ sở hạ tầng ngầm dưới lòng đất hoặc ở các khu vực trũng thấp.

- Lượng mưa thay đổi có thể ảnh hưởng đến năng lực thoát lũ, tăng nguy cơ ngập lụt và ảnh hưởng của lũ quét. Cường độ hạn hán cũng tăng lên có thể gây sụt lún nền đô thị trên diện rộng.

- Các trận mưa lớn có thể gây trượt lở, xói mòn đất, gây ra các trận lũ quét, phá hủy nhà cửa, đường phố, các công trình hạ tầng đô thị tại các khu vực sườn đồi dốc.

- Các hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ quét, bão nhiệt đới) gia tăng sẽ gây úng lụt ảnh hưởng đến các công trình trong đô thị và khiến đời sống và cảnh

quan đô thị bị suy giảm.

- Lượng mưa tăng có thể quá tải hệ thống thoát nước gây ngập úng và khiến nước thải hòa với nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường.

- Ngập úng có thể làm mất tác dụng của các công trình tiêu thoát nước đầu mối và các trục tiêu thoát chính của đô thị, làm giảm hiệu quả của toàn hệ thống và gây nguy cơ ô nhiễm môi trường.

*Khuyến nghị:*

- Cần áp dụng các giải pháp thiết kế hệ thống hạ tầng theo xu hướng xanh và thân thiện với môi trường để giảm khối lượng nước mưa phải xử lý. Các vỉa hè cần có thiết kế thấm được nước mưa, sân vườn thấm nước mưa, vùng đất ngập nước, mái nhà xanh để gia tăng các bề mặt thẩm thấu cho khu vực phát triển đô thị.

- Cần đảm bảo rằng hướng dòng chảy từ các khu vực xây dựng mới sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến khu vực dân cư khác do nước lũ chuyển hướng.

- Xem xét việc chuyển các vùng thường xuyên bị lũ lụt thành không gian xanh tự nhiên, ví dụ như các vùng đất ngập nước, để giảm ảnh hưởng của lũ lụt tới các vùng lân cận.

- Xem xét việc lùi hoặc thậm chí di chuyển các khu vực xây dựng mới gần các vùng trũng hoặc ven sông để trả lại không gian cho nước.

- Hạn chế xây dựng ở các vùng ngập lụt, các vùng ven sông và tối đa hóa không gian mở công cộng ven sông (ví dụ như công viên, quảng trường, vv) để giảm các tác động tiêu cực từ lũ lụt.

- Để giảm nguy cơ lũ lụt, tránh phát triển các dự án trong phạm vi hành lang thoát lũ có thể ảnh hưởng đến cơ chế lũ.

- Thiết kế các kênh tự nhiên, mở rộng các dòng suối và các kênh để chúng trong trạng thái tự nhiên hoặc bán tự nhiên thay vì sử dung các bề mặt cứng và cấu trúc kỹ thuật để nâng cao sức chống chịu của hệ sinh thái và giảm nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực của lũ lụt.

- Để giảm thiệt hại lũ lụt gây ra do lượng mưa tăng, tránh các hoat động làm giảm năng lực trữ nước của vùng ngập nước, ví dụ như việc bồi đắp các khu vực thấp trũng và các ao hồ tự nhiên cũng như là việc xây dựng ở các khu vực thoát lũ.

- Mở rộng bề mặt thấm nước bằng cách dành không gian cho nước và

không gian xanh trong khu vực phát triển đô thị để giảm rủi ro lũ lụt, ngập úng và lũ quét.

*c) Nước biển dâng:*

Theo đánh giá của cơ quan khí tượng, tại trạm quan trắc khí tượng Hội An, tốc độ dâng trung bình của mực nước khoảng 0,515 cm/năm; trong đó mực nước tối cao tăng 2,830 cm/năm; mực nước tối thấp tăng 0,072 cm/năm.

*Sự tác động đến đô thị:*

Khu vực lập quy hoạch là khu vực nằm sát ven biển nên chịu ảnh hưởng trực tiếp của hiện tượng nước biển dâng:

- Nước biển dâng làm tăng nguy cơ ngập lụt vùng đất ven biển, xâm nhập mặn sâu hơn.

- Nước biển dâng có tthể giảm lưu lượng dòng chảy trên sông và thoát nước, gây ra tình trạng ngập úng thường xuyên hơn.

- Hoạt động nông nghiệp sẽ khó khăn hơn ở các khu vực trũng thấp khi các khu vực này bị ngập lụt thường xuyên.

*Khuyến nghị:*

- Xem xét việc chuyển các vùng thường xuyên bị lũ lụt thành không gian xanh tự nhiên, ví dụ như các vùng đất ngập nước, để giảm ảnh hưởng của lũ lụt tới các vùng lân cận.

- Xem xét việc lùi hoặc thậm chí di chuyển các khu vực xây dựng mới gần các vùng trũng.

- Để giải quyết nguy cơ lũ lụt, xem xét trồng các loại cây, hoa màu chịu lũ tốt hoặc chuyển sang phát triển nuôi trồng thủy sản theo mùa.

*2.1.8. Hiện trạng không gian, kiến trúc và cảnh quan:*

*a) Không gian cảnh quan ven biển và vùng bờ ven biển:*

- Dải không gian ven biển và vùng bờ biển là một hệ sinh thái đặc biệt của khu vực nghiên cứu. Những bãi cát trắng trải dài dọc bờ biển, nối tiếp là hệ sinh thái nông lâm nghiệp xen lẫn các điểm dân cư nông thôn, tạo nên vùng đệm an toàn giữa biển và đất liền.

- Những dải cát trắng ven biển tạo nên vùng không gian cảnh quan ven biển đặc trưng của khu vực để phát triển du lịch, đồng thời là nguồn vật liệu có giá trị cao cho ngành xây dựng.

*Cồn cát trắng đặc trưng của khu vực*

*Bãi biển Bình Minh*

*Cảnh quan bãi biển Bình Minh*

- Dọc theo bãi cát ven bờ biển là các dải cây xanh rừng phòng hộ ven biển, rừng phi lao chắn cát, bảo vệ ổn định dải ven biển. Dải cây xanh rừng phòng hộ là yếu tố rất quan trọng đối với môi trường sinh thái ven biển, vì vậy trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch cần thiết có các giải pháp ổn định phát triển hệ thống rừng phòng hộ này.

*Dải cây xanh chống cát bay*

*b) Không gian cảnh quan ven sông:*

- Trường Giang là dòng sông độc đáo của Quảng Nam khi không có thượng lưu, hạ lưu, không có hữu và tả ngạn, không "bên bồi, bên lở". Có hệ sinh thái phong phú, bao gồm sinh thái nông nghiệp với những cây trồng chính như lúa, hoa màu và nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, tại một số điểm còn giữ lại được những cánh rừng ngập mặn của hệ sinh thái tự nhiên.

- Sự kết hợp giữa cảnh quan tự nhiên của sông Trường Giang và hệ sinh thái nông nghiệp ven sông là những yếu tố tạo nên tiềm năng tuyệt vời cho phát triển du lịch sinh thái - trải nghiệm nông nghiệp, bảo tồn hệ sinh thái của sông và thúc đẩy phát triển bền vững. Đồng thời, sông Trường Giang còn là tuyến đường thủy nội địa quan trọng, phục vụ nhu cầu vận tải.

*Cảnh quan hai bên sông Trường Giang*

- Nằm phía Tây sông Trường Giang là dải cồn cát trắng, được trồng phủ cây xanh chống hoang hóa. Dải cát trắng có hàm lượng silic rất cao, phù hợp cho việc khai thác sản xuất công nghiệp thủy tinh đa ngành (thủy tinh dân dụng, thủy tinh bao bì, thủy tinh xây dựng, thủy tinh cho pin năng lượng mặt trời …)

và chế biến các loại vật liệu mới. Bên cạnh đó, các dải cồn cát trắng có nền địa chất ổn định và quỹ đất rộng rất thuận lợi cho khai thác xây dựng các loại hình công trình công nghiệp.

*Cảnh quan dải cồn cát trắng phía Tây sông Trường Giang*

*c) Không gian kiến trúc và cảnh quan các công trình công cộng:*

- Các công trình công cộng, hành chính được xây dựng tập trung tại trung tâm các xã và các thôn, các công trình được xây dựng kiên cố, tương đối đầy đủ các không gian chức năng, tình trạng kiến trúc tương đối tốt, đảm bảo phục vụ hoạt động dân sinh. Hình thức kiến trúc chưa phong phú.

- Khi nghiên cứu lập quy hoạch cần bổ sung các công trình công cộng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân trong khu vực. Các công trình thương mại, dịch vụ, hạ tầng xã hội như trạm y tế, trường học, nhà trẻ mẫu giáo, các không gian vui chơi cho trẻ em, sân thể thao cơ bản, vườn hoa cây xanh các điểm dân cư.

- Các công trình công cộng cần được xây dựng kiên cố,tại vị trí cao ráo, đây là những công trình mang chức năng cứu hộ trong những điều kiện thời tiết bất lợi như bão, mưa lớn, ngập lụt…vv.

- Ngoài ra cần bổ sung các công trình phục vụ sinh hoạt và sản xuất theo hướng phát triển nông thôn trong thời kỳ mới.

*Công trình hành chính*

*Công trình trường học*

*Công trình thương mại*

*Công trình văn hóa*

*d) Không gian kiến trúc làng xóm hiện hữu:*

- Nhà ở tại các điểm dân cư ven biển (từ đường Võ Chí Công ra tới bờ biển):

+ Loại hình nhà ở chủ yếu là nhà vườn, phần lớn là nhà 1 tầng, mái ngói, nằm đan xen dưới các dải cây xanh chống cát bay. Kết cấu và vật liệu tương đối bền vững, đảm bảo điều kiện sống trước gió bão tại địa phương, kiến trúc cảnh quan không đẹp. Cá biệt, tại khu vực bám dọc trục đường Thanh Niên và hai bên QL14E, các trục giao thông chính hướng biển, một số nhà ở được xây dựng theo

hình thức nhà lô phố, tuy nhiên hình thức kiến trúc không có gì đặc biệt.

+ Một số nhà ở trong các khu tái định cư được xây dựng theo hình thức hiện đại, với diện tích mỗi hộ bình quân 120m²/hộ đến 150m²/hộ, cao từ 2-3 tầng.

- Nhà ở tại các điểm dân cư hai bên sông Trường Giang: Được xây dựng với các vật liệu kiên cố, phần lớn là nhà vườn gắn với vùng trồng lúa ven sông Trường Giang. Hình thái kiến trúc phù hợp với cảnh quan thiên nhiên và môi trường khí hậu.

- Nhà ở tại các điểm dân cư phía Tây sông Trường Giang: Nhà ở tại khu vực này được xây dựng theo phong cách kiến trúc truyền thống khu vực miền Trung, nhà mái ngói, thấp tầng, nằm trong vườn cây xanh lớn và hoa màu bao quanh, phù hợp với khí hậu địa phương.

Nhìn chung, việc xây dựng nhà ở tại khu vực không theo một hướng hay một trật tự nào nhất định, mà chủ yếu được xây dựng dọc theo đường làng, ngõ xóm, theo chủ quan của gia chủ. Chất lượng kiến trúc nhà ở nhìn chung thấp, ngoại trừ một vài nhà vườn kiến trúc truyền thống miền Trung là có đường nét kiến trúc đẹp nhưng phần lớn đã xuống cấp.

*Không gian làng xóm hiện hữu*

*Nhà ở dọc QL 14E*

*Nhà ở dọc đường TNVB*

*e) Kiến trúc các công trình tôn giáo, tín ngưỡng và nghĩa trang:*

- Các nghĩa trang của địa phương trong khu vực nghiên cứu nằm rải rác, phân tán và chưa đảm bảo về khoảng cách đối với các nơi cư trú và sản xuất, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái và các hoạt động sản xuất.

- Hình thức kiến trúc mộ phần an tang được xây dựng với các chi tiết cầu kỳ, kiên cố và trang nghiêm, tuy nhiên về tổng thể chưa được quy hoạch thành khu vực tập trung.

- Các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như đình làng, đền chùa, nhà thờ họ có kiến trúc độc đáo, xây dựng kiên cố gắn với cảnh quan sân vườn đẹp. Các không gian này cần được lưu giữ, tôn tạo và khai thác vào không gian kiến trúc tổng thể của các điểm dân cư, làng xóm, và các không gian chức năng khác của khu vực.

*Các công trình tín ngưỡng và nghĩa trang*

## 2.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên:

*2.2.1 Tài nguyên đất:*

Đất đai của khu vực nghiên cứu bao gồm 11 loại đất, chia thành các loại chủ yếu sau:

+ Đất phù sa và đất xám trên nền phù sa cổ: Đây là loại đất có chất lượng khá tốt, thích hợp với nhiều loại cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả; thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

+ Đất cồn cát và bãi cát trắng vàng: tập trung ở các xã ven và cận biển, loại đất này phù hợp trồng rừng phòng hộ chắn sóng, chắn cát bay hoặc xen lẫn các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, rau màu, dưa, cà, cây gia vị…và nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch có bảo vệ môi trường. Đây là một nguồn lực cho phát triển nền nông nghiệp với những mô hình thâm canh trên đất cát. Tuy nhiên, còn có một diện tích đất cát đáng kể chưa có hướng khai thác.

+ Các loại đất đỏ vàng: Phân bố chủ yếu tại các xã miền núi – trung du, thích hợp với trồng cây rừng, cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản, cây dược liệu. Các loại đất đất bạc màu, đất xói mòn trơ sỏi đá không hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp.

+ Nhóm đất mặn: Hình thành do ảnh hưởng của thủy triều và các mạch nước ngầm gây nhiễm mặn. Nhìn chung, đất mặn thường cho năng suất cây trồng thấp, những khu vực này thích hợp cho khai thác nuôi trồng thủy sản.

+ Nhóm đất xám: Thành phần cơ giới cát pha, thịt nhẹ. Phân bố nơi có độ dốc phổ biến dưới 150m, những nơi có độ dốc lớn nên phát triển lâm nghiệp. Nhìn chung đất xám bị bào mòn rửa trôi các chất dinh dưỡng mãnh nên đất có màu xám, nghèo dinh dưỡng, độ phì giảm đến bạc màu.

*2.2.2 Tài nguyên nước:*

*a) Nguồn nước mặt:*

Các sông chính chảy qua khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là sông Thu Bồn, sông Ly Ly và sông Trường Giang. Cụ thể:

- Sông Thu Bồn: đoạn qua khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là hạ lưu của sông Thu Bồn - đã được hợp lưu của hai dòng sông chính là Thu Bồn và Vu Gia. Phần hạ lưu của sông Thu Bồn bắt đầu từ Bến Giá chảy qua cầu Câu Lâu tới Cửa Đại dài 16km. Trước khi đổ ra biển qua Cửa Đại, đoạn cuối của sông Thu Bồn do sự tác động của thủy triều và phù sa bồi lấp, đã phân thành nhiều nhánh phụ, tách ra rồi nhập lại.

- Sông Trường Giang: là sông nước mặn và nước lợ chạy sát biển nối cửa An Hòa với cửa Đại - Hội An, khi lũ lớn chỉ ảnh hưởng tràn bờ vùng sát ven sông có cao độ nền <2,5m.

+ Sông Trường Giang không có thượng lưu và hạ lưu, chạy ngang, song

song với bờ biển Quảng Nam. Sông dài trên bảy chục cây số, nối hạ lưu hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn ở phía Bắc với hạ lưu hệ thống sông Tam Kỳ - An Tân ở phía Nam. Nguồn nước của Trường Giang được thu nhận từ hai hệ thống sông này. Nguồn nước nữa, đó là thủy triều lên xuống đổ vào và rút ra ở các cửa sông. Ở hai đầu Bắc và Nam, sông đều thông với biển. Phía Bắc, sông Trường Giang gặp sông Thu Bồn rồi cùng ra biển qua Cửa Đại. Phía Nam, sông Trường Giang hòa với sông Tam Kỳ, An Tân rồi đổ ra biển thông qua Cửa Lở và cửa An Hòa.

- Vào mùa nắng, dòng chảy của sông Trường Giang phụ thuộc vào thủy triều lên xuống. Khi thủy triều lên, nước đổ vào các cửa và chảy theo hai chiều đối nghịch. Nửa sông phía Bắc nước chảy theo hướng Nam; Nửa sông phía Nam chảy theo hướng Bắc. Khi thủy triều xuống thì quãng sông phía Nam chảy theo hướng Nam ra Cửa Lở và An Hòa; quãng sông phía Bắc chảy theo hướng Bắc ra Cửa Đại. Riêng quãng Trường Giang thuộc huyện Thăng Bình nằm chính giữa chiều dài dòng sông thì nước dùng dằng cả hai hướng. Vào mùa nước lũ, nhất là lúc lụt lớn thì dòng chảy chủ yếu phụ thuộc vào mức nước dâng của hai hệ thống Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ - An Tân. Đoạn sông có dòng chảy dùng dằng lại dao động về phía Nam hay Phía Bắc là tùy thuộc sức tranh giành của dòng chảy giữa hai hệ thống sông ấy.

- Sông Ly Ly: là dòng sông nhỏ chảy hoàn toàn trên địa phận huyện Quế Sơn theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, có nguồn từ núi Chom và Hòn Tàu. Sông là hợp lưu của ba con suối, một từ trên núi Chom chảy xuống làng Gia Cốc, một từ đèo Le xuống xã Quế Long và một từ Hòn Tàu xuống thị trấn Đông Phú. Sau hợp lưu sông chảy qua Quế An, thị trấn Đông Phú, Quế Minh, Quế Châu, Phú Thọ, Quế Phú, Hương An rồi đổ vào sông Bà Rén ở xã Quế Xuân 2 để nhập vào hạ lưu sông Thu Bồn.

*b) Nguồn nước ngầm:*

Độ sâu mực nước ngầm thay đổi do địa hình chi phối, độ sâu trung bình từ 2,5 đến 4m, mùa khô lượng mưa ít mực nước ngầm cạn kiệt, nhiễm mặn một số vùng ven biển, khả năng sử dụng nước rất hạn chế. Nhìn chung nguồn nước ngầm của khu vực dao động phụ thuộc vào địa hình.

*2.2.3 Tài nguyên rừng:*

Hiện trạng rừng của khu vực nghiên cứu lập quy hoạch tương đối phong phú, rừng phòng hộ chủ yếu tập trung dải ven biển. Các loại lâm sản trên địa bàn khu vực chủ yếu bao gồm một số loại gỗ (keo lá tràm, keo lai, cao su..), tre, nứa,

luồng, song, mây, đót…Do nằm trong vùng nhiệt đới, nên rừng thường xanh quanh năm, phong phú đa dạng về cấu trúc, nhiều loại động thực vật. Trong thời gian tới, tiếp tục quy hoạch các khu vực trồng rừng phòng hộ một số khu vực dọc ven sông, ven biển để phòng chống sạt lở và nâng cao công tác bảo vệ, ứng phó với biến đổi khí hậu.

*2.2.4 Tài nguyên biển:*

Bờ biển khu vực nghiên cứu dài khoảng 17km, chạy dọc theo chiều dài của xã Duy Hải, Bình Dương, Bình Minh.... Dọc bờ biển đã và đang hình thành nhiều bãi tắm, hàng năm thu hút lượng lớn người dân và du khách tham quan, tắm biển. Nhìn chung, chất lượng nước biển ven bờ của khu vực vẫn còn tốt. Khu vực ven biển có tiềm năng để phát triển dịch vụ du lịch.

*2.2.5 Tài nguyên khoáng sản:*

Theo một số tài liệu khảo sát, khu vực có các loại khoáng sản sau: Mỏ Inmennit ở thôn 1, xã Duy Hải. Ngoài ra, còn có điểm quặng laterit (Duy Nghĩa). Trữ lượng lớn cát Thạch anh (SiO2, hay cát trắng), phân bố chủ yếu ở các xã Bình Triều, Bình Giang... Cát, sỏi thường phân bố chủ yếu ở các bãi bồi, thềm sông và giữa lòng  sông Trường Giang, sông Ly Ly...

*2.2.6 Tài nguyên nhân văn:*

Khu vực nghiên cứu thuộc địa giới hành chính huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, là nơi có bề dày lịch sử rất lâu đời và tiềm năng du lịch đa dạng: có biển, sông hồ, gò đồi cảnh quan đẹp, có các làng nghề và tài nguyên văn hóa nhân văn.... Ngoài ra, còn có nhiều làng nghề nổi tiếng lâu đời và lễ hội dân gian mang màu sắc tín ngưỡng của cư dân vùng dọc hai bên sông Thu Bồn. Tiêu biểu trong khu vực có: Di tích Lăng bà Chợ Được được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh từ năm 2008, đến năm 2014, lễ hội lăng Bà Chợ Được được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Di tích và lễ hội này có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân xã Bình Triều huyện Thăng Bình; làng chiếu Bàn Thạch có lịch sử hình thành lâu đời từ thế kỷ XV, thuộc xã Duy Vinh huyện Duy Xuyên; nước mắm Cửa Khe, làng rau Hưng Mỹ-Bình Triều, khoai lang Trà Đóa và một số làng nghề chế biến hải sản (cá, tôm, nước mắm …) khác cũng tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo.Trên địa bàn khu vực nghiên cứu còn có làng du lịch sinh thái cộng đồng Trà Nhiêu thuộc xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, làng Trà Nhiêu có nhiều ngành nghề đa dạng: trồng trọt chăn nuôi, đánh bắt thuỷ hải sản trên sông và trên biển, nghề chiếu cói truyền thống, nghề chằm lá dừa nước... Về du lịch nghỉ dưỡng, khu vực có các bãi tắm đẹp mới đưa vào khai thác sử dụng như bãi tắm Bình Minh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng.

Các điểm du lịch này có thể kết hợp với các điểm du lịch khác trong và ngoài khu vực như du lịch di sản văn hoá thế giới phố cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn, quần đảo Cù Lao Chàm, quần thể kiến trúc chứng tích Núi Thành để trở thành quần thể du lịch phong phú, đa dạng. Đây là tiềm năng không nhỏ tạo điều

kiện thuận lợi cho phát triển du lịch và dịch vụ, đưa du lịch vươn lên thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện nói riêng, là điểm đến đầu tư phát triển du lịch của huyện Duy Xuyên và Huyện Thăng Bình cũng như tỉnh Quảng Nam nói chung.

### 2.3. Điều kiện hiện trạng:

*2.3.1. Dân số và lao động:*

*a) Dân số và phân bố dân cư:*

Dân số của khu vực nghiên cứu được thống kê năm 2023 là 77.526 người. Mật độ dân số trung bình 612 người/km².

**Bảng thống kê dân số hiện trạng[1]**

| TT | Đơn vị hành chính | Dân số |
|---|---|---|
| ***1*** | ***Khu vực huyện Duy Xuyên*** | ***36.291*** |
| 1.1 | Duy Thành | 7.424 |
| 1.2 | Duy Vinh | 10.270 |
| 1.3 | Duy Hải | 7.928 |
| 1.4 | Duy Nghĩa | 10.669 |
| ***2*** | ***Khu vực huyện Thăng Bình*** | ***41.235*** |
| 2.1 | Bình Giang | 8.311 |
| 2.2 | Bình Dương | 7.419 |
| 2.3 | Bình Triều | 9.581 |
| 2.4 | Bình Đào | 7.273 |
| 2.5 | Bình Minh | 8.541 |
| **Tổng cộng** | | **77.526** |

- Dân cư tập trung chủ yếu dọc theo tuyến đường quốc lộ và các khu vực trung tâm xã, phân bố không đều, mật độ thưa thớt, chênh lệch lớn giữa các khu vực. Dân cư tại khu vực nghiên cứu sống chủ yếu bằng nông nghiệp, ngư nghiệp và một số ít sống bằng nghề buôn bán, dịch vụ nhỏ và nghề thủ công truyền thống (làng nước mắm Cửa Khe, làng chiếu Bàn Thạch…). Nhìn chung mức sống chưa cao.

*b) Lao động:*

Tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế (năm 2023) khoảng 42.600 người [2], chiếm khoảng 55% so với tổng dân số toàn khu vực. Trong đó:

[1] Nguồn: Niên giám thống kê huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình năm 2023

- Lao động hoạt động trong các lĩnh vực thương mại - dịch vụ khoảng 13.500 người, chiếm 31,7% so với tổng số lao động.

- Lao động hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp – TTCN và xây dựng khoảng 24.110 người, chiếm 56,6% so với tổng số lao động.

- Lao động hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 5.000 người, chiếm 11,7% so với tổng số lao động.

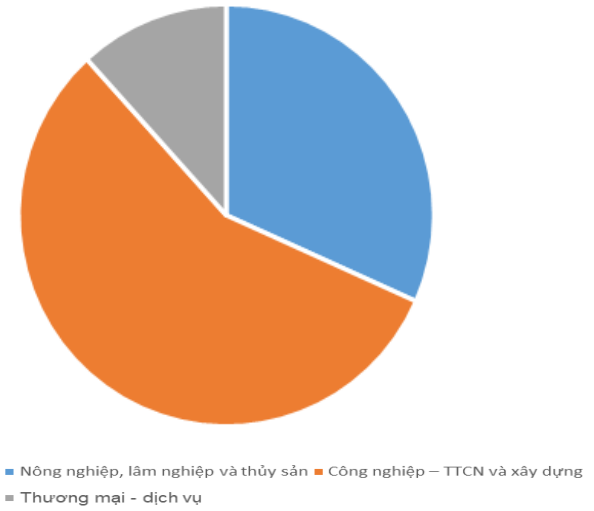


*c) Đánh giá về nguồn nhân lực:*

Cơ cấu lao động có sự dịch chuyển đáng kể, tăng dần tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng lao động trong nông, lâm nghiệp. Nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số đã có bước phát triển; số lượng, chất lượng lao động người dân tộc thiểu số làm việc trong các ngành kinh tế, các cơ quan, đơn vị tăng qua các năm.

Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực của huyện so với nhu cầu phát triển vẫn còn hạn chế; cần tăng thêm tỷ lệ lao động qua đào tạo, lao đông có chuyên môn kỹ thuật cao ở các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng.

*2.3.2. Hiện trạng sử dụng đất:*

Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình theo kết quả kiểm kê đất năm 2023 huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam của ngành Tài nguyên môi trường)

| TT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Tổng diện tích (ha) | Tỉ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| | **Diện tích tự nhiên** | **12.651,0** | **100,0** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **6.261,2** | **49,4** |
| 1.1 | Nông nghiệp | 4.715,1 | 37,3 |
| *1.1.1* | *Đất trồng lúa* | *1.651,3* | *13,1* |
| *1.1.2* | *Đất trồng cây hàng năm khác* | *1.655,9* | *13,1* |
| *1.1.3* | *Đất trồng cây lâu năm* | *1.407,9* | *11,1* |

[2] Nguồn: Niên giám thống kê năm 2023 của huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1.2 | Lâm nghiệp | 1.294,6 | 10,2 |
| *1.2.1* | *Đất rừng phòng hộ* | *1.100,4* | *8,7* |
| *1.2.2* | *Đất rừng sản xuất* | *194,2* | *1,5* |
| 1.3 | Đất nuôi trồng thủy sản | 236,0 | 1,8 |
| 1.4 | Đất nông nghiệp khác | 15,5 | 0,1 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **5.648,9** | **44,7** |
| 2.1 | Đất quốc phòng | 4,0 | 0,0 |
| 2.2 | Đất an ninh | 2,0 | 0,0 |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | 62,1 | 0,5 |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | 697,7 | 5,5 |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 55,1 | 0,4 |
| 2.7 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | 49,3 | *0,4* |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | 3,2 | 0,0 |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | 2.219,2 | *17,5* |
| | *Đất giao thông* | *1.011,3* | |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | 0,0 | 0,0 |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | 9,1 | 0,1 |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | 95,0 | 0,8 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | 1.469,0 | 11,6 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | 0,0 | 0,0 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 6,9 | 0,1 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | 0,1 | 0,0 |
| 2.17 | Đất cơ sở tín ngưỡng | 18,2 | 0,1 |
| 2.18 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | 861,7 | 6,9 |
| 2.19 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 96,3 | 0,8 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **740,9** | **5,9** |

Bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất (theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng)

| STT | Danh mục | Hiện trạng | |
|---|---|---|---|
| | | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
| | **Diện tích đất tự nhiên khu vực lập quy hoạch** | **12.651,0** | **100,0** |
| **I** | **Khu vực xây dựng các chức năng** | **4.241,1** | **33,5** |
| 1.1 | Đất phát triển dân cư nông thôn | 2.448,6 | 19,4 |
| 1.2 | Đất công cộng | 10,8 | 0,1 |
| 1.3 | Đất sản xuất công nghiệp | 169,8 | 1,3 |
| 1.4 | Đất du lịch | 333,8 | |
| 1.5 | Đất di tích, tôn giáo | 24,0 | 0,2 |
| 1.6 | Đất an ninh, quốc phòng | 6,0 | 0,0 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 1.7 | Đất nghĩa trang | 906,1 | 7,2 |
| 1.8 | Đất giao thông | 342,0 | 2,7 |
| **II** | **Khu vực nông nghiệp và chức năng khác** | **7.669,0** | **60,6** |
| 2.1 | Đất sản xuất nông nghiệp | 4.902,7 | 38,8 |
| 2.2 | Đất lâm nghiệp | 1.294,6 | 10,2 |
| | *Rừng phòng hộ* | *1.100,4* | *8,7* |
| | *Rừng sản xuất* | *194,2* | *1,5* |
| *2.3* | Đất nuôi trồng thủy sản | 285,5 | 2,3 |
| 2.4 | Mặt nước | 1.186,1 | 9,4 |
| | *Đất thủy lợi* | *225,9* | *1,8* |
| | *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối* | *861,7* | *6,8* |
| | *Măt nước chuyên dùng* | *98,5* | *0,8* |
| **III** | **Chưa sử dụng (Đất bằng, đồi núi chưa sử dụng…)** | **740,9** | **5,8** |

- Tổng diện tích tự nhiên khu vực lập quy hoạch là **12.651ha**, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là ***4.902,7ha*** (chiếm 38,8% tổng diện tích), đất phát triển dân cư nông thôn là ***2.448,6ha*** (chiếm 19,4% tổng diện tích), đất lâm nghiệp là ***1.294,6ha*** (chiếm 10,2% tổng diện tích).

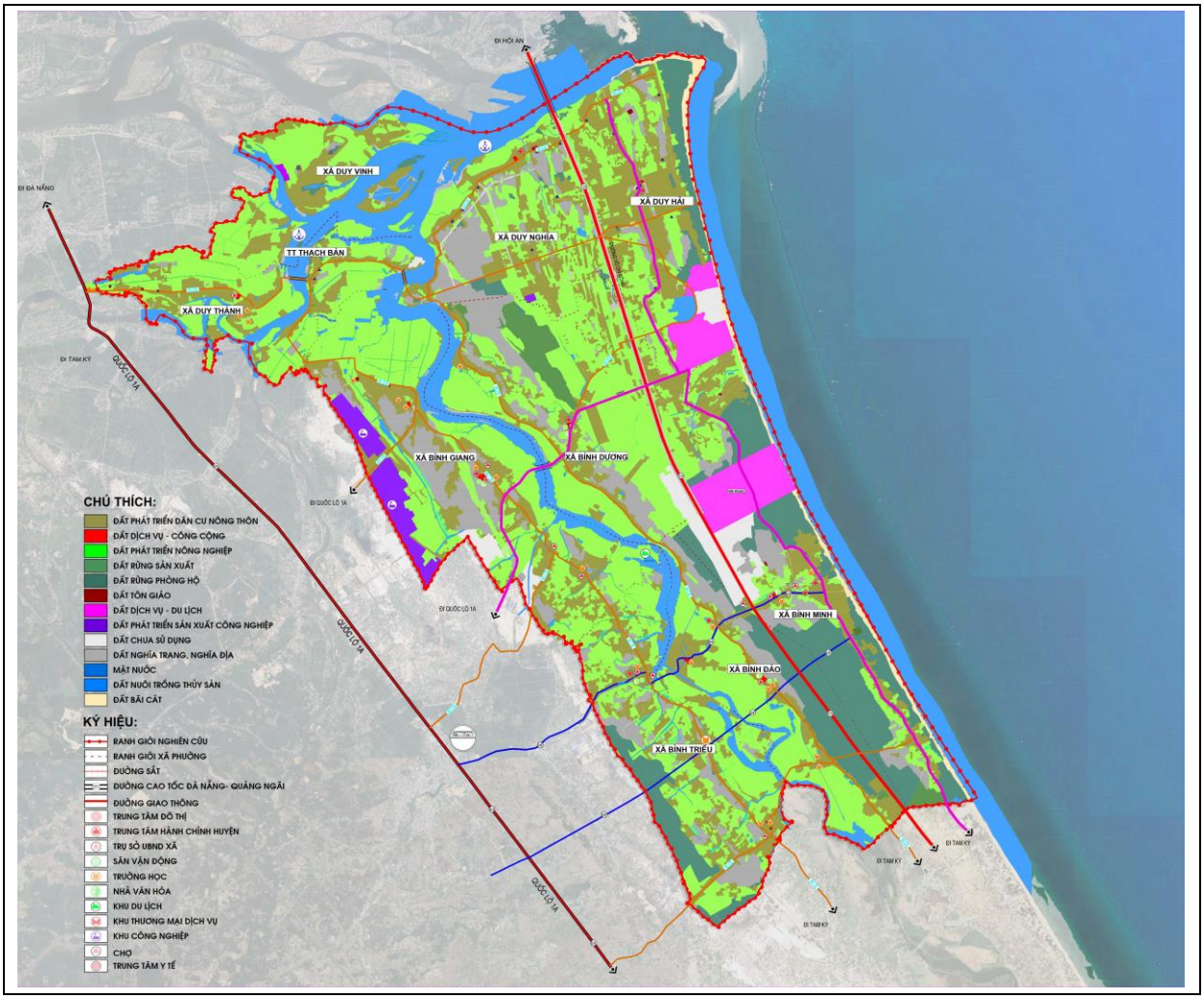


- Diện tích đất trồng lúa phân bố chủ yếu tại khu vực hai xã Duy Thành, Duy Vinh và dọc hai bên hành lang sông Trường Giang. Một phần nhỏ diện tích đất lúa phân bố đan xen với cụm dân cư của các xã Bình Giang, Bình Triều, diện tích đất lúa tại vị trí này chủ yếu là lúa trên nền cát, hiệu quả và năng suất không cao.

- Khu vực đất lâm nghiệp chủ yếu là đất rừng chống phong hóa, phân bố chủ yếu trên các cồn cát hiện hữu và dọc hai bên các con suối tự nhiên chạy theo hướng Đông - Tây của các xã Bình Dương và Bình Minh, khu vực này rất có tiềm năng để hình thành các chuỗi công viên rừng sinh thái. Đất rừng phòng hộ chủ yếu tập trung dọc khu vực ven biển được xem là lá chắn xanh để chắn cát, gió, bảo vệ ổn định bờ biển…

*2.3.2. Hiện trạng kinh tế:*

Hiện nay, do tình hình kinh tế quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế toàn cầu mặc dù đã vượt qua giai đoạn khó khăn, thách thức sau hơn 03 năm chịu ảnh hưởng của đại dịch nhưng vẫn phải đối mặt với những

khó khăn như: vấn đề lạm phát, suy giảm kinh tế, an ninh năng lượng, các xung đột chính trị đã, đang và sẽ còn tiếp diễn theo chiều hướng không thuận lợi làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển. Tuy nhiên, với sự quyết tâm cao của các cấp, các ngành và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình năm 2023 có những chuyển biến nhất định, chính trị xã hội ổn định, sức mạnh đại đoàn kết được tăng cường. Một số ngành, lĩnh vực phục hồi và có hướng phát triển song vẫn còn nhiều ngành, lĩnh vực gặp khó khăn về thị trường, nguồn vật tư, chi phí sản xuất nên tăng trưởng chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Huyện Duy Xuyên: Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện ước tính năm 2023 (theo giá so sánh 2010) ước đạt trên 15,6 nghìn tỷ đồng, tăng 1,17% so với năm 2022. Trong đó tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp - xây dựng chỉ đạt 83,73% so với cùng kỳ năm ngoái. Khu vực dịch vụ tăng mạnh đạt 121,7%, riêng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản mức tăng vượt kế hoạch đặt ra là 102,7% (kế hoạch 2,5%).

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, về cơ cấu tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành:

- Công nghiệp - Xây dựng: 43,6% (NQ 43%).
- Thương mại - Dịch vụ: 44,3% (NQ 45%).
- Nông - Lâm - Ngư nghiệp: 12,1% (NQ 12%).

Theo xu hướng chuyển dịch kinh tế, cơ cấu lao động thời gian qua cũng chuyển dịch theo hướng tiến bộ, tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp và giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp.

- Huyện Thăng Bình: Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế (giá so sánh 2010) ước tính 9 tháng năm 2023 trên địa bàn huyện đạt 8.441 tỷ đồng, tăng 8,75% so cùng kỳ năm 2022 và đạt 76,28% so kế hoạch năm 2023. Trong mức tăng trưởng chung toàn huyện 9 tháng năm 2023, ngành nông lâm thủy sản ước đạt 1.658 tỷ đồng (tăng 3,5% so cùng kỳ 2022 và đạt 76,26% kế hoạch năm); ngành công nghiệp và xây dựng ước đạt 4.280 tỷ đồng (tăng 9,35% và đạt 74,4% kế hoạch năm); ngành thương mại và dịch vụ ước đạt 2.503 tỷ đồng (tăng 11,44% và đạt 79,74% kế hoạch năm).

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, về cơ cấu tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành:

- Công nghiệp - Xây dựng: 42,96% (NQ 42,8%).

- Thương mại - Dịch vụ: 37,26% (NQ 37,5%).

- Nông - Lâm - Ngư nghiệp: 19,78% (NQ 19,7%).

Cơ cấu hiện trạng kinh tế - xã hội của huyện đang dịch chuyển dần theo hướng tăng dần giá trị công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, cơ cấu này làm chuyển dịch cơ cấu dân số, lao động, và là cơ cấu dịch chuyển hợp với nền kinh tế hiện nay. Là một trong những bước tiến cực kỳ quan trọng đưa Thăng Bình dần trở thành Huyện có chỉ số phát triển kinh tế mạnh của tỉnh.

**2.4. Hiện trạng hạ tầng xã hội:**

*a) Hệ thống công trình y tế:*

Huyện Duy Xuyên:

- Hệ thống các cơ sở y tế huyện Duy Xuyên bao gồm: 02 bệnh viện, 02 phòng khám đa khoa và 14 trạm y tế xã, thị trấn. Tổng số giường bệnh là 475 giường.

- Ngoài ra còn có 27 phòng khám chữa bệnh Tây y, 05 phòng khám Đông y và 82 cơ sở kinh doanh dược phẩm.

- Các trạm y tế xã đã được cung cấp các thiết bị, dụng cụ cần thiết để phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện các dịch vụ về dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Huyện Thăng Bình:

- Mạng lưới y tế phát triển mạnh so với giai đoạn trước, cơ sở vật chất được tăng cường, trang thiết bị được đầu tư theo hướng chuyên sâu, phù hợp với yêu cầu từng tuyến điều trị.

- Năm 2023, trên địa bàn huyện có 26 cơ sở y tế, gồm: 02 bệnh viện (Trung tâm Y tế huyện, Bệnh viện Thăng Hoa; 253 giường), 2 Phòng khám đa khoa (38 giường bệnh) và 22 Trạm y tế ở 22 xã, thị trấn (với 110 giường bệnh). Tổng số giường bệnh toàn huyện hiện là 401 giường.

*b) Hệ thống công trình giáo dục:*

- Huyện Duy Xuyên có 57 trường học gồm: 20 trường mẫu giáo; 18 trường tiểu học; 15 trường THCS và 04 trường THPT. Trong đó đã có 48 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Huyện Thăng Bình có 70 trường công lập, gồm 23 trường mầm non - mẫu giáo, 26 trường tiểu học, 19 trường THCS, 2 trường tiểu học & THCS và 5

trường mầm non tư thục; có 31.659 học sinh từ bậc mầm non đến THCS. Đến nay, 67/70 trường đạt chuẩn quốc gia (95,71%). Mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện Thăng Bình được bố trí đều khắp, đảm bảo cho công tác dạy và học.

Nhìn chung, hệ thống công trình giáo dục trên địa bàn 2 huyện Duy Xuyên, Thăng Bình nói chung và khu vực lập quy hoạch nói riêng, đều tương đối hoàn thiện từ cấp học mầm non đến giáo dục phổ thông.

*c) Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:*

- Toàn huyện Duy Xuyên có 01 Trung tâm văn hóa, 14 nhà văn hóa cấp xã cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân. Đến nay, có 85,9% thôn, khối phố đạt chuẩn văn hóa. Tính đến nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng được 01 trung tâm thể dục thể thao cấp huyện, 18 sân vận động cấp xã, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thể dục thể thao của người dân. Hằng năm, huyện đã tổ chức các giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, đua thuyền nhằm khuyến khích phong trào rèn luyện thể thao trong cộng đồng.

- Cơ sở vật chất cho sinh hoạt văn hóa của thiếu nhi trên địa bàn huyện Thăng Bình còn rất thiếu, do vậy chưa tạo ra được không gian sinh hoạt văn hóa cho các tầng lớp thanh, thiếu niên.

## 2.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

1. Hiện trạng nền xây dựng và thoát nước mưa

a) Hiện trạng cao độ nền:

- Khu vực huyện Duy Xuyên:

+ Xã Duy Hải là vùng giáp biển của huyện Duy Xuyên, có địa hình bờ biển thấp phẳng với nhiều diện tích đất cát và đất nhiễm mặn. Cao độ nền hiện trạng từ 0.00m – 7.66m, địa hình cao tại khu vực đường Võ Chí Công (đường ven biển) thấp thoải dần về phía biển.

+ Xã Duy Nghĩa phía Tây đường giáp sông Thu Bồn, phía Tây giáp sông Trường Giang, cao độ nền trung bình từ 0.5m – 6.0m, địa hình cao nhất tại khu vực đường Võ Chí Công thấp dần về phía sông Thu Bồn và sông Trường Giang. Khu vực ven sông cao độ nền thấp, hàng năm vào mùa mưa thường xảy ra ngập lụt.

+ Xã Duy Vinh khu vực ven sông Thu Bồn, cao độ nền trung bình từ 0.0m – 3.5m là khu vực thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt với tần sất P=75%, chiều sâu ngập từ 1m đến 3m.

+ Xã Duy Thành khu vực ven sông Thu Bồn và sông Bà Rén, cao độ nền trung bình từ 0.5m – 3.0m là khu vực thấp thường xuyên bị ngập lụt.

- Khu vực huyện Thăng Bình:

+ Xã Bình Giang cao độ nên hiện trạng từ 0.5 – 6.5m, địa hình cồn cát cao khu ở khu vực phía Tây thấp dần về phía sông Trường Giang.

+ Xã Bình Dương cao độ nên hiện trạng từ 0.0 –7.0m, địa hình mai rùa cao nhất tại đường Võ Chí Công thấp dần về phía biển và sông Trường Giang.

+ Xã Bình Triều cao độ nên hiện trạng từ 0.5 –8.0m, địa hình cồn cát thấp dần về phía biển và sông Trường Giang.

+ Xã Bình Đào khu vực phía Tây đường Võ Chí Công và ven sông Trường Giang, địa hình cao nhất khu vực đường Võ Chí thấp dần về phía sông Trường Giang.

+ Xã Bình Minh khu vực phía Đông đường Võ Chí Công và giáp biển, địa hình cao nhất khu vực đường Võ Chí thấp dần về phía biển.

Huyện Thăng Bình Khu vực dọc sông Trường Giang cao độ nền từ 0,8 – 2,0m, thường xuyên bị ngập nước vào mùa lũ và khi có triều cường.

b) Hiện trạng thoát nước mưa

- Hiện trạng sông ngòi, lũ lụt

Các sông chính là sông Thu Bồn, sông Bà Rén và sông Trường Giang và hệ thống mương lạch chằng chịt và bị chia cắt bởi những bãi, nổng, cồn cát; những đầm, vũng, ao hồ…và những rừng dừa nước.

Mưa bão ở Duy Xuyên thường xuất hiện vào các tháng 9,10,11 hàng năm; các cơn bão thường kéo theo những trận mưa lớn gây lũ lụt toàn khu vực.

Chế độ mực nước sông Thu Bồn, Trường Giang cũng phụ thuộc vào chế độ thủy triều lên xuống ngày 2 lần (bán nhật triều); giữa kỳ nước cường và nước kém biên độ triều chênh lệch không đáng kể. Về mùa khô, do nước sông xuống thấp, nước biển thâm nhập sâu gây nhiễm mặn.

- Hiện trạng thoát nước mặt:

Phần lớn diện tích khu vực chưa có hệ thống thoát nước, nước mưa tự chảy theo địa hình tự nhiên theo các mương suối hiện trạng, sau đó đổ ra sông Thu Bồn, sông Trường Giang và ra biển

Các khu vực xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa đã được xây dựng, về lâu dài khớp nối đồng bộ hệ thống thoát nước cả khu vực quy hoạch đảm bảo thoát nước thuận tiện ra các nguồn xả (sông Trường Giang, Thu Bồn, biển).

2. Hiện trạng giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Cao tốc Đà Nẵng-Quảng Nam phí Tây là trục giao thông kết nối khu vực Núi Thành, Tam Kỳ, Khu kinh tế Chu Lai, Duy Xuyên-Thăng Bình Hội An. Đây là trục giao thông tốc độ cao quan trọng tạo cửa ngõ phát triển phía Tây.

- QL1A: Trục giao thông kết nối Núi Thành-Tam Kỳ-Hội An.

- QL14E: Kết nối về phía Tây khu vực Thăng Bình – Quốc lộ 1A và các thị trấn phía Tây như Việt An,Tân An. Là trục giao thông quan trọng kết nối khu vực phía Tây Thăng Bình với biển. Tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng

- Đường Võ Chí Công: Là trục giao thông chiến lược ven biển kết nối khu vực Hội An dọc ven biển xuống qua các khu nghỉ dưỡng, khu kinh tế chu lai, là trục động lực góp phần phát triển kinh tế, du lịch.

- Đường Thanh Niên: Chạy dọc ven biển kết nối khu vực Duy Xuy – Thăng Bình với khu kinh tế chu Lai tiêu chuẩn cấp IV

b) Giao thông đối nội

Khu vực quy hoạch có mạng lưới giao thông còn hạn chế với khoảng 15 tuyến đường chính mặt cắt từ 6,5 – 43m.

- Đường huyện có các tuyến ĐH6.DX; đường ĐH1.TB; ĐH2.TB; ĐH11.TB; ĐH12.TB; ĐH13.TB, các tuyến này đạt tiêu chuẩn đường cấp VI-V đồng bằng, nền đường rộng 7,5-11,5m, mặt đường rộng 3,5-7,5m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa và bê tông xi măng.

- Còn lại là các tuyến giao thông liên xã, tuyến đường liên thôn, kết cấu bê tông xi măng.

c) Giao thông đường thủy

- Sông Thu Bồn phía Bắc đoạn qua khu vực quy hoạch có chiều dài 9,5 km phương tiện chủ yếu là thuyền máy có trọng tải < 10 tấn.

- Sông Trường Giang đoạn qua khu vực Duy Xuyên dòng chảy lớn nên vận chuyển hàng hóa tốt, phương tiện vận tải có trọng tải từ 10-15 tấn lưu thông. Đoạn qua khu vực Thăng Bình dòng chảy hẹp cần tiến hành nạo vét để phát triển giao thông đường thủy xuyên suốt kết nối đối ngoại với khu Kinh tế Chu Lai – Đà Nẵng

- Âu thuyền Hồng Triều phục vụ các tàu thuyền tránh bão.

3. Hiện trạng cấp nước

Khu vực quy hoạch được cấp từ 3 nguồn chính

- Nhà máy nước Nam Phước công suất 3.500m3/ngđ cấp cho thị trấn Nam Phước và khu lân cận.

- Nhà máy nước Thăng Bình công suất 2.500m3/ngđ.

- Nhà máy cấp nước BOO Phú Ninh cấp cho khu vực Thanh Bình, Duy Hải, Duy Nghĩa qua tuyến ống truyền dẫn D400-D500 chạy dọc đường QL1A và đường Võ Chí Công.

4. Hiện trạng cấp điện

- Nguồn cấp điện: Khu vực quy hoạch hiện nay được cấp điện từ 2 nguồn chính:

+Trạm biến áp 110KV Duy Xuyên công suất 1x40MVA+1x25 MVA.

+Trạm 110KV Thăng Bình 2 công suất 1x40MVA.

- Lưới cao thế: Trong khu vực quy hoạch có tuyến cao thế 110KV chạy qua khu vực Thăng Bình, cấp điện cho trạm 110KV Thăng Bình.

- Lưới trung thế: Trong khu vực quy hoạch có các lưới điện 35KV, 22KV chủ yếu đi nổi, vận hành ổn định.

- Lưới điện điện chiếu sáng: : Hệ thống điện chiếu sáng các trục đường có dãi phân cách đi ngầm, dây dẫn dùng cáp ngầm. Hệ thống điện chiếu sáng các trục đường còn lại đi nổi trên trụ ly tâm, dây dẫn dùng cáp vặn xoắn ABC..

- Trạm biến áp: Các trạm biến áp hiện trạng khu vực quy hoạch chủ yếu là các trạm biến áp kiểu treo.

5. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

a. Thoát nước bẩn:

- Hiện trạng khu vực quy hoạch chưa có hệ thống thoát nước thải riêng. Mạng lưới thoát nước thải hiện tại là hệ thống cống chung, nước thải và nước mưa cùng đổ vào hệ thống mương dọc 2 bên đường.

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được xử lý bằng bể tự hoại sau đó nước tự thấm trực tiếp vào đất hoặc đổ ra vùng trũng.

- Nước thải công nghiệp: Các CNN đã đầu tư hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung CCN riêng của khu.

b. Quản lý chất thải rắn

Hiện tại, UBND các xã trên địa bàn huyện Duy Xuyên – Thăng Bình đã thành lập tổ thu gom rác thải để quản lý CTR mỗi xã. Theo đó, CTR mỗi địa phương trên địa bàn được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý.

b. Nghĩa Trang

Hiện trạng đất nghĩa trang, nghĩa địa trong khu vực quy hoạch khá lớn, mồ mả được chôn cất phân tán rải rác, xen lẫn trong khu dân cư trên các cồn cát gây ảnh hưởng đến sản xuất và môi trường, một số khu vực đã được định hướng vào các điểm chôn cất tập trung theo quy hoạch

**2.6. Hiện trạng môi trường:**

- Khu vực quy hoạch chưa có hệ thống thoát nước thải riêng biệt, thoát nước đang là thoát nước chung vì vậy ảnh hưởng đến môi trường nước. Các nghĩa trang xen kẽ các khu dân cư gây ảnh hưởng môi trường. Khu vực đất canh tác nông nghiệp có nguy cơ ô nhiễm do thuốc bảo vệ thực vật.

- Về lâu dài cần có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt đưa về các trạm xử lý. Rác thải được thu gom triệ để chở đi. Khu vực nghĩa trang cần được khoanh vùng, cách ly đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường.

**2.7. Rà soát cập nhật một số quy hoạch, dự án có liên quan:**

*a) Các đồ án quy hoạch cấp trên:*

(1) Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024;

(2) Điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018;

*b) Rà soát cập nhật một số quy hoạch, dự án liên quan*

- Quy hoạch chung đô thị mới Duy Hải - Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045 (đang trong giai đoạn trình phê duyệt đồ án);
- Quy hoạch chung đô thị Bình Minh đến năm 2030 và 2045; (đang trong giai đoạn trình phê duyệt đồ án);
- Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã Duy Vinh, Duy Thành, Bình Dương, Bình Giang, Bình Triều; Bình Đào;
- Dự án khu nghỉ dưỡng Nam Hội An: 1.017,5ha;
- Dự án tái định cư Duy Hải: 123 ha;
- Dự án khu đô thị Nồi Rang: 14,4 ha;
- Dự án tái định cư Nồi Rang và Nồi Rang mở rộng: 102,2ha;
- Dự án khu Sơn Viên: 35 ha;
- Khu tái đinh cư An Lương Thuận An;
- Khu đô thị Hội An Reverside;
- Dự án khu tái định cư Lệ Sơn giai đoạn 1: 26 ha;
- Dự án nghĩa trang vùng Đông: 51,3 ha
- Khu tái định cư Bình Dương (giai đoạn 1, 2);
- Khu dân cư Bình Minh: 200ha;
- Cụm công nghiệp Duy Nghĩa 1: 47,65 ha;
- Khu du lịch Vinpearl: 210 ha (đang triển khai xây dựng hoàn thiện);
- Khu du lịch Đạt Phương: 184ha;
- Khu du lịch An Thịnh: 184ha;
- Khu công nghiệp Quế Sơn: 456 ha (một phần diện tích thuộc khu vực nghiên cứu);
- Cụm công nghiệp Bình Hòa: 56 ha;
- Khu dân cư trung tâm xã Bình Dương: 270ha;
- Khu đô thị và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Dương: 371 ha;
- Khu đô thị và ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại Bình Minh: 400ha;
- Khu đô thị đại học Bình Minh: 100ha;
- Khu đô thị Opal City: 300ha;
- Dự án Opal Ocean View;
- Khu đô thị Việt Nhật - Bình Đào: 2.300ha;

**2.8. Đánh giá tổng hợp:**

| a) Điểm mạnh | b) Điểm yếu |
|---|---|

| | |
|---|---|
| - Có vị trí địa lý rất thuận lợi, là trung tâm của Cụm động lực số 2 (Duy Xuyên - Quế Sơn - Thăng Bình) thuộc hành lang phát triển Trung Quảng Nam, đồng thời là điểm liên kết phát triển liên vùng giữa Cụm động lực số 2 (Duy Xuyên - Quế Sơn - Thăng Bình) với Cụm động lực số 1 (Đại Lộc - Điện Bàn - Hội An) và Cụm động lực số 3 (Phú Ninh - Núi Thành - Tam Kỳ) thông qua tuyến ven biển Võ Chí Công.<br>- Nằm trong vùng tiếp cận thuận lợi với hệ thống giao thông đối ngoại sẵn có, kết nối nhanh với cá cụm động lực của Tỉnh và các cực phát triển của Vùng cả theo hướng Bắc Nam và Đông Tây. Hệ thống hạ tầng cấp vùng và quốc gia xung quanh khu vực, hội tụ các tuyến giao thông Bắc Nam (Quốc lộ 1A, cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường ven biển Võ Chí Công), Đông Tây (QL 14B, QL 14E, ĐT 610) với các loại phương tiện đường thủy, đường bộ, đường sắt và hàng không (sân bay Chu Lai).<br>- Nằm giữa vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, khu vực nghiên cứu kết nối với thành phố Đà Nẵng, Hội An và Khu kinh tế mở Chu Lai tạo thành một chuỗi đô thị có động lực và khả năng phát triển kinh tế cao.<br>- Là nơi hội tụ các yếu tố tự nhiên như biển, cồn cát, ruộng thấp bên sông, sông và rừng phòng hộ ven biển. Đặc biệt là tài nguyên cảnh quan thiên nhiên chất lượng cao như biển và sông phục vụ phát triển du lịch sinh thái chất lượng cao. Vùng biển ven bờ nằm trong ngư trường Cửa Đại, là nơi tập trung của nhiều loại cá và các loại hải sản quý hiếm. Đây là nguồn tài nguyên | - Cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, hạn chế về giao lưu do có sông lớn, biển bao quanh.<br>- Bị ảnh hưởng lớn bởi bão, lũ lụt, biến đổi khí hậu, gió mùa Tây Nam, xâm thực mặn…vv.<br>- Một số khu vực sa mạc hóa, suy yếu rừng phòng hộ ven biển.<br>- Xuất phát điểm thấp, phần lớn là làng nông nghiệp truyền thống.<br>- Dân cư, nghĩa địa phân bố rải rác, khó khăn trong sắp xếp bố trí dân cư, đô thị hóa.<br>- Nguồn lao động có trình độ cao phục vụ trong ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch chất lượng còn thiếu. |

| | |
|---|---|
| có giá trị khai thác lớn và lâu dài, là động lực quan trọng trong việc phát triển nghề cá của toàn khu vực nghiên cứu.<br>- Có điều kiện mặt bằng thoáng, rộng dễ dàng trong việc tạo lập các khu chức năng, thuận lợi trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Đặc biệt, khu vực cồn cát phía Tây sông Trường Giang phần lớn là các cồn cát trắng, rất thuận lợi cho phát triển công nghiệp.<br>- Bên cạnh đó, khu vực còn có đường bờ biển dài, đồng thời nằm khá gần và liên kết thuận lợi với các điểm di tích lịch sử, văn hóa, du lịch nổi tiếng của quốc gia như đô thị cổ Hội An, khu di tích lịch sử Mỹ Sơn, khu du lịch đảo đặc biệt Cù Lao Chàm, các khu du lịch của Đà Nẵng như Bà Nà, Non Nước, Mỹ Khê… Đây là một trong những lợi thế quan trọng để hình thành và phát triển các khu du lịch trong khu vực.<br>- Nằm gần các đô thị của huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, thị xã Điện Bàn và thành phố Hội An, sẽ tạo thành chùm đô thị có sự hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình hình thành và phát triển.<br>- Có lực lượng lao động tương đối lớn, đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư về số lượng cũng như chất lượng. | |
| c) Cơ hội | d) Thách thức |
| - Trở thành một vùng động lực kinh tế phía Đông của tỉnh Quảng Nam.<br>- Là điểm đến du lịch tầm cỡ quốc tế, chất lượng cao. Thu hút lượng lớn và đa dạng khách du lịch: Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ, Châu Âu…vv.<br>- Nơi đặc biệt hấp dẫn về đầu tư | - Xây dựng thương hiệu du lịch riêng của khu vực. Chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các khu vực du lịch ven biển có điều kiện tương tự.<br>- Tạo lập sản phẩm du lịch, mô hình phát triển mới.<br>- Tái cấu trúc khu vực dân cư nông thôn, tác động tiêu cực của những |

| | |
|---|---|
| (du lịch, đô thị). Đón nhận các nguồn lực đầu tư lớn trong và ngoài nước trong thời gian tới.<br>- Nơi có môi trường sống lý tưởng.<br>- Nhiều Tập đoàn kinh tế lớn, công ty lớn trong và ngoài nước rất quan tâm đến đầu tư vào dải ven biển miền Trung với tiềm năng về vị trí địa lý, đất đai, cảnh quan tự nhiên, nhân lực và những thuận lợi trong chính sách thu hút đầu tư. | vấn đề xã hội. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển nhanh, mang tính đột phá với đòi hỏi phát triển bền vững.<br>- Phát triển du lịch song hành với bảo vệ môi trường, gìn giữ truyền thống văn hóa địa phương.<br>- Biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán, xâm thực mặn, nước biển dâng…vv.<br>- Đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị, du lịch, tái tạo môi trường lớn. |

## 3. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN

### 3.1 Vị trí, vai trò và mối liên hệ vùng của khu vực:

*a) Là cực phát triển mới của vùng Đông Quảng Nam*

- Vùng Đông Quảng Nam với phần lớn diện tích là đồng bằng ven biển - hải đảo, đây là vùng được xác định là Vùng động lực của tỉnh Quảng Nam, đảm nhiệm vai trò đầu tàu phát triển cho toàn Tỉnh, tập trung phát triển mạnh các ngành du lịch, dịch vụ và công nghiệp, để tạo tác động lan tỏa.

- Tổng thể Vùng Đông được chia thành 3 cụm động lực phát triển kinh tế ven biển. Trong đó, khu vực nghiên cứu nằm trong Cụm động lực số 2 (cụm Nam Hội An, bao gồm các xã Duy Xuyên, Thăng Bình và Quế Sơn) và nằm trên hành lang phát triển Trung Quảng Nam.

- Khu vực nghiên cứu giữ vai trò là đầu mối giao lưu cửa ngõ liên vùng, trung tâm du lịch, dịch vụ và thể thao cấp vùng. Tập trung phát triển các dự án động lực cấp vùng về đô thị - du lịch - dịch vụ để trở thành cực phát triển mới của vùng Đông Quảng Nam, để tác động lan tỏa và tạo nguồn lực phát triển cho toàn vùng.

*b) Điểm cực đối trọng với thành phố Hội An*

- Thành phố Hội An nằm trong chuỗi kết nối di sản Cố đô Huế - Phố cổ Hội An - Thánh địa Mỹ Sơn, đồng thời là hạt nhân phát triển của vùng Hội An và phụ cận. Quá trình phát triển đô thị Hội An luôn đối mặt với một thách thức lớn là phát triển phải gắn liền với việc bảo tồn cấu trúc không gian khu phố cổ, các công trình kiến trúc hiện hữu thuộc di sản văn hóa thế giới đã được công nhận và các nguồn tài nguyên thiên nhiên đặc thù phục vụ du lịch.

- Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và phát triển các đô thị đối trọng nhằm

làm giảm sức ép lên đô thị cổ Hội An là rất quan trọng. Tận dụng vai trò hạt nhân của Hội An để tăng cường liên kết, hình thành chùm đô thị giữa Hội An và vùng phụ cận. Trong đó, khu vực lập quy hoạch giữ vai trò là cực đối trọng của thành phố Hội An, được xây dựng và phát triển tương đương với đô thị trung tâm Hội An.

- Trong tương lai gần khu vực sẽ trở thành trung tâm du lịch biển Quảng Nam và khu vực miền Trung. Đồng thời cũng sẽ là đô thị trung tâm của các cực đối trọng được hình thành mới.

*c) Kết nối giao thông đường thủy:* Khu vực nghiên cứu thuộc vùng cửa sông, ven biển, nơi hội tụ của các con sông lớn là Thu Bồn, Trường Giang, Ly Ly và Cổ Cò. Kết nối thuận lợi với các khu vực xung quanh thông qua hệ thống giao thông thủy như: phía Bắc với Hội An, Đà Nẵng thông qua tuyến giao thông thủy dọc sông Cổ Cò, phía Nam với thành phố Tam Kỳ, Khu kinh tế mở Chu Lai thông qua tuyến giao thông thủy dọc sông Trường Giang và phía Tây với Hương An thông qua sông Ly Ly. Đây là lợi thế đặc biệt giúp khu vực giao lưu kinh tế, văn hóa và du lịch với khu vực xung quanh thông qua giao thông đường thủy.

*d) Trung tâm hỗ trợ du lịch vùng (di sản miền Trung)*

- Quảng Nam là điểm đến đầy ấn tượng trong hành trình khám phá di sản của miền Trung, bởi nơi đây có di sản văn hóa thế giới Khu đến tháp Mỹ Sơn, phố cổ Hội An và khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm nổi tiếng thế giới.

- Chuỗi kết nối di sản Cố đô Huế - phố cổ Hội An - thánh địa Mỹ Sơn là mối liên kết quan trọng, làm động lực phát huy hết lợi thế và tiềm năng du lịch di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của khu vực duyên hải miền Trung. Trong đó, ưu tiên phát huy và khai thác hai dòng sản phẩm du lịch *"Con đường di sản"* và *"Đường mòn sinh thái"*. "Con đường di sản" nhấn mạnh các quần thể công trình như Hoàng thành Huế, phố cổ Hội An và di tích khu đền tháp Chăm cổ (Mỹ Sơn). "Đường mòn sinh thái" nói về sự đa dạng sinh học và các vùng sinh thái quan trọng như rừng quốc gia Bạch Mã (Huế), núi Bà Nà, bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm (Quảng Nam).

- Việc nối kết được những giá trị độc đáo của các điểm đến trên chuỗi di sản nêu trên sẽ tạo nên một vùng du lịch đặc biệt đa dạng và vô cùng cuốn hút. Khu vực nghiên cứu có vị trí và vai trò rất quan trọng đối với sự hình thành và

phát triển của chuỗi liên kết hành trình di sản này. Với lợi thế về vị trí địa lý, nằm khá gần và có quan hệ thuận lợi với các điểm di tích lịch sử, văn hóa, du lịch như phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn, khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm là một trong những động lực quan trọng để đưa khu vực trở thành trung tâm hỗ trợ du lịch cho vùng di sản miền Trung nói chung và cho chuỗi kết nối di sản Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam nói riêng.

- Trong tương lai khu vực sẽ là không gian ưu tiên tập trung thu hút đầu tư phát triển du lịch nhằm giảm tải cho khu vực di sản với định hướng phát triển sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, thủ công truyền thống gắn với du lịch tìm hiểu lịch sử văn hóa cách mạng, du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch công vụ (MICE)...

### 3.2 Mục tiêu và động lực phát triển:

*3.2.1 Mục tiêu:*

*a) Mục tiêu tổng quát:*

Quy hoạch tổng thể không gian khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình nhằm:

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đặc biệt đối với phát triển kinh tế du lịch;
- Đáp ứng nhu cầu khai thác lợi thế, tiềm năng của khu vực;
- Đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững.

*b) Mục tiêu phát triển:*

Hình thành các mối liên kết bền vững: Đô thị và nông thôn; Du lịch và các ngành kinh tế khác; phát triển du lịch và phát triển đô thị; nông thôn và phát triển du lịch; Con người và thiên nhiên; công đồng và doanh nghiệp.

- Về du lịch: Phát triển du lịch bền vững; phù hợp với nhu cầu và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên; nâng cao chất lượng dịch vụ và hướng tới cộng đồng.

- Về đô thị: Chú trọng nâng cao chất lượng đô thị, dịch vụ đô thị và vai trò đô thị trong mối liên kết với nông thôn. Phát triển đô thị gắn liền với bảo tồn, phất huy giá trị văn hóa, trong đó lễ hội được cho là di sản phi vật thể quốc gia.

- Về nông thôn: Nâng cao vai trò nông thôn trong mối liên kết với đô thị; chuyển đổi ngành nghề; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, cảnh quan gắn với phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

- Về hạ tầng: Cải thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt hạ

tầng du lịch, nông thôn và kết nối khu vực.

*c) Mục tiêu cụ thể:*

Lập đồ án quy hoạch để làm cơ sở:

- Quản lý sử dụng đất, kết nối hạ tầng và kiểm soát không gian;

- Lập các đồ án quy hoạch, các dự án hạ tầng; xây dựng các chương trình và các cơ chế, chính sách đầu tư;

- Kêu gọi và thu hút đầu tư; kiểm soát hoạt động đầu tư và quá trình đô thị hóa.

*3.2.2 Động lực phát triển:*

** Du lịch:*

- Quảng Nam là một trong số ít tỉnh của Việt Nam có lợi thế lớn về tài nguyên, tiềm năng phát triển cả không gian du lịch vùng ven biển, bãi biển, không gian trên - dưới đáy biển và các vùng ven sông. Khu vực nghiên cứu với đường bờ biển dài khoảng 19 km, chủ yếu là các bãi cát trắng, phẳng mịn, khu vực có sự kết hợp hết sức độc đáo, đa dạng của không gian du lịch sinh thái biển - sông nước (sông Trường Giang chạy theo hướng Bắc - Nam song song và ôm sát với đường bờ biển). Dọc bờ biển là các không gian làng quê, làng nghề đặc sắc của văn hóa vùng biển.

- Đến nay, khu vực phía Đông Quảng Nam đã có nhiều dự án đầu tư xây dựng khu du lịch - dịch vụ, vui chơi giải trí được triển khai, phần lớn thuộc khu vực nghiên cứu lập quy hoạch. Trong đó, dự án Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl Nam Hội An đã đi vào hoạt động, bước đầu đã tạo được sức hấp dẫn rất lớn đối với du khách. Riêng dự án Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An (quy mô 1.017.5ha) hiện trong quá trình hoàn thành và dự kiến đưa vào hoạt động trong thời gian sắp tới.

- Là đầu mối, trung tâm dịch vụ du lịch của các cụm tuyến du lịch như thành phố Hội An, khu di tích đền tháp Mỹ Sơn, khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm, kinh đô Trà Kiệu, Thu Bồn, Phú Ninh,…vv.

- Hiện nay, các sản phẩm du lịch nông nghiệp gắn với hoạt động tham quan, trải nghiệm ở cộng đồng và làng nghề tại địa phương đang được triển khai và đưa vào hoạt động rất hiệu quả như: Khu du lịch nghỉ dưỡng nông trại xanh Trà Nhiêu, khu du lịch sinh thái làng cau Trà Đông, khu du lịch sinh thái Trà Nhiêu Xanh… trải nghiệm các hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống ở

làng rau Hưng Mỹ (xã Bình Triều), làng nghề nước mắm Cửa Khe (xã Bình Dương)… Những hoạt động du lịch này giúp du khách được trải nghiệm, hòa vào thực tế sản xuất của người nông dân, được nghỉ dưỡng trong các cở sở lưu trú nằm giữa đồng quê, sông nước của vùng nông thôn với cảnh quan yên bình, thơ mộng. Phát triển du lịch gắn với sinh thái nông nghiệp, cộng đồng tạo nên sự phong phú, hấp dẫn cho các sản phẩm du lịch đồng thời đem lại thu nhập cao hơn cho những người nông dân tại khu vực.

- Khu vực nghiên cứu là vùng đất có truyền thống văn hóa phong phú, đặc sắc. Các lễ hội dân gian truyền thống gắn với di tích được cộng đồng gìn giữ, duy trì, mang lại giá trị nhân văn lớn trong đời sống người dân như lăng Bà Chợ Được gắn lễ hội Cộ Bà Chợ Được… Đây là một trong những động lực quan trọng để phát triển du lịch khu vực gắn với văn hóa lịch sử bản địa, qua đó góp phần tích cực vào việc bảo tồn, phát huy, lan tỏa các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương.

- Du lịch Quảng Nam có sự tăng trưởng mạnh, với mức tăng bình quân tổng lượt khách tham quan và lưu trú trong năm 2023 ước đạt hơn 7,5 triệu lượt, tăng 1,6 lần so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu từ du lịch ước đạt 7.950 tỷ đồng, thu nhập xã hội từ du lịch ước đạt 18.683 tỷ đồng. Đặc biệt, sau đại dịch Covid-19 du lịch nội địa vẫn đang được xác định là *"chìa khóa"* giúp ngành Du lịch Việt Nam tạo đà phục hồi và phát triển.

- Dự báo lượng khách du lịch:

+ Đến năm 2030: Đón khoảng 18 triệu lượt khách, khách quốc tế chiếm 55%. Trong đó, số lượt khách đến với khu vực lập quy hoạch chiếm khoảng 20%, tương đương 3,6 - 4 triệu lượt khách.

+ Đến năm 2045: Đón khoảng 20 triệu lượt khách, khách quốc tế chiếm 65%. Trong đó, số lượt khách đến với khu vực lập quy hoạch chiếm khoảng 30%, tương đương 6 triệu lượt khách.

** Đầu mối giao lưu, các định hướng chiến lược cấp vùng có tác động đến khu vực:*

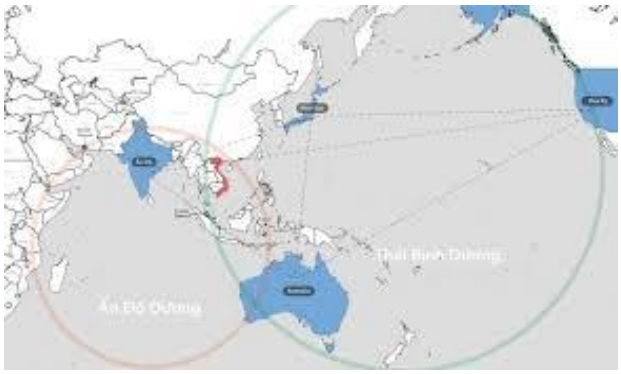

1 - Sự dịch chuyển chuỗi cung ứng và sản xuất toàn cầu, theo chiều hướng có lợi cho Việt Nam;

2 - Các hiệp định thương mại giữa Việt Nam với các nước, khu vực trên thế giới đã được ký kết. (EVFTA, CPTPP…vv);

3 - Nghị quyết Trung ương số 37/NQ-TW;

4 - Nghị quyết số 26-NQ/TW

5 - Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2020-2025;

6 - Đà Nẵng và Quảng Nam là hạt nhân trung tâm của khu vực miền Trung Việt Nam. Khu vực có nhiều cơ hội đón nhận làn sóng đầu tư mới;

7 - Nghị quyết 1210/NQ-UBTVQH và Nghị quyết 1211/NQ-UBTVQH13;

8 - Vấn đề dịch cư vùng (có tính toán khách vãng lai đặc biệt là du lịch trong điều kiện mới);

Ngoài ra:

- Khu vực lập quy hoạch là đầu mối giao lưu, kết nối giao thông quan trọng phát triển du lịch ven biển của tỉnh Quảng Nam và với vùng kề cận.

- Kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông quan trọng của quốc gia như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 14B, Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, tuyến đường Võ Chí Công. Đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực một cách mạnh mẽ.

- Khai thác giao thông đường thủy nội địa từ ba con sông chính chảy qua khu vực. Cụ thể, kết nối về phía Nam với thành phố Tam Kỳ, Khu kinh tế mở Chu Lai thông qua tuyến giao thông thủy dọc sông Trường Giang và phía Tây với Hương An thông qua sông Ly Ly. Ngoài ra, khu vực còn có thể kết nối về phía Bắc với Hội An và Đà Nẵng thông qua tuyến giao thông thủy dọc sông Cổ Cò, Đây là lợi thế đặc biệt giúp khu vực giao lưu kinh tế, văn hóa và du lịch với khu vực xung quanh bằng tuyến đường thủy nội địa một cách thuận lợi.

- Có vị trí tối ưu trong phạm vi vùng hấp dẫn giao thông của cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng và Chu Lai. Khu vực nghiên cứu nằm ở trung điểm trên tuyến đường Võ Chí Công, nối từ sân bay Chu Lai đến Đà Nẵng. Sân bay quốc tế Đà Nẵng hiện nay đã được nâng cấp và có nhà ga mới, với công suất tiếp nhận khoảng 10 - 12 triệu lượt khách/năm. Bên cạnh đó, cảng hàng không quốc tế Chu Lai được quy hoạch có quy mô đạt tiêu chuẩn 4F theo mã chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế - ICAO, công suất đến năm 2030 đạt 5 triệu tấn hàng hoá và 5 triệu hành khách/năm. Đây là sân bay có diện tích lớn nhất cả nước hiện nay, diện tích hơn 2.000 ha, có thể mở rộng lên 3.000 ha.

- Tuyến đường Võ Chí Công ven biển nối từ sân bay Chu Lai đến Hội An và Dà Nẵng là tuyến giao thông kết hợp hạ tầng, cảnh quan trọng yếu, trục xương sống của khu vực. Dọc tuyến đường này, hiện nay đã ghi nhận hàng loạt khu nghỉ dưỡng cao cấp đã và đang triển khai. Đi đôi với hạ tầng du lịch là những dự án hạ tầng đô thị hỗ trợ du lịch đã dần hình thành, từng bước lộ diện bộ khung của chuỗi đô thị ven biển dọc tuyến đường này trong thời gian tới.

** Nông nghiệp:*

- Khu vực nghiên cứu với gần 19km chiều dài bờ biển, nằm ở cửa biển Đông nên có một ngư trường đánh bắt hải sản tương đối nhộn nhịp, có nhiều hải sản có giá trị kinh tế cao, với trữ lượng lớn. Tạo tiền đề thúc đẩy phát triển ngành khai thác hải sản, nhất là đánh bắt xa bờ phát triển mạnh. Ngoài ra phát triển lồng bè nuôi trồng thủy sản với quy mô phù hợp đảm bảo không ảnh hưởng tới tuyến/luồng giao thông đường thủy, không ảnh hưởng bởi hành lang thoát lũ, không cản trở hoạt động ra/vào của tàu thuyền tại các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão; đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phù hợp với từng đối tượng nuôi, tránh gây ô nhiễm môi trường tự nhiên.

- Bên cạnh đó, đoạn cuối của sông Trường Giang chảy qua khu vực trước khi hợp lưu với sông Tam Kỳ chảy ra biển. Qua đó, hình thành tại khu vực một vùng nước lợ, mặn, tạo điều kiện cho phát triển nuôi trồng các loại thủy sản đa dạng và phong phú.

- Ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ cũng rất phổ biến, khu nuôi trồng tôm xuất khẩu ngày càng được mở rộng.

- Ngoài ra, ngành thủy sản hứa hẹn sẽ càng phát triển hơn thông qua việc hoàn thiện các cảng cá kết hợp hậu cần hỗ trợ nghề cá tại khu vực.

- Những cánh đồng lúa trù phú hai bên dòng sông Trường Giang đem lại

sản lượng tương đối cao, đóng góp vào sự tăng trưởng  chung của ngành sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

- Những năm gần đây hoa màu và rau được trồng nhiều hơn nên số lượng nông sản rất đa dạng.

- Tiến trình hiện đại hóa ngành nông nghiệp tại khu vực hiện nay tương đối nhanh, qua đó nâng cao năng suất cho ngành nông nghiệp.

- Việc chăn nuôi tập trung, cải tạo giống, phòng ngừa dịch bệnh cho gia súc đang được tiến hành mang lại năng suất ngày một cao.

** Cảnh quan tự nhiên:*

- Dải không gian ven biển và vùng bờ biển là một hệ sinh thái đặc biệt của khu vực lập quy hoạch, trở thành nguồn tài nguyên quý giá của ngành du lịch biển.

- Ngoài ra, khu vực này có sự kết hợp hết sức độc đáo, đa dạng giữa không gian sinh thái biển và không gian sinh thái sông nước. Sông Trường Giang là dòng sông độc đáo của Quảng Nam khi không có thượng lưu, hạ lưu, không có hữu và tả ngạn, không *"bên bồi bên lở"*. Sự kết hợp giữa cảnh quan tự nhiên của sông Trường Giang và vùng nông nghiệp ven sông là những yếu tố tạo nên tiềm năng tuyệt vời cho phát triển du lịch, bảo tồn hệ sinh thái của sông và thúc đẩy phát triển bền vững.

*Cảnh quan tự nhiên của khu vực*

** Các xu hướng phát triển chính định hình tầm nhìn khu vực:*

- *Phát triển kinh tế xanh và bền vững:* chuyển đổi công nghiệp tiên tiến, hạn chế tác động đến môi trường. Cân đối kinh tế và môi trường, Bảo vệ hành lang ven biển, ven sông, hướng tới kinh tế sông, biển giá trị cao.

- *Cách mạng công nghiệp 4.0:* ứng dụng khoa học và công nghệ số, cải thiện năng suất, chuyển đổi quy trình sản xuất, tăng thị trường việc làm. Phát

triển lĩnh vực công nghệ cao, để thu hút đầu tư giá trị cao (tránh rác thải công nghiệp). Xuất khẩu công nghệ để tăng trưởng kinh tế. Vườn ươm cho các công ty khởi nghiệp

- *Du lịch trong thời kỳ bình thường mới sau đại dịch Covid 19:* du lịch nội địa, vệ sinh cao, công nghệ cao trong du lịch. Phát triển du lịch theo hướng khắc phục tình hình đại dịch, đáp ứng tốt nhu cầu của khách nội địa; Tạo ra những giá trị khác biệt. Cân đối cơ cấu kinh tế để giảm thiểu tác động của những nguy cơ rủi ro như COVID19.

- *Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:* truy nguồn gốc trong chuỗi cung ứng - giá trị cao, chất lượng cao, phát triên sản phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe con người. Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp, từ khâu truy nguồn gốc từ nông trại/ trang trại đến tiêu dùng trên thị trường. Áp dụng công nghệ để phát triển thương hiệu và tiêu chuẩn hữu cơ, an toàn.

** Ngưỡng phát triển đô thị:*

1 - Dân số: tầm nhìn đến năm 2045 khoảng 350.000 người.

2 - Đất xây dựng các khu chức năng: khoảng 10.000ha. Ngưỡng dung nạp cao là 350.000 người.

+ Khu phía Đông sông Trường Giang 5.500ha, trong đó: Đất xây dựng có thể khai thác còn khoàng 2.000 ha. Chỉ tiêu cao 50m2/người, khả năng dung nạp là 200.000 người.

+ Khu phía Tây sông Trường Giang 4.500ha. Đất dân dụng dung nạp tối đa 50.000 người.

3 - Không gian:

+ Khu phía Đông sông Trường Giang bị ngăn cách bởi sông lớn và biển, Khu phía Bắc là vùng thấp trũng, phía Nam nhỏ hẹp đã xây dựng KKT, phía Tây là đô thị Hà Lam, Hương An, Nam Phước…

4 - Hạ tầng và môi trường: tiêu chuẩn và độ dự phòng cao.

+ Nguồn cấp nước an toàn (nước mặt).

+ Thoát nước riêng, cos cao độ tính theo tần suất an toàn 100 năm.

+ Giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Đất còn cho xây dựng nhưng đến ngưỡng 350.000 dân là cao nhất. Nếu tầm nhìn 500.000 dân, phải liên kết mở rộng tới Tp Hội An và các TT Nam Phước, Hương An, Hà Lam.

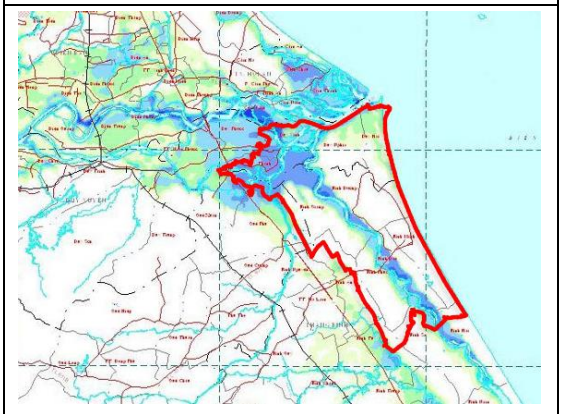

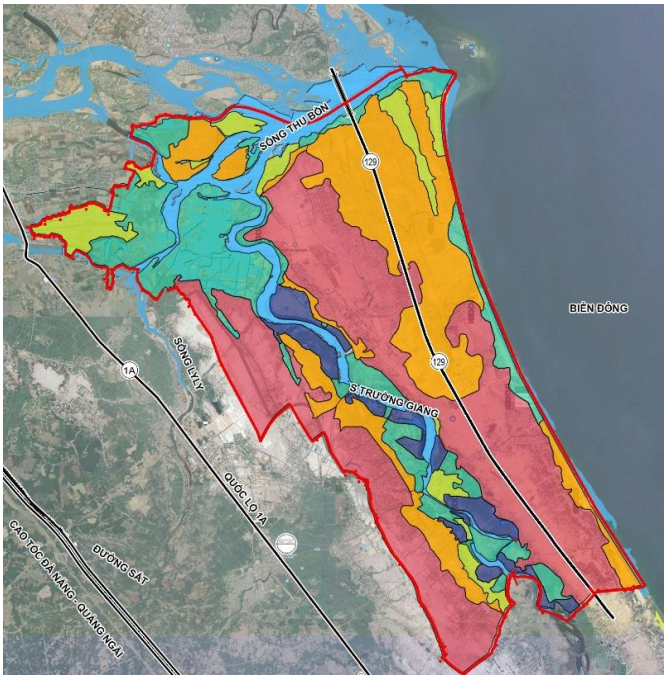


Kịch bản nước biển dâng: Đến năm 2050 cao 25cm; đến năm 2100 cao 60cm.[3]

** Vai trò vị thế đô thị trong khu vực, định hình tầm nhìn 2045:*

Theo quy hoạch Tỉnh Quảng Nam, vùng Đông chiếm 10,5% tổng diện tích, 54% dân số của toàn tỉnh với phần lớn diện tích là đồng bằng ven biển - hải đảo. Trong đó, xác định đây là Vùng động lực, đảm nhiệm vai trò đầu tàu phát triển cho toàn Tỉnh, tập trung đầu tư phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp, dịch vụ, để tạo tác động lan tỏa và tạo nguồn lực phát triển. Vùng đông được chia làm ba cụm động lực: Cụm động lực số 1 : Điện Bàn - Hội An; Cụm động lực số 2 : Nam Hội An (Duy Xuyên -Quế Sơn - Thăng Bình); Cụm động lực số 3 : Chu Lai ( Phú Ninh - Tam Kỳ - Núi Thành).

Những định hướng này sẽ tác động mạnh mẽ đến sự phát triển chung của khu vực:

1 - Hạt nhân trung tâm liên kết chùm đô thị, tạo cực tăng trưởng mới phía Bắc của Quảng Nam; Trung tâm thương mại tài chính cấp vùng.

2 - Yếu tố quan trọng tạo thành trung tâm du lịch biển quy mô lớn của Việt Nam;

3 - Trung tâm công nghiệp CNC, TT sáng tạo và đổi mới công nghệ của tỉnh Quảng Nam và khu vực;

4 - Khu vực đi đầu trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào nông

[3] Nguồn: Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam.

nghiệp theo hướng giá trị cao, an toàn;

5 - Trung tâm Y tế, Giáo dục cấp vùng.

**3.3 Tầm nhìn, tính chất, chức năng:**

*3.3.1. Tầm nhìn:*

- Là trung tâm kinh tế, tài chính của tỉnh Quảng Nam. Là đô thị trung tâm của vùng đô thị phía Đông và Tây của tỉnh;

- Là điểm đến du lịch mới của khu vực miền Trung Việt Nam. Thanh bình, hài hòa với không gian văn hóa lịch sử đặc sắc;

- Là trung tâm công nghệ đổi mới sáng tạo của tỉnh và khu vực;

- Là khu vực đi đầu trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp an toàn, giá trị cao;

- Khu vực bảo đảm an ninh quốc phòng.

*3.3.2. Tính chất và chức năng:*

*a) Tính chất:* Là khu chức năng phát triển dịch vụ, du lịch gắn với phát triển đô thị và nông thôn.

*b) Chức năng:* Làm động lực phát triển cho khu vực phía Đông của cụm động lực số 2; tiền đề liên kết phát triển với không gian dọc tuyến quốc lộ 1A và với khu vực phía Tây của tỉnh; làm cơ sở hình hành vệt du lịch ven biển Quảng Nam từ Điện Bàn – Hội An đến Tam Kỳ - Núi Thành.

**3.4 Các chiến lược phát triển:**

*a) Bảo tồn cảnh quan tự nhiên, đặc biệt là hệ sinh thái ven biển và ven sông Trường Giang, tăng cường mạng lưới cây xanh, mặt nước*

Khu vực lập quy hoạch với cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học phong phú là một trong những tiền đề quan trọng để tạo ra một khu vực phát triển thân thiện môi trường. Những yếu tố này cần được bảo tồn và tăng cường để hình thành một mạng lưới cây xanh và mặt nước, trở thành một trong những đặc trưng của khu vực lập quy hoạch.

*b) Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, với tốc độ và khả năng tích hợp cao.*

Khu vực lập quy hoạch có các nguồn lực và khả năng để trở thành một cực đối trọng của thành phố Hội An và là đầu mối giao lưu du lịch ven biển quan trọng của tỉnh Quảng Nam và các vùng lân cận. Vì vậy, hệ thống cơ sở hạ tầng cần được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, với tốc độ nhanh và được tích hợp

để tận dụng nguồn tài nguyên phong phú vốn có của khu vực.

*c) Xây dựng một khu vực đa năng, hấp dẫn và đặc trưng - "The new Hoi An"*

Khu vực phát triển đa năng với nhiều không gian du lịch hấp dẫn đặc trưng, có nền kinh tế phát triển xanh, giàu mạnh với mũi nhọn là du lịch - dịch vụ. Có không gian xanh ấn tượng thân thiện, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa, cảnh quan bản địa đặc sắc đem đến cuộc sống chất lượng cao và bền vững.

*d) Phát triển nông thôn mới gắn với đô thị hóa, tạo điều kiện tốt nhất cho sản xuất lương thực và nâng cao điều kiện sống*

Xây dựng mô hình nông thôn mới theo hướng nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, gắn nông nghiệp với du lịch và dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ các vấn đề về môi trường. Xây dựng mạng lưới điểm dân cư nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp, du lịch trải nghiệm và dịch vụ. Theo đó sẽ hình thành các trung tâm cụm xã, phát triển theo mô hình nông nghiệp đô thị.

*Mô hình "Nông nghiệp đô thị - nông thôn mới gắn với đô thị hóa"*

*e) Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa lịch sử, gìn giữ cảnh quan, bảo vệ môi trường sinh thái*

Du lịch đóng vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn và hạt nhân cho phát triển

đô thị và thương mại, dịch vụ tại khu vực. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch phải đảm bảo tính bền vững, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử và không phá vỡ cảnh quan, môi trường sinh thái. Sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống; Quảng Nam thực sự trở thành điểm đến du lịch đẳng cấp, hấp dẫn có tính cạnh tranh cao.

*f) Thay đổi hình ảnh và tạo thương hiệu cho khu vực - "Trắng thành Xanh"*

Tạo dựng cho khu vực với một hình ảnh thay đổi toàn diện, phát triển từ "trắng" thành "xanh". Đưa khu vực từ một vùng đất ven biển với rất nhiều tiềm năng nhưng chưa được chú trọng đầu tư, trở thành một trung tâm giao lưu cửa ngõ liên vùng, phát triển kinh tế xanh, đô thị xanh và môi trường xanh.

Thiết lập chiến lược quảng bá nhằm tạo lập hình ảnh cho khu vực ở tầm quốc gia cũng như quốc tế. Thiết lập thương hiệu riêng cho các sản phẩm du lịch của khu vực gắn với hình ảnh "The new Hoi An".

### 3.5 Dự báo phát triển:

*3.5.1 Dự báo tăng trưởng kinh tế:*

| TT | Danh mục | Đơn vị | Đến năm 2030 | Đến năm 2045 |
|---|---|---|---|---|
| I | Toàn tỉnh Quảng Nam | | | |
| 1 | Tốc độ tăng GRDP | % | 10,00 | 10,50 |
| 2 | Cơ cấu kinh tế | | | |
| | Phi nông nghiệp | % | 92,00 | 95,00 |
| | Nông nghiệp | % | 8,00 | 5,00 |
| 3 | GRDP/ người | USD | 5.000,00 | 9.100,00 |
| II | Khu vực quy hoạch | | | |
| 1 | Tốc độ tăng GRDP | % | 12,00 | 15,00 |
| 2 | GRDP/ người | USD | 4.500,00 | 10.500,00 |

*3.5.2 Dự báo dân số:*

*a) Cơ sở dự báo:*

- Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Căn cứ hiện trạng phát triển dân số, quá trình phân bố dân cư và xu thế đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình và khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

- Căn cứ quy luật tăng trưởng dân số khu vực và trên địa bàn toàn tỉnh trong quá khứ và xu thế tăng dân số trong tương lai. (Là động lực phát triển cho khu vực phía Đông của cụm động lực Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn (cụm động lực số 2), có tiềm năng thu hút dân cư cao, dự báo tỷ lệ tăng dân số ở mức cao so với bình quân của tỉnh).

- Dân số tạm trú quy đổi gồm: khách du lịch, lao động trong các cụm công nghiệp, sinh viên, và các lực lượng khác...

- Sức chứa lãnh thổ hoặc khả năng dung nạp dân số của khu vực nghiên cứu.

*b) Dự báo dân số:*

- Dân số khu vực nghiên cứu trong tương lai sẽ phụ thuộc vào: Quy luật tăng dân số tự nhiên; xu hướng tăng dân số cơ học tại khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, xu hướng tăng dân số của tỉnh Quảng Nam, đô thị mới Duy Hải Duy Nghĩa thuộc huyện Duy Xuyên và đô thị Bình Minh thuộc huyện Thăng Bình.

Phương pháp dự báo theo phương pháp toán học:

Quy mô dân số khu vực bao gồm: **N = N1 + N2**; trong đó:

*** N1:** Dân số thường trú; được dự báo theo nguồn tăng tự nhiên hăng năm theo từng giai đoạn quy hoạch (bao gồm cả mức tăng cơ học); và được tính theo công thức:

$Nt = No(1+\alpha)^t$ ; trong đó:

Trong đó:

Nt: Dân số dự báo theo giai đoạn;

No: Dân số hiện trạng;

$\alpha$ : Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên;

t: Thời gian tính toán.

*** N2:** Dân số tạm trú quy đổi; được tính quy đổi từ lượng khách du lịch đến khu vực theo từng giai đoạn; và được tính theo công thức (3):

$$Na = \frac{2\ Nt \times m}{365}$$

Trong đó:

Na : Số dân quy đổi từ khách du lịch (người);

Nt: Tổng số lượt khách lưu trú (người);

m: Số ngày tạm trú trung bình của một khách (ngày).

*** Nguồn thường trú (N1):**[4]

| Khu vực | Hiện trạng (người) | Dự báo 2030 | | Dự báo 2045 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | TL tăng tự nhiên | Dự báo 2030 | TL tăng tự nhiên | Dự báo 2045 |
| Duy Xuyên | 36.291 | 1,1% | 39.200 | 0,8% | 44.200 |
| Thăng Bình | 41.235 | | 44.500 | | 50.100 |
| **Tổng** | **77.526** | | **80.537** | | **94.300** |

*** Nguồn tạm trú (cơ học):**

- Ngoài dân số thường trú, khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình còn thành phần dân số khác là lượng đang lao động tại các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, lực lượng vũ trang; người bệnh tới khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế; lực lượng khách vãng lai tới tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, công tác...

Bảng thống kê hiện trạng dân số tạm trú (cơ học)

| Hạng mục chính | Nội dung | Dân số tăng (người) | Chỉ tiêu tính toán |
|---|---|---|---|
| Cơ sở dịch vụ, du lịch | Vinpearl Nam Hội An gồm 429 hạng phòng khách sạn và 132 biệt thự | 2.000 | 2 lao động /1 phòng khách sạn (căn hộ/biệt thự)<br>70% lưu trú<br>Gia đình phụ thuộc:1 người |
| | Hoiana Shores Golf Club gồm 270 căn hộ | 1.000 | |
| **Tổng** | | **3.000** | |

- Tính cả dân số thường trú và dân số tạm trú, dân số hiện trạng năm 2023 của khu vực nghiên cứu khoảng **80.537** người.

Dự báo tăng dân số được tính toán theo xu hướng chung về tăng trưởng dân số Việt Nam, cũng như tốc độ tăng trưởng hiện tại của tỉnh Quảng Nam; Dự báo tỉ lệ tăng dân sô tự nhiên thành phố khoảng 1,1% năm (giai đoạn 2023-2030) là 80.537 người tăng 3.011 người và 0,8%/năm (giai đoạn 2030-2045) là 94.300 người tăng 13.763 người.

*** Nguồn quy đổi (N2):**

[4] Nguồn: Quy hoạch tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Dự báo tăng cơ học cụ thể theo các hoạt động phát triển thương mại dịch vụ, du lịch, y tế, trường học trên địa bàn. Tính toán số dân tăng lên dựa trên tỷ lệ dân số nhập cư và gia đình phụ thuộc từ số lao động và học sinh, sinh viên tăng lên do thu hút đầu tư xây dựng. Đặc biệt đối với khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình được định hướng là khu vực tập trung thu hút đầu tư phát triển du lịch nhằm giảm tải cho khu vực di sản Hội An; Là trung tâm kinh tế, tài chính của tỉnh Quảng Nam; Là đô thị trung tâm của vùng đô thị phía Đông và Tây của tỉnh Quảng Nam.

Bảng dự báo các hạng mục thúc đẩy tăng trưởng dân số

| Hạng mục XD | Nội dung xây dựng | Dân số tăng (người) | Chỉ tiêu tính toán |
|---|---|---|---|
| Công nghiệp | 350 ha | 28.000 | 80 lao động/1ha; Tỷ lệ nhập cư 50%; số người phụ thuộc trung bình 01 người |
| Cơ sở du lịch | 3.000 phòng | 6.000 | 2 lao động /1 phòng khách sạn<br>50% lưu trú<br>Gia đình phụ thuộc:1 người |
| Thương mại – dịch vụ, hỗn hợp, ở | Đất phát triển hỗn hợp (phát triển dân cư gắn với khu trung tâm xã, TMDV…): 813,9ha | 16.280 | Đất phát triển hỗn hợp (phát triển dân cư gắn với khu trung tâm xã, TMDV…) trong đó: phát triển dân cư chiếm 20% là 162,8ha |
| Trung tâm Y tế, Giáo dục đào tạo, và Trung tâm công nghệ cấp vùng | 116 ha | 8.000 | - Bác sỹ, y tá: 1 giường bệnh /1 nhân viên y tế, tỷ lệ 20% số BN; Nhập cư: 50%<br>Gia đình phụ thuộc: 1 người<br>- Giảng viên: 10% số HS, SV; Nhập cư: 50%. Gia đình phụ thuộc: 1 người |
| **Tổng** | | **58.200** | |

- Theo Mục tiêu phát triển tại quy hoạch tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17/01/2024 đặt ra: Mục tiêu đến năm 2030, đón 15 triệu lượt khách du lịch (trong đó có 8 triệu lượt khách quốc tế và 7 triệu khách

nội địa); ước tính khu vực quy hoạch chiếm khoảng 10% tổng lượt khách.

- Giai đoạn đến 2045, cùng với sự hoàn thiện của hạ tầng du lịch khu vực, dự báo tổng lượt khác sẽ là 25 triệu lượt khách. Trong đó, cở sở lưu trú tại khu vực lập quy hoạch sẽ đáp ứng khoảng 20% tổng lượt khách. Số liệu này được xác định làm cơ sở tính toán cho đồ án quy hoạch.

Trên cơ sở đó, dự báo dân số tạm trú quy đổi (theo số ngày tạm trú trung bình của một khách là 3,5 ngày) tại công thức (3 ):

| Giai đoạn | Lượt khách | | | Số ngày | Dân số |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Toàn tỉnh* | *Khu vực quy hoạch* | | *lưu trú* | *quy đổi* |
| 2030 | 15.000.000 | 10% | 1.500.000 | 3,5 | **28.767** |
| 2045 | 25.000.000 | 20% | 5.000.000 | 3,5 | **95.890** |

- Ngoài ra, khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình giai đoan đến năm 2030 và năm 2045 còn có 2 đô thị mới Duy Hải Duy Nghĩa thuộc huyện Duy Xuyên và đô thị Bình Minh thuộc huyện Thăng Bình. Theo thống kê tại Quy hoạch tỉnh Quảng Nam đã được phê duyệt:

| Khu vực | Dân số thường trú (người) | |
|---|---|---|
| | Giai đoạn 2030 | Giai đoạn 2045 |
| Đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa *(không bao gồm dân số quy đổi từ khu nghỉ dưỡng Nam Hội An)* | 20.500 | 50.000 |
| Đô thị Bình Minh | 22.000 | 50.000 |

* Ghi chú:

*- Huyện Duy Xuyên: Đến năm 2030 đô thị Nam Phước mở rộng kết nối với đô thị Duy Nghĩa - Duy Hải, đô thị Kiểm Lâm và các xã lân cận nâng cấp lên thành cấp hành chính là thị xã Duy Xuyên.*

*- Huyện Thăng Bình: Đến năm 2030 đô thị Hà Lam mở rộng kết nối với đô thị Bình Minh và các xã lân cận, nâng cấp lên thành cấp hành chính là thị xã Thăng Bình.*

*** Kết quả dự báo:**

| Giai đoạn | Nguồn tăng (người) | | Tổng cộng (người) |
|---|---|---|---|
| | Quy đổi | Tự nhiên | |
| 2030 | 119.567 | 80.537 | 200.004 |
| 2040 | 258.090 | 94.300 | 351.290 |

Giai đoạn đến 2030: Khoảng **200.000 dân;**

Giai đoạn đến 2045: Khoảng **350.000 dân.**

*3.5.3 Dự báo nhu cầu sử dụng đất đai:*

Quy mô diện tích khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là 12.651 ha, trong đó đất xây dựng các khu chức năng được phân bổ như sau: Đất phát triển dân cư đô thị khoảng 2.922 ha; Đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 2.168 ha; Đất phát triển hỗn hợp khoảng 958 ha; Đất dịch vụ-công cộng khoảng 53 ha; Đất cây xanh dử dụng công cộng khoảng150 ha; Đất cây xanh chuyên dụng khoảng 225 ha; Đất phát triển sản xuất công nghiệp khoảng 350 ha; Đất phát triển dịch vụ, du lịch khoảng 1.936 ha; Đất an ninh, quốc phòng khoảng 40 ha; Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật khoảng 680 ha. Khu vực nông nghiệp và chức năng khác khoảng 3.159 ha.

*3.5.4 Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:*

*a) Các căn cứ xác định chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:*

Căn cứ QCVN01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng bộ Xây dựng V/v ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch Xây dựng;

*b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:*

- Đối với khu vực phát triển đô thị: Áp dụng theo các chỉ tiêu đô thị loại V;

- Đối với các khu chức năng ngoài đô thị: Căn cứ vào chức năng cụ thể, áp dụng chỉ tiêu theo quy chuẩn như sau:

+ Đối với khu vực dân cư hiện trạng chỉnh trang và các khu vực dự án đang triển khai, có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc đã phê duyệt quy hoạch chi tiết: áp dụng chỉ tiêu hiện trạng và chỉ tiêu theo quy hoạch dự án đã được phê duyệt theo hệ thống quy chuẩn quy hoạch, chỉ tiêu thiết kế của giai đoạn trước đây.

+ Đối với khu vực các khu chức năng: áp dụng các chỉ tiêu, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

+ Đối với khu vực phát triển nông thôn, các khu vực phát triển du lịch gắn với cộng đồng, chỉ tiêu sử dụng đất yêu cầu đảm bảo phù hợp:

- Đất ở: ≥ 25(m2/người);
- Đất công trình dịch vụ: ≥ 5 (m2/người);
- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: ≥ 5(m2/người);
- Đất cây xanh: ≥ 2 (m2/người).

+ Đối với khu vực hạn chế phát triển: thực hiện theo giải pháp thiết kế riêng của từng khu vực. Trong trường hợp chưa thực hiện dự án, giữ lại theo hiện trạng.

trong đó đặc biệt lưu ý đối với các khu vực nông thôn, các khu vực phát

triển du lịch gắn với cộng đồng, chỉ tiêu sử dụng đất yêu cầu đảm bảo phù hợp:

- Đất ở: ≥ 25(m2/người);
- Đất công trình dịch vụ: ≥ 5 (m2/người);
- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: ≥ 5(m2/người);
- Đất cây xanh: ≥ 2 (m2/người).

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính

| TT | Hạng mục | Đơn vị | Chỉ tiêu |
|---|---|---|---|
| 1 | Đất đơn vị ở | m2/người | 45 - 55 |
| 2 | Đất giao thông | m2/người | 10 - 15 |
| 3 | Đất công cộng đô thị | m2/người | 3 - 4 |
| 4 | Đất cây xanh công cộng đô thị | m2/người | 4 - 5 |

* Chỉ tiêu Quy mô tối thiểu của các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị:

| Loại công trình | Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu | | Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu | |
|---|---|---|---|---|
| | Đơn vị tính | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu |
| **A. Giáo dục** | | | | |
| 1. Trường mầm non | cháu/1.000 người | 50 | $m^2$/1 cháu | 12 |
| 2. Trường tiểu học | học sinh /1.000 người | 65 | $m^2$/1 học sinh | 10 |
| 3. Trường trung học cơ sở | học sinh /1.000 người | 55 | $m^2$/1 học sinh | 10 |
| **B. Y tế** | | | | |
| 4. Trạm y tế | trạm | 1 | $m^2$/trạm | 500 |
| **C. Văn hóa - Thể dục thể thao** | | | | |
| 5. Sân chơi nhóm nhà ở | Bán kính 300m | | $m^2$/người | 0,8 |
| 6. Sân luyện tập | | | $m^2$/người<br>ha/công trình | 0,5<br>0,3 |
| 7. Trung tâm Văn hóa - Thể thao | công trình | 1 | $m^2$/công trình | 5.000 |
| **D. Thương mại** | | | | |

| Loại công trình | Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu | | Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu | |
|---|---|---|---|---|
| | Đơn vị tính | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Chỉ tiêu |
| 8. Chợ | công trình | 1 | $m^2$/công trình | 2.000 |
| *Chú thích: Các khu vực trung tâm các đô thị có quỹ đất hạn chế cho phép giảm chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu là 2.500 $m^2$/công trình.* | | | | |

* Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

| TT | Loại hình | Đơn vị tính | Đô thị |
|---|---|---|---|
| 1 | Cấp nước | | |
| - | Nước sinh hoạt cho dân cư nội thị | l/người/ng.nđ | ≥ 120 |
| - | Nước sinh hoạt cho dân cư ngoại thành, khách vãng lai | l/người/ng.nđ | ≥ 65 |
| - | Nước tưới cây rửa đường | %Qsh | ≥ 8 |
| - | Nước cho SX nhỏ, tiểu thủ CN | %Qsh | ≥ 8 |
| - | Nước công nghiệp tập trung | $m^3$/ha-ngđ | ≥ 20 |
| - | Nước cho CTCC, dịch vụ | %Qsh | ≥ 10 |
| 2 | Cấp điện | | |
| - | Phụ tải điện sinh hoạt đô thị | W/người | 330 |
| - | Phụ tải điện sinh hoạt dân cư nông thôn | W/người | ≥ 150 |
| - | Phụ tải điện công trình công cộng, dịch vụ (Cửa hàng, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ) | % điện sinh hoạt | 30 |
| - | Phụ tải điện công nghiệp | KW/ha | 160 ÷ 350 |
| - | Phụ tải điện sản xuất TTCN | KW/ha | 120 ÷ 140 |
| - | Phụ tải điện kho tàng | KW/ha | 50 |
| 3 | Thoát nước thải | lít/người/ ng.đêm | 80-100% chỉ tiêu cấp nước |
| 4 | Vệ sinh môi trường | | |
| - | Rác thải sinh hoạt | Kg/người/ngày | 0,8 |
| - | Rác thải công nghiệp | Tấn/ha | ≥ 0,3 |
| 5 | Nghĩa trang, nhà tang lễ | | |

| TT | Loại hình | Đơn vị tính | Đô thị |
|---|---|---|---|
| - | Nghĩa trang | Ha/1000 dân | 0,04 |
| - | Nhà tang lễ | Nhà /250.000 dân | 1 |

## 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

### 4.1 Sơ đồ cấu trúc phát triển không gian và phương án cơ cấu quy hoạch:

*4.1.1. Sơ đồ cấu trúc không gian:*

***"The new Hoi An - Hai trục đồng hành, một hành lang xanh"***

Ý tưởng được đề xuất dựa trên việc khai thác tối ưu hóa các tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa và di sản độc đáo của khu vực, nhằm đưa khu vực trở thành một vùng đất có nền kinh tế phát triển xanh, giàu mạnh với mũi nhọn là du lịch, dịch vụ. Đề xuất quan trọng nhất trong ý tưởng xây dựng khu vực trở thành ***"The new Hoi An"*** đấy là tạo ra một không gian xanh ấn tượng, thân thiện và gìn giữ, phát huy tối đa những giá trị cảnh quan bản địa, đem đến một cuộc sống chất lượng cao và bền vững.

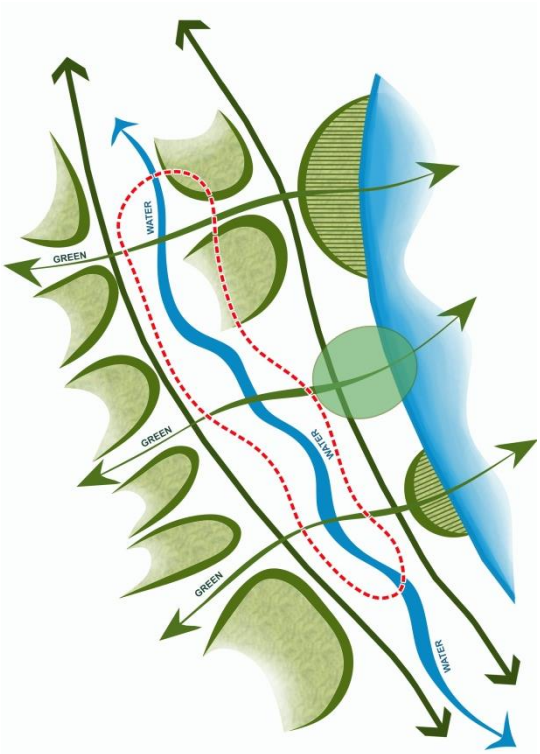


Bên cạnh đó, ***"The new Hoi An"*** là viễn cảnh tương lai của một vùng rộng lớn với khả năng thích ứng cao và đặc biệt là khả năng kết nối, liên kết với các khu vực lân cận như Hội An, Điện Bàn, Tam Kỳ, Núi Thành, Khu kinh tế mở Chu Lai thông qua hệ thống kinh tế hoàn chỉnh, cơ sở hạ tầng đồng bộ, không gian kiến trúc cảnh quan độc đáo và các chương trình hành động, chính sách phát triển.

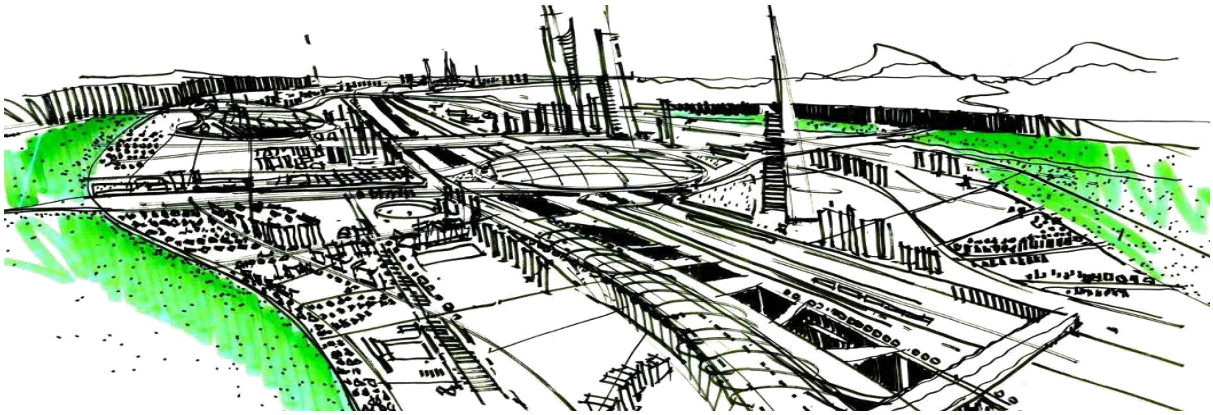

*Cấu trúc không gian của khu vực* - ***"Hai trục đồng hành, một vành đai xanh sinh thái"***

Khu vực lập quy hoạch được tổ chức không gian dựa trên cấu trúc địa hình tự nhiên, các khu chức năng trong khu vực được bố trí đan xen trong không gian xanh và tạo hướng mở tối đa về phía biển. Lấy không gian biển là chủ đạo trong bố cục không gian và hành lang sinh thái sông Trường Giang là điểm nhấn cho toàn khu. Từ đó, tổng thể cấu trúc không gian khu vực được hình thành dựa trên ***"Hai trục đồng hành - một vành đai xanh sinh thái":***

- Hai trục đồng hành được xem là hai trục xương sống của toàn khu vực. Thứ nhất, dựa trên trục đường trung tâm ven biển (đường Võ Chí Công) xây dựng trục không gian đô thị - du lịch, đây là trục không gian chủ đạo kết nối khu vực với các đô thị lân cận như Hội An, Điện Bàn, Tam Kỳ, Núi Thành và Khu kinh tế mở Chu Lai, trên trục bố trí các chức năng hạt nhân phát triển kinh tế như đô thị, du lịch, dịch vụ và trung tâm công cộng. Thứ hai, là trục đô thị - công nghiệp, được hình thành dựa trên nhánh rẽ thứ hai của tuyến đường Võ Chí Công tại nút giao Bình Sa đi về phía Tây sông Trường Giang, các không gian chức năng công nghiệp, du lịch, làng xóm hiện hữu và sinh thái nông nghiệp được phát triển gắn với trục không gian này.

- Một vành đai xanh sinh thái: Khai thác tối đa các giá trị cảnh quan thiên nhiên độc đáo (biển, sông, mặt nước,…) kết hợp với hệ thống cây xanh - mặt nước nhân tạo để tạo thành một hành lang xanh khép kín chạy dọc ven biển và ven sông. Đây là không gian mở chủ đạo, qua đó tạo thành khung liên kết mềm, kết nối và làm rõ các khu chức năng trong khu vực.

*4.1.2. Quan điểm quy hoạch:*

Tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên, lựa chọn đất xây dựng, phân khu chức năng hợp lý, phát triển đột phá các khu chức năng như đô thị, du lịch, dịch vụ, và các khu chức năng khác nhưng vẫn đảm bảo sự phát triển bền vững.

Việc khai thác quỹ đất trong khu vực không được làm tổn hại và phá vỡ cảnh quan môi trường, hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là khu vực hành lang sông, cửa sông, hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường ven biển. Gìn giữ bản sắc riêng, đặc thù và độc đáo của khu vực.

Ổn định diện tích rừng trong khu vực, trồng bồi hoàn đảm bảo cân đối quy mô đất rừng hiện hữu khi phân bố các chức năng trong khu vực. Tích hợp rừng với không gian xanh, không gian chức năng đô thị, đảm bảo phòng hộ, cân bằng môi sinh, điều hòa vi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Nghiên cứu quy hoạch khu vực phù hợp với định hướng phát triển 06 (sáu) nhóm dự án trọng điểm của tỉnh Quảng Nam, đặc biệt là nhóm dự án Khu đô thị, dịch vụ Nam Hội An và nhóm chương trình dự án nông nghiệp công nghệ cao.

*a) Đối với không gian phát triển du lịch - dịch vụ:*

- Đa dạng hóa các loại hình du lịch - dịch vụ, trên cơ sở phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí sinh thái biển gắn với khu vực đã và đang hình thành như: Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng Nam Hội An, khu phức hợp dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl Quảng Nam…

- Khai thác đặc trưng về cảnh quan tự nhiên, sinh thái sông biển và văn hóa

lịch sử độc đáo tại khu vực để phát triển du lịch - dịch vụ có đẳng cấp quốc tế, mang tính đặc thù và tính cạnh tranh cao.

- Khai thác du lịch - dịch vụ gắn với các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao dọc hành lang sông Trường Giang. Đồng thời, khai thác tối đa giá trị về cảnh quan của hệ thống sông Trường Giang, sông Thu Bồn và sông Ly Ly phục vụ phát triển du lịch.

*b) Đối với không gian phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn:*

- Xây dựng và phát triển hoàn chỉnh các đô thị trong khu vực, gắn liền với không gian phát triển của các đô thị lân cận như thành phố Hội An, đô thị Điện Bàn, Hà Lam, Hương An, Núi Thành và thành phố Tam kỳ.

- Quy hoạch phát triển không gian các đô thị phải phù hợp với yêu cầu phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh Quảng Nam, vùng phía Đông của tỉnh, đặc biệt là có xét đến mối liên kết quan trọng với thành phố Hội An và yếu tố phát triển đột phá của khu vực để trở thành một cực đối trọng của đô thị Hội An trong tương lai.

- Xác định các chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch (diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao) phù hợp với từng chức năng sử dụng đất cụ thể.

- Đối với khu vực nông thôn, xây dựng theo tiêu chí nông thôn mới mang bản sắc của địa phương. Đồng thời, bố trí các cụm đổi mới phù hợp với các điểm dân cư nghề nông nội địa, ven sông và nghề cá ven biển, đây là hạt nhân thúc đẩy phát triển toàn diện đời sống khu vực nông thôn. Ngoài ra, vùng sinh thái nông nghiệp được khai thác theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, gắn với các hoạt động du lịch - dịch vụ trải nghiệm, có tác dụng làm phong phú sản phẩm du lịch và đa dạng hàng hóa nông sản. Tích hợp chức năng vùng sinh thái đảm bảo cân bằng, theo định hướng các điểm dân cư nông thôn bền vững.

- Tăng cường các mối liên kết nông thôn với đô thị và các khu chức năng khác, đảm bảo phát triển theo hướng dài hạn trở thành các khu đô thị sinh thái, hiện đại.

*c) Đối với không gian nông nghiệp sinh thái và không gian xanh:*

- Phát triển và bảo vệ hệ thống cây xanh rừng phòng hộ ven biển, cây xanh cảnh quan ven sông, mặt nước và đặc biệt là vùng sinh thái nông nghiệp dọc hai bên sông Trường Giang.

- Khai thác vùng cảnh quan sông Trường Giang, sông Ly Ly, sông Thu Bồn và các khu nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao phục vụ du lịch.

*d) Đối với không gian phát triển công nghiệp:*

Trên cơ sở khu công nghiệp Đông Quế Sơn (211,26 ha) đã thành lập, cụm công nghiệp Bình Hòa (50ha) đã được phê duyệt, nghiên cứu quy hoạch bổ sung diện tích đất công nghiệp trong khu vực lên khoảng 1.000ha (năm 2045). Định hướng phát triển công nghiệp theo mô hình công nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, sử dụng các công nghệ tiên tiến để khắc phục và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

### 4.2 Phương án cơ cấu quy hoạch

Mục tiêu là hình thành và phát triển một khu vực giao lưu cửa ngõ liên vùng, làm động lực phát triển cho Cụm động lực số 2 trên hành lang phát triển vùng Trung Quảng Nam. Có nhiều không gian du lịch hấp dẫn đặc trưng, kinh tế phát triển xanh, giàu mạnh, có đầy đủ các khu chức năng cần thiết, với lĩnh vực trọng tâm là du lịch - dịch vụ, bao gồm: các trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng; du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí ven sông, ven biển cao cấp; du lịch gắn với các hoạt động, trải nghiệm nông nghiệp sinh thái; du lịch văn hóa lịch sử. Đồng thời, xây dựng một khu vực có không gian xanh ấn tượng, thân thiện môi trường, đem đến cuộc sống chất lượng cao và bền vững, với cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, đặc biệt là cơ sở dữ liệu có khả năng kết nối cao.

*a) Phương án 1 (so sánh):*

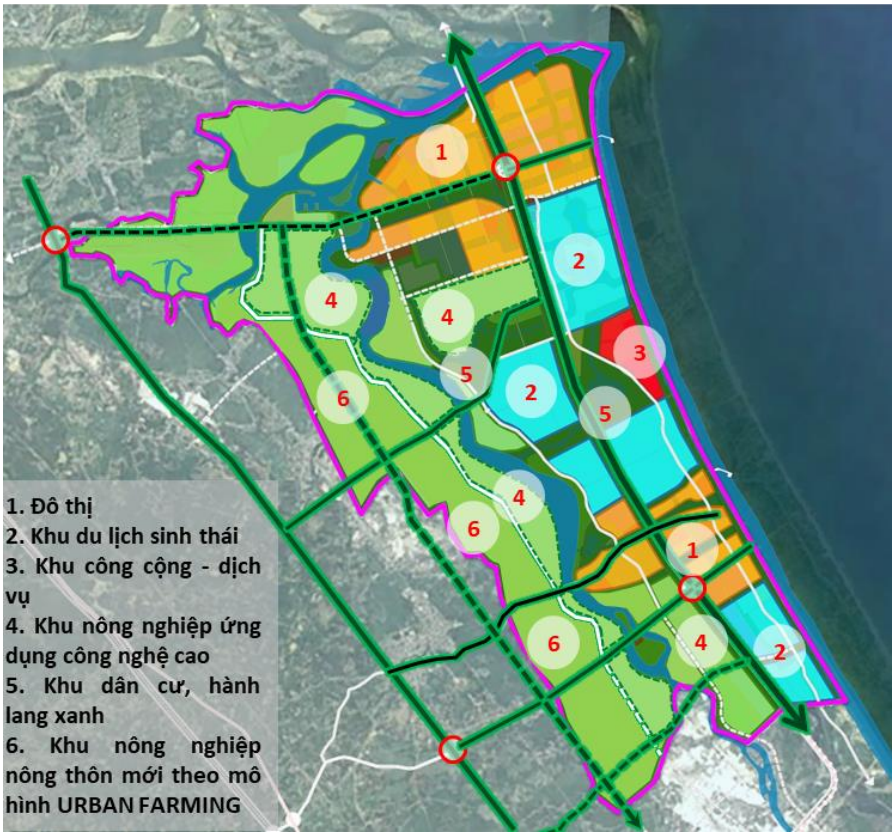


***Phương án 01:*** KẾ THỪA - HÀI HÒA

- Phát triển dựa trên sự kế thừa: trên cơ sở các khu chức năng chính đã được xác định trong đồ án QHCXD vùng Đông Quảng Nam, Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình, QHC đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa, QHC đô thị Bình Minh, đề xuất bổ sung diện tích cho đất du lịch - dịch vụ và các không gian công cộng ven biển. Chủ yếu tập trung vào hoàn thiện không gian các khu chức năng đô thị - du lịch - dịch vụ ven biển và xây dựng mới hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại và đảm bảo môi trường sống chất lượng tốt. Cơ bản toàn khu vực có mật độ dân cư thấp, phân bố các chức năng và khai thác hạ tầng theo xu hướng chính là cân bằng, an toàn.

- Hài hòa trong việc phát triển các khu chức năng du lịch, thương mại dịch vụ, đô thị với không gian nông thôn, nông nghiệp sinh thái và cảnh quan tự nhiên. Tôn trọng thực trạng, không có sự đột phá nhiều về không gian, đồng thời từng bước hoàn thiện và nâng cấp cơ sở hạ tầng.

- Phương án cơ cấu phân khu chức năng mạch lạc, rõ rang, tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên và hiện trạng.

- Cơ bản giữ ổn định các điểm dân cư nông thôn, phát triển theo mô hình xây dựng nông thôn mới. Vùng nông nghiệp khu vực nội địa và ven sông phát

triển theo mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng xã.

* Chọn đất và hướng phát triển không gian:

- Khu vực được hình thành dựa trên việc bố trí các khu chức năng với các trục không gian chủ đạo như tuyến đường Võ Chí Công chạy song song với biển theo hướng Bắc Nam và các trục liên kết theo hướng Đông Tây.

- Dựa trên trục không gian ven biển (tuyến đường Võ Chí Công), hình thành hai Đô thị mới ven biển (đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và đô thị Bình Minh) phát triển du lịch - dịch vụ gắn với nhóm dự án trọng điểm khu đô thị - du lịch Nam Hội An của tỉnh Quảng Nam.

- Các khu du lịch tập trung chủ yếu về phía Đông của tuyến đường Võ Chí Công.

- Khu vực phía Tây và dọc hai bên hành lang sông Trường Giang tập trung phát triển nông nghiệp và giữ ổn định các điểm dân cư nông thôn theo mô hình xây dựng nông thôn mới.

* Cơ cấu chức năng:

- Hình thành hai đô thị mới, bao gồm: đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa ở phía Đông Bắc khu vực và đô thị Bình Minh ở phía Đông Nam khu vực. Đây là hai đô thị hạt nhân trong Cụm động lực số 2, thuộc hành lang kinh tế Trung Quảng Nam, phát triển với tính chất dịch vụ - du lịch, hỗ trợ và liên kết phát triển với đô thị Hội An, Nam Phước, Hà Lam và các khu chức năng thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Khu vực ven biển, vùng giao thoa giữa hai đô thị mới Duy Hải - Duy Nghĩa ưu tiên bố trí các chức năng du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, thương mại - dịch vụ, trung tâm văn hóa - sinh hoạt cộng đồng và các chức năng công cộng khác.

- Đối với hành lang sinh thái dọc sông Trường Giang, tiếp tục ổn định quỹ đất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo mô hình ứng dụng công nghệ cao gắn với gìn giữ cảnh quan tự nhiên của sông Trường Giang, tạo thành một hành lang xanh sinh thái bảo về môi trường.

- Khu vực dọc phía Tây khu vực, cơ bản ổn định các điểm dân cư nông thôn gắn với các khu sản xuất nông nghiệp hiện hữu, xây dựng theo mô hình nông thôn mới, với định hướng chính: hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng xã

hội và các công trình phục vụ sản xuất kết hợp làm nơi trú bão lũ khi có thiên tai; phát triển các khu ở nông thôn phải tôn trọng theo cách sống và tập quán của người dân địa phương.

- Sử dụng hệ thống rừng phòng hộ, kênh, dải cây xanh dọc theo các tuyến trục giao thông, đặc biệt là dải cây xanh hai bên tuyến đường Võ Chí Công để hình thành mạng lưới liên kết mềm giữa các khu chức năng bằng hệ thống cây xanh, mặt nước.

*b) Phương án 2* ***(phương án chọn):***

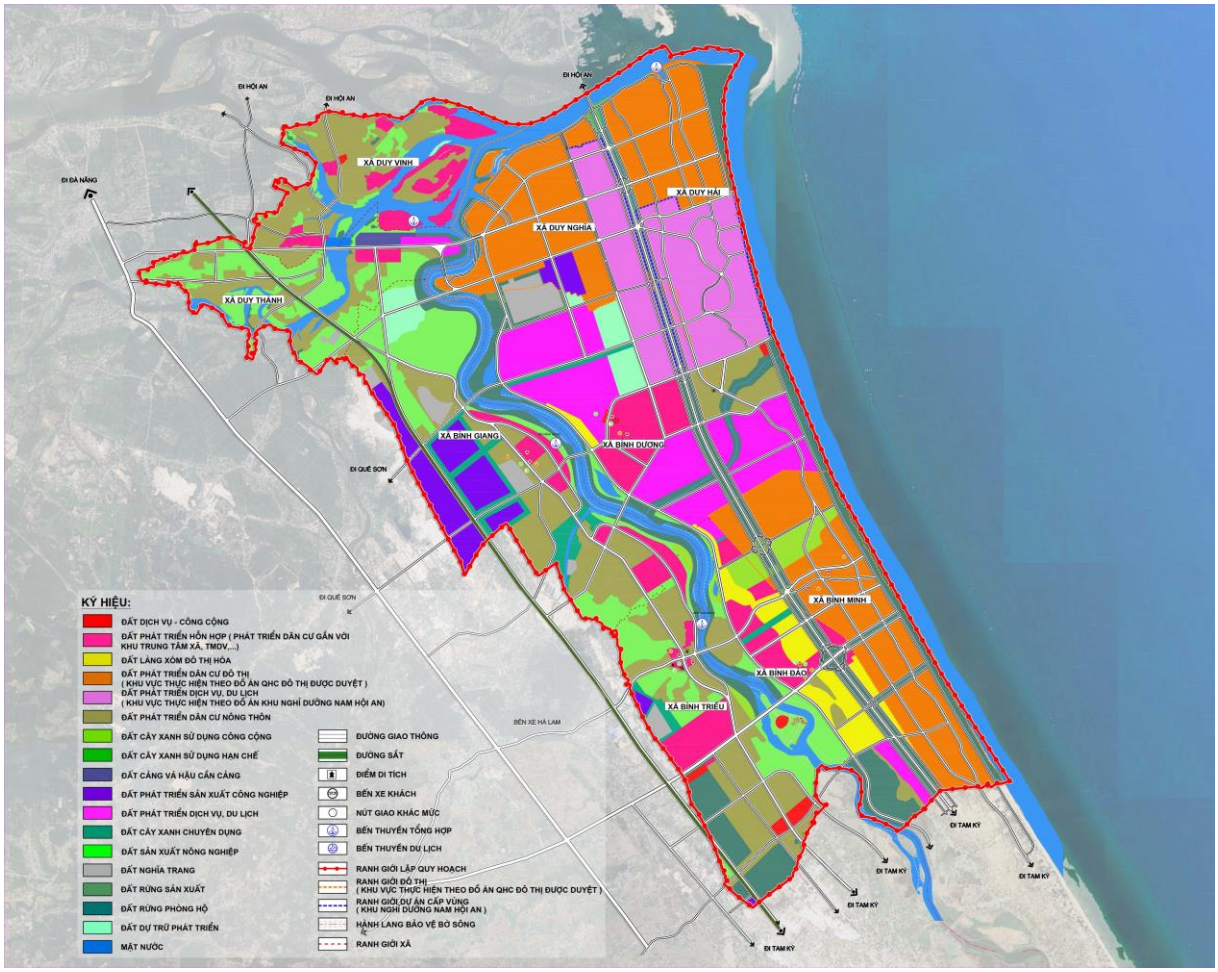


***Phương án 02:*** ĐỘT PHÁ - BỀN VỮNG

- Xây dựng khu vực trở thành cực đối trọng của đô thị Hội An, làm động lực phát triển cho Cụm động lực số 2 trên hành lang phát triển vùng Trung Quảng Nam. Phát triển đột phá và đảm bảo sự bền vững, bao gồm: ***Đô thị xanh, môi trường xanh và kinh tế xanh.***

- Tổng thể toàn khu có mật độ dân cư trung bình cao, đặc biệt khu vực ven biển phía đông sông Trường Giang phát triển theo hướng đô thị sinh thái hiện

đại, mật độ dân cư cao. Phát triển với phương châm chuyển đổi **"*Trắng thành Xanh*". Đưa khu vực từ một vùng đất ven biển với xuất phát điểm thấp trở thành một trung tâm giao lưu cửa ngõ liên vùng, giàu mạnh, có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại và thông minh.

- Hình thành các không gian chức năng theo hướng hỗn hợp - linh hoạt. Tích hợp các không gian, hệ thống hạ tầng xã hội, tiện ích đô thị với các trung tâm cấp vùng và khu vực. Hoàn thiện đầy đủ các không gian chức năng để trở thành một khu vực có đô thị hiện đại, cơ cấu tương thích với khả năng phát triển nhanh và trình độ cao, đảm bảo "thích ứng" tốt với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, môi trường,...vv.

- Dành tối đa quỹ đất phát triển mạnh về đô thị - du lịch - dịch vụ.

- Khai thác triệt để không gian, môi trường sinh thái cảnh quan để phát triển. Tạo lập vùng cảnh quan du lịch sinh thái chất lượng cao, vùng cảnh quan văn hóa sông biển độc đáo và đặc trưng của Quảng Nam.

- Tích hợp hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng hiện đại, khai thác tối đa lợi thế công nghệ mới, phát triển theo nhịp độ nhanh, công suất cao.

** Chọn đất và hướng phát triển không gian:*

- Khu vực được hình thành dựa trên việc bố trí các khu chức năng với các trục không gian chủ đạo theo hướng Bắc Nam và Đông Tây, bao gồm: hai tuyến không gian chủ đạo chạy song song với biển theo hướng Bắc Nam và sáu trục đồng hành hướng biển theo hướng Đông Tây.

- Trên trục xương sống dọc ven biển (tuyến đường Võ Chí Công), xây dựng hai Đô thị mới ven biển, bao gồm: đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa ở phía Đông Bắc khu vực và đô thị Bình Minh ở phía Đông Nam khu vực. Định hướng trở thành một đô thị xanh, thân thiện, thông minh và có chất lượng cuộc sống tốt.

- Các khu du lịch - dịch vụ được tập trung chủ yếu về phía Đông sông Trường Giang, ở khoảng giữa hai đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa với Bình Minh và một số được bố trí đan xen với các khu nông nghiệp dọc hai bên sông Trường Giang.

- Hình thành một vùng đệm ở phía Tây trục không gian đô thị - công nghiệp chạy song song với sông Trường Giang. Đây là không gian chuyển tiếp từ vùng đô thị - công nghiệp (khu vực đô thị, công nghiệp Hương An và Hà Lam) đến vùng đô thị - dịch vụ (khu vực lập quy hoạch). Ưu tiên bố trí các cụm,

điểm công nghiệp tiêu chí xanh, sinh thái; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các cụm dân cư nông thôn. Hạt nhân là các cụm đổi mới trong sản xuất nông nghiệp và các trung tâm cụm xã xây dựng theo mô hình **"URBAN FARMING"** tạo nên sự thay đổi toàn diện cho khu vực.

** Cơ cấu chức năng:*

(1) Đô thị: Xây dựng hai đô thị mới Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh, là đô thị dịch vụ du lịch theo hướng sinh thái hiện đại. Gian đoạn đến năm 2030 sẽ hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V. Trong giai đoạn tiếp theo sẽ tiếp tục phát triển lan tỏa và kết nối 2 đô thị thành một đô thị, tương đương cấp đô thị loại 1.

(2) Khu trung tâm: Xây dựng khu trung tâm cấp vùng và khu vực, tại trung tâm của khu du lịch sinh thái ven biển và ở vị trí cửa ngõ phía Tây Nam (bắc QL14E - Bình Triều). Tại đây, xây dựng một khu trung tâm công cộng, dịch vụ cho toàn khu vực, bao gồm: khu công viên văn hóa trung tâm, khu trung tâm thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí ven biển, khu lễ hội - sinh hoạt văn hóa cộng đồng, biểu diễn nghệ thuật, khu thương mại - dịch vụ, và khu đô thị trung tâm hiện đại …vv.

(3) Khu du lịch sinh thái: Dựa trên lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, địa hình tự nhiên, bãi tắm ven biển, hình thành các khu du lịch sinh thái ven biển chất lượng cao tại vùng giao thoa giữa hai đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa với Bình Minh.

(4) Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Trên cơ sở không gian nông nghiệp dọc hai bên sông Trường Giang phát triển theo mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đồng thời bố trí các cụm đổi mới làm hạt nhân trong nông nghiệp.

(5) Khu dân cư, hành lang xanh: Khai thác một phần diện tích rừng phòng hộ, cây xanh sinh thái tự nhiên ven các kênh, suối và các khu dân cư làng xóm hiện hữu hình thành mạng lưới không gian mở hướng biển, hệ thống cây xanh liên kết các khu chức năng và giảm thiểu tác động nguy hại đến môi trường trong quá trình phát triển khu vực.

(6) Khu nông nghiệp, nông thôn mới: Cơ bản giữ ổn các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng nông nghiệp hiện hữu phía Tây và Tây Bắc khu vực. Hạt nhân là các trung tâm cụm xã phát triển theo mô hình đô thị nông nghiệp - "URBAN FARMING" và các cụm đổi mới trong nông nghiệp.

(7) Khu công nghiệp: Công nghiệp tập trung quy mô vừa và nhỏ được bố trí về phía Tây khu vực, tại trung độ của trục không gian đô thị - công nghiệp theo hướng Bắc Nam. Định hướng phát triển công nghiệp theo mô hình công nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, bao gồm: công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí, công nghiệp hàng xuất khẩu, chế biến nông lâm sản, thực phẩm, lắp ráp điện tử, hàng tiêu dùng.

*c) Lựa chọn phương án cơ cấu quy hoạch:*

Phương án cơ cấu quy hoạch phải đảm bảo khai thác, tận dụng hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự nhiên và hiện trạng. Phân khu chức năng khoa học, hợp lý, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan độc đáo, ấn tượng gắn với hệ thống giao thông mạch lạc, thuận lợi cho phát triển. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa nhưng không làm xáo trộn cấu trúc xã hội và văn hóa hiện hữu của địa phương. Đảm bảo tính kinh tế và khả thi cao.

<table>
<tr><td colspan="2"> 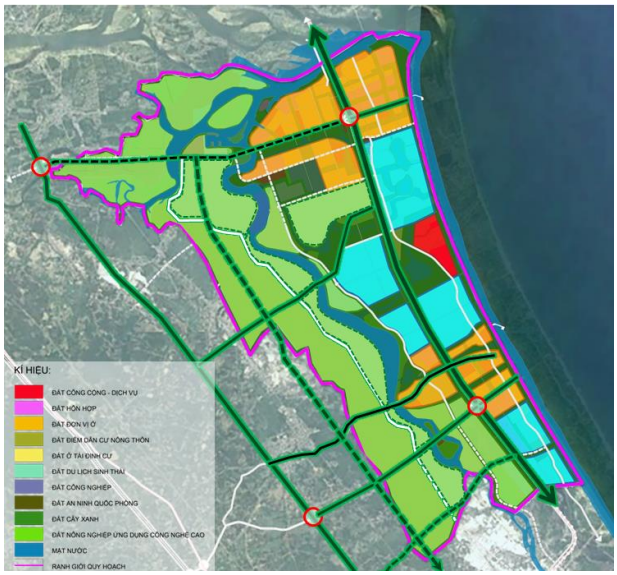 </td><td> 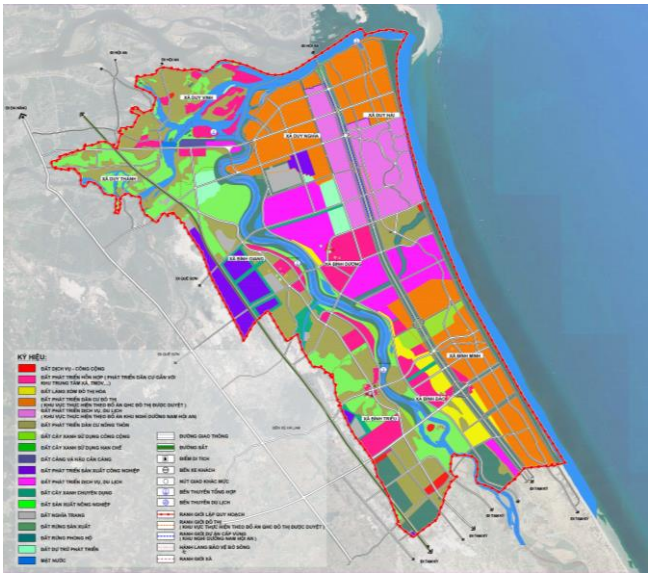 </td></tr>
<tr><td colspan="2">Phương án 01</td><td>Phương án 02</td></tr>
<tr><td>Ưu điểm:</td><td>- Tuân thủ các định hướng chính về xây dựng và phát triển khu vực đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Quảng Nam và quy hoạch vùng huyện Duy Xuyên và Quy hoạch vùng huyện Thăng Bình đã được phê duyệt.</td><td>- Tuân thủ các định hướng chính về xây dựng và phát triển khu vực đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Quảng Nam và quy hoạch vùng huyện Duy Xuyên và Quy hoạch vùng huyện Thăng Bình đã được phê duyệt.<br>- Khai thác hợp lý, hiệu quả tiềm năng phát triển của khu vực, du lịch - dịch vụ,</td></tr>
</table>

| | | |
|---|---|---|
| | - Phân khu chức năng rõ rang, mạch lạc, khai thác tối đa quỹ đất ven biển để phát triển du lịch, qua đó thu hút mạnh đầu tư vào ngành kinh tế mũi nhọn du lịch - dịch vụ.<br>- Tổ chức không gian khu vực phát triển hài hòa giữa kinh tế và cảnh quan, môi trường.<br>- Bên cạnh việc phát triển đô thị mới ven biển gắn với du lịch - dịch vụ, quan tâm đúng mức đến phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sinh thái nông nghiệp và cảnh quan tự nhiên. | đô thị, công nghiệp và nông thôn gắn liền với vùng nông nghiệp sinh thái.<br>- Tổ chức được các không gian trọng điểm phát triển kinh tế, có không gian cảnh quan đẹp, độc đáo, phong phú và gìn giữ bản sắc, môi trường sinh thái.<br>- Xây dựng trục không gian đô thị - công nghiệp chạy song song về phía Tây sông Trường Giang, nối thẳng trực tiếp Khu kinh tế mở Chu Lai - Khu vực lập quy hoạch - thành phố Hội An, tạo tuyến vận tải hàng hóa và kết nối đô thị - công nghiệp hợp lý.<br>- Dành quỹ đất phát triển đô thị, du lịch - dịch vụ, đô thị và nông thôn, nông nghiệp phù hợp.<br>- Khai thác dịch vụ du lịch gắn với các khu nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao dọc sông Trường Giang. Đồng thời, khai thác tối đa các giá trị về cảnh quan sông Trường Giang để phát triển du lịch.<br>- Tổ chức các cụm Trung tâm công cộng - dịch vụ gắn liền với các không gian du lịch ven biển và cửa ngõ giao lưu liên vùng, thuận lợi cho việc khai thác các hoạt động giao lưu kinh tế, dịch vụ thương mại, sinh hoạt cộng đồng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.<br>- Xây dựng được một vùng không gian đệm, phát triển đa chức năng ở phía Tây khu vực, bao gồm: công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các làng xóm dân cư hiện hữu. Hình thành |

| | | |
|---|---|---|
| | | các cụm đổi mới trong sản xuất nông nghiệp và các trung tâm cụm xã xây dựng theo mô hình "Urban Farming".<br>- Tạo dựng được cấu trúc sinh thái cho khu vực, gìn giữ bản sắc đặc trưng và bảo vệ môi trường sinh thái. |
| ***Nhược điểm:*** | - Hiệu quả sử dụng đất chưa cao, chưa tận dụng được tối đa quỹ đất và các điều kiện địa phương.<br>- Chưa tối ưu hóa được giá trị cảnh quan sông nước độc đáo, đặc trưng của khu vực vào phát triển du lịch.<br>- Cơ cấu chưa thực sự phù hợp với xu hướng phát triển chung và tình hình diễn biến nhanh của thực tế trên các lĩnh vực: Môi trường; Kinh tế; Xã hội...vv. | - Khối lượng đầu tư tương đối lớn.<br>- Trục không gian đô thị - công nghiệp chạy song song về phía Tây sông Trường Giang từ khu vực đến thành phố Hội An đi qua sông Thu Bồn ở vị trí có bề rộng của sông lớn nên kinh phí đầu tư tương đối lớn. |

Trên cơ sở phân tích các ưu, nhược điểm của các phương án cơ cấu quy hoạch. Đề xuất lấy phương án 02 (Đột phá - Bền vững) làm phương án chọn để triển khai các giải pháp quy hoạch.

**5. Các định hướng chiến lược:**

**1 - Định hướng 1: Gắn kết toàn bộ không gian trở thành vùng cảnh quan du lịch, đa dạng, thanh bình, hài hòa. Vùng cảnh quan văn hóa lịch sử sông biển đặc trưng Quảng Nam.**

- ✓ Đáp ứng đa dạng các loại hình trải nghiệm du lịch tạo điểm đến mới: Vui chơi giải trí&mua sắm; Nghỉ dưỡng biển; Hội nghị hội thảo; Sức khỏe&an dưỡng; Siêu sang; Văn hóa&Lịch sử; Thám hiểm& Thể thao; Công tác kết hợp du lịch; Cộng đồng…vv
- ✓ Dải không gian ven biển,
- ✓ Dải ven sông Trường Giang

- ✓ Dải ven sông Thu Bồn,
- ✓ Trục công viên Tự nhiên – Văn hóa – Con người Quảng Nam.
- ✓ Các điểm làng nghề Cửa Khe, Lăng Bà Chợ Được; Văn hóa lễ hội; Các khu du lịch; Các trung tâm du lịch đô thị; Các khu sinh thái nông nghiệp.

**2 - Định hướng 2: Giành diện tích và không gian đủ lớn để hình thành các trung tâm cấp vùng.**

- ✓ Trung tâm du lịch, VCGT, mua sắm cấp vùng
- ✓ Trung tâm logistics
- ✓ Trung tâm y tế cấp vùng
- ✓ Trung tâm đào tạo cấp vùng
- ✓ Trung tâm khoa học công nghệ cấp vùng (Trung tâm sáng tạo, khu các công ty khởi nghiệp công nghệ mới)
- ✓ Khu nghiên cứu phát triển, khu các văn phòng đại diện của tập đoàn lớn.

**3 - Định hướng 3: Tạo dựng đô thị xanh hiện đại, thân thiện, thông minh có chất lượng cuộc sống cao. Phương châm "chuyển đổi Trắng thành Xanh".**

- ✓ Công viên trung tâm đô thị, công viên sinh thái, công viên rừng
- ✓ Bệnh viện đa khoa quốc tế
- ✓ Trường đào tạo khoa học công nghệ, liên kết đào tạo quốc tế
- ✓ Trung tâm biểu diễn nghệ thuật, VCGT + TDTT chất lượng cao (Golf)
- ✓ Trung tâm thương mại cấp vùng và khu vực
- ✓ Khu NN-UDCNC, Cụm đổi mới tại khu vực nông thôn
- ✓ IOT, 5G…vv ứng dụng cao nhất công nghệ số, CNTT trong mọi hoạt động của người dân và đô thị.

**4 - Định hướng 4: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, theo hướng hiện đại, xanh và thông minh. Gắn với cảnh quan, khả năng tích hợp cao.**

- ✓ Giao thông đối ngoại: cầu (biểu tượng kiến trúc), đường (song hành)
- ✓ Nội bộ: Xây dựng đường ven biển, ven sông, đường ngang, cải tạo mạng lưới GT khu vực cũ.
- ✓ Giao thông công cộng: phát triển xe buýt, đường sắt đô thị, xe đạp.
- ✓ Giao thông xanh: kết hợp cải tạo hiện trạng và xây dựng mới, hình thành các tuyến phố thương mại-dịch vụ-quảng bá du lịch gắn với cộng đồng;

- ✓ Thiết kế tích hợp không gian ngầm đô thị tại các TOD.
- ✓ (Chính sách "Walk21": Thành phố Sydney đăng cai tổ chức hội nghị Walk 21. Khuyến khích giao thông đi bộ, mục tiêu 2030: 50% nhu cầu giao thông được thực hiện bằng đi bộ).
- ✓ Cấp nước: Nâng công suất NMN.
- ✓ Cấp điện: Xây dựng hoàn thiện, hạ ngầm hệ thống lưới điện.
- ✓ Đánh giá môi trường chiến lược: Xây dựng hệ thống quan trắc hiện đại, hoàn thiện các Trạm xử lý nước thải. Cải tạo nghĩa trang hiện có, không bổ sung nhu cầu mới
- ✓ Chuẩn bị kỹ thuật: San nền cục bộ. Kè khu vực bờ sông xung yếu. An toàn ngập lụt, tần suất 100 năm.

### 5.1 Phân khu chức năng kiểm soát phát triển:

Tổng thể khu vực được thiết lập làm 03 khu vực chức năng cơ bản. Mục đích của việc thiết lập các phân khu chức năng là nhằm phục vụ công tác quản lý và kiểm soát phát triển.

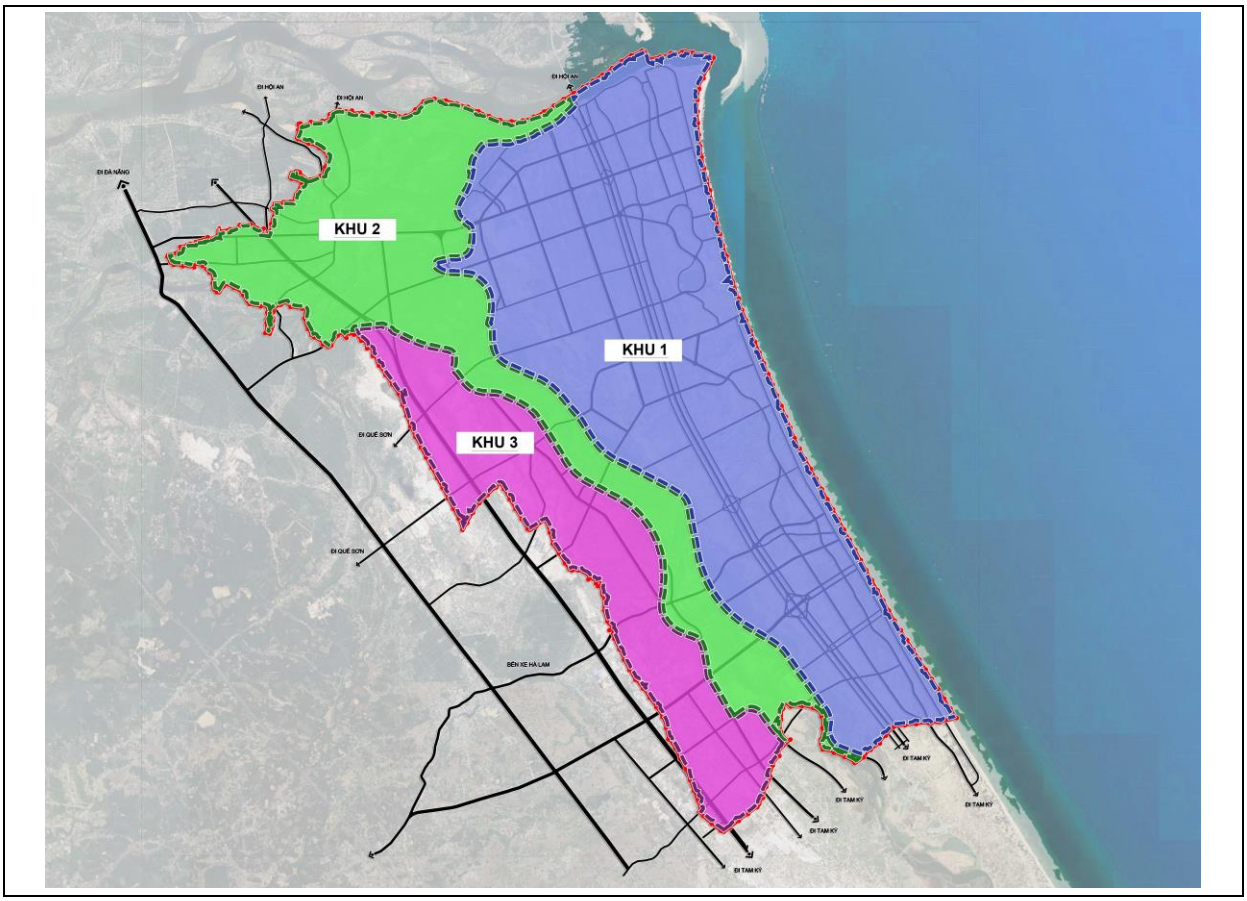


*Sơ đồ phân vùng chức năng kiểm soát phát triển*

***Khu vực số 1 - Vùng không gian ven biển, ven sông***

a) Vị trí: Là dải không gian ven biển, nằm về phía Đông của khu vực, có 3 mặt tiếp giáp sông Trường Giang, sông Thu Bồn và biển Đông. Phạm vi khu vực có một phần diện tích (một phần các xã Bình Đào, Bình Minh, Bình Triều) thuộc Quy hoạch Khu kinh tế mở Chu Lai điều chỉnh tuân thủ theo Quy hoạch chung xây dựng (được phê duyệt theo QĐ 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng chính phủ).

b) Quy mô: Diện tích khoảng: 6.600 ha; Dân số toàn khu vực khoảng 230.000 người trong đó: dân số đô thị khoảng 150.000 người, bao gồm đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa là 95.000 người, đô thị Bình Minh là 55.000 người; dân cư nông thôn là 80.000 người bao gồm xã Bình Dương 50.000 người, xã Bình Đào là 30.000 người.

c) Tính chất, chức năng: Là khu vực trung tâm của tỉnh, có chức năng phát triển hỗn hợp đô thị, dịch vụ, du lịch và công nghiệp; với mũi nhọn phát triển du lịch sinh thái ven biển gắn kết hỗ trợ với đô thị cổ Hội An. Là nơi tập trung dân cư nhất của khu vực, trung tâm của mọi hoạt động và phát triển của khu vực. Hạt nhân là 2 đô thị mới Duy Hải - Duy Nghĩa kết hợp với khu du lịch nghỉ dưỡng Nam Hội An và đô thị Bình Minh.

d) Định hướng phát triển:

- Khu vực ven biển: Khai thác triệt để khu vực mặt tiền bờ biển kết hợp bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, hình thành khu đô thị - dịch vụ - du lịch sinh thái các xã ven biển và du lịch dọc sông Trường Giang với đa dạng các loại hình vui chơi, giải trí, điều trị, chăm sóc sức khỏe... Tạo điều kiện thuận lợi để các dự án đầu tư vào các lĩnh vực khách sạn, khu nghỉ dưỡng, Trung tâm hội nghị, thương mại, khu vui chơi giải trí, nhà nghỉ, bãi tắm.

- Khu vực ven sông: Trên cơ sở tuyến đường dân sinh hiện có chạy dọc ven hành lang sông, xây dựng hệ thống đường bao dân sinh nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất và kiểm soát sự phát triển về phía hành lang sông Trường Giang, phát triển theo một cách thức có trật tự dọc theo dìa hành lang sông với sự phát triển đông dân hơn ở xa sông và thưa hơn ở gần hành lang sông trên khu vực đất đai có giá trị. Xây dựng mô hình nhân dân tham gia kinh doanh du lịch làng quê kết hợp với du lịch sông nước trên Sông Trường Giang.

- Phía Bắc và Nam phát triển các khu đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh – Bình Đào: bố trí các trung tâm đô thị, khu phố biển, các khu hỗn hợp, du lịch, vui chơi giải trí; trung tâm công cộng quảng trường, bãi tắm, công viên biển sông... Đồng thời giữ ổn định các điểm dân cư làng xóm ven biển hiện hữu kết hợp chỉnh trang khai thác các giá trị di sản văn hóa của làng nghề nước mắm

Cửa Khe gắn với phát triển và phục vụ du lịch.

- Bố cục chung các đô thị, khu đô thị là hướng không gian mở ra biển, về phía vùng du lịch sinh thái với các trục ngang theo hướng Đông Tây. Hình thành các nêm cây xanh kết hợp mặt nước đan xen giữa các khu chức năng để nối liền không gian xanh ven bờ biển với không gian xanh dọc dìa hành lang sinh thái sông Trường Giang. Dải đất ven hành lang sinh thái sông Trường Giang sẽ trở thành một khu vực công cộng xanh với với quan điểm khai thác giá trị cảnh quan ven sông Trường Giang, tạo ra quỹ đất có giá trị bên dìa sông để phát triển đô thị và du lịch, dịch vụ.

- Khu vực xã Bình Dương bố trí các khu trung tâm dịch vụ - du lịch - công viên, khu VCGT cấp vùng; sân golf, các khu nghỉ dưỡng; khu dịch vụ sinh thái ven sông.

- Bảo vệ diện tích rừng phòng hộ ven biển, dọc hành lang đường Võ Chí Công. Giữ ổn định dải đất dọc bờ biển rộng khoảng 200m tính từ mép nước để trồng cây chắn cát, gió và bảo vệ cảnh quan.

- Hình thành các khu nông nghiệp vành đai quanh các khu du lịch, các đô thị. Đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp để có nhiều sản phẩm thương mại có giá trị cao như rau quả, hoa, cây ươm;...

***Khu vực số 2 - Vùng lõi xanh - hành lang sinh thái sông Trường Giang và sông Thu Bồn.***

a) Vị trí: Là dải không gian nằm giữa khu vực, thuộc hành lang sinh thái của sông Trường Giang và sông Thu Bồn được định hình bởi 2 tuyến đường dọc ven sông (bao gồm xã Duy Thành và xã Duy Vinh).

b) Quy mô: Diện tích khu vực khoảng 3.651 ha, dân số khoảng 40.000 người tại các khu vực dân cư nông thôn giữ lại theo quy hoạch.

c) Tính chất, chức năng: Xác định chức năng chính của khu vực là vùng đô thị xanh, đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với làng quê, du lịch sinh thái sông nước (đặc biệt là xã Duy Vinh ngay gần Thành phố Hội An nên tiềm lực phát triển du lịch ở Duy Vinh là rất lớn)... nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo chức năng phòng chống ngập lụt, và là không gian xanh đô thị - khai thác hài hòa hợp lý tài nguyên cảnh quan môi trường sinh thái, đất bãi ven sông để phát triển kinh tế - xã hội, phát huy được lợi thế khu vực.

d) Định hướng phát triển:

- Cơ bản giữ ổn định cấu trúc không gian cảnh quan môi trường sinh thái tại khu vực xã Duy Thành, Duy Vinh với các định hướng chính như sau:

+ Xã Duy Vinh: là trung tâm Trung tâm tổng hợp, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Đông của huyện theo định hướng của quy

hoạch vùng huyện Duy Xuyên đã được phê duyệt, với định hướng phát triển gắn liền với quá trình đô thị hóa, kết nối các khu chức năng phát triển về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, liên kết với đô thị cổ Hội An tạo điều kiện cho phát triển kinh tế thương mại dịch vụ. Sản phẩm chủ đạo là thương mại dịch vụ phục vụ du lịch.

+ Xã Duy Thành: "Dịch vụ-công nghiệp-nông nghiệp" phát triển xã Duy Thành gắn với phát triển công nghiệp, làng nghề truyền thống kết hợp thương mại, dịch vụ - du lịch để phát triển kinh tế xã hội.

- Các khu chức năng chính của khu vực: các khu dân cư, khu thương mại dịch vụ, khu nông nghiệp, khu sinh thái nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp khai thác dịch vụ du lịch ven sông và hệ thống công viên, cây xanh mặt nước... Phát triển hài hòa trong việc bảo vệ môi trường và khai thác các giá trị văn hóa; dịch vụ, du lịch một cách bền vững và có bản sắc riêng.

- Sông Trường Giang và các đảo trên sông được tổ chức thành khu vực không gian mở, sinh thái phục vụ du lịch và là tiền đề phát triển các khu dân cư kết hợp du lịch, dịch vụ dọc ven hành lang sông. Vùng không gian này được giới hạn bởi hai tuyến đường dân sinh chạy song song ở hai bên sông Trường Giang, với nhiều giải pháp kè cứng, mềm khác nhau, tạo sự đa dạng, linh hoạt tùy thuộc địa hình. Định hướng chính là bảo vệ hệ sinh thái và phát triển du lịch, khai thác giao thông thủy. Tạo thành trục không gian xanh; với các công viên quy mô lớn, tạo bộ mặt cảnh quan đẹp cho khu vực. Tiếp tục đẩy mạnh công tác trồng rừng và bảo vệ rừng dọc sông Trường Giang.

- Phát triển không gian xanh, trục cảnh quan đô thị:

1) Không gian cảnh quan khu vực được chia thành 5 đoạn chính (chuỗi các công viên gắn với vùng cảnh quan sinh thái sông - biển): Đoạn 1: cửa sông Thu Bồn là công viên sinh thái vùng ngập mặn Duy Thành - Duy Vinh; Đoạn 2: công viên sinh thái nông nghiệp tại Bình Dương - Bình Giang; Đoạn 3: công viên đa chức năng cấp vùng tại Bình Triều – Bình Minh; Đoạn 4: công viên sinh thái nông nghiệp Bình Triều - Bình Đào; Đoạn 5: công viên đô thị, cù lao Bình Đào - Bình Triều.

2) Hạ tầng: Hoàn thiện 5 khu cảng kết hợp bến thuyền du lịch tại Duy Hải-Duy Nghĩa, Duy Thành, Bình Giang, Bình Đào – Bình Triều.

Nạo vét sông, khai thác du lịch, vận tải đường thủy trên sông;

Xây dựng mới 7 cầu (4 tại Bình Giang, 3 tại Bình Triều);

3) Đô thị sinh thái: Phát triển các điểm dân cư gắn với mô hình urbanfarming, cụm đổi mới. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hướng tới an toàn;

- Các khu vực sinh thái nông nghiệp tại đây được phát triển theo nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao như nuôi, trồng thủy sản trên sông, mô hình sản xuất lúa giống phục vụ cho nông dân sản xuất theo hướng thâm canh, đồng thời làm tiền đề cho việc sản xuất lúa giống theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp sinh thái có chất lượng cao.

***Khu vực 3 - Vùng đệm - không gian chuyển tiếp từ vùng đô thị, công nghiệp đến vùng đô thị, du lịch.***

a) Vị trí: Là dải không gian nằm về phía Tây khu vực. Phía Bắc giáp sông Thu Bồn, phía Nam giáp xã Bình Sa, phía Đông giáp hành lang sinh thái sông Trường Giang (Khu vực 2) và phía Tây giáp xã Bình Phục (huyện Thăng Bình), xã Hương An (huyện Quế Sơn), xã Duy Phước (huyện Duy Xuyên);

b) Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng: 2.400 ha. Dân số khu vực khoảng 80.000 người thuộc 5 xã Duy Thành, Duy Vinh, Bình Giang, Bình Triều, Bình Đào.

c) Tính chất, chức năng: Đây là vùng đệm chuyển tiếp từ không gian phát triển đô thị - công nghiệp (đô thị Hà Lam, KCN Đông Quế Sơn) tới không gian phát triển đô thị - du lịch của khu vực.

Chức năng chính là hỗ trợ phát triển và dự trữ phát triển cho đô thị sinh thái, du lịch, các trung tâm dịch vụ và công nghiệp cấp vùng quy mô lớn, công nghệ cao. Ưu tiên bố trí các cụm, điểm công nghiệp tiêu chí xanh, sinh thái, công nghiệp công nghệ cao (chế biến các sản phẩm từ nguồn silic hiện hữu…vv); nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hướng tới an toàn; các cụm dân cư đô thị sinh thái. Hạt nhân là hệ thống các điểm dịch vụ hỗ trợ phát triển và chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp "Revolution Cluster - Cụm đổi mới mang tính cách mạng trong nông nghiệp" trong sản xuất nông nghiệp và mô hình "Urban Farming - Đô thị Nông nghiệp".

d) Định hướng phát triển:

- Trên cơ sở phần diện tích đất thuộc khu công nghiệp Đông Quế Sơn đã thành lập và CCN Bình Hòa đã được phê duyệt, xây dựng khu công nghiệp tổng hợp (sản xuất công nghiệp, kho tang và dịch vụ công nghiệp) theo hướng xanh, sinh thái. Khu công nghiệp này được tổ chức theo hình thức không gian đô thị, có quảng trường, công viên, hồ nước, cây xanh đan xen giữa các công trình, khu chức năng, tạo dựng hình ảnh một khu công nghiệp xanh, sạch, đẹp, làm mờ hình ảnh công nghiệp bằng cảnh quan và không gian xanh.

- Khu vực Bình Giang, Bình Triều: Tại đây bố trí các khu dân cư làng xóm, khu đô thị sinh thái, khu dịch vụ - du lịch, khu nông nghiệp, các khu cụm công nghiệp, trung tâm sinh hoạt cộng đồng, công trình đầu mối hạ tầng giao thông - bến thuyền, cảng sông; dự kiến bố trí trung tâm cấp vùng về y tế - giáo dục - khoa học công nghệ tại Bình Triều.

- Các điểm dân cư nông thôn tại khu vực cơ bản giữ ổn định và xây dựng theo mô hình nông thôn mới: hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng xã hội, các

công trình phục vụ sản xuất, nâng cao điều kiện sống cả về vật chất và tinh thần. Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội và dịch vụ sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

- Đồng thời, phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với các làng nghề truyền thống theo một mô hình riêng và gắn với bảo vệ môi trường như: mô hình làng du lịch trải nghiệm nông nghiệp (làng rau Hưng Mỹ, xã Bình Triều), mô hình trang trại, mô hình nông nghiệp đô thị …vv, là những mô hình kết hợp bảo tồn, phát triển và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các cụm đổi mới trong nông nghiệp gắn với trung tâm xã, cụm xã nhằm hình thành các trung tâm nông thôn phát triển theo mô hình "Urban Farming", có đầy đủ các công trình dịch vụ hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Khu vực sản xuất nông nghiệp phát triển theo nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực như: chăn nuôi gia súc, trồng rau, trồng hoa, nuôi trồng thủy sản …vv. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các ngành sản xuất hướng vào cung cấp nguyên liệu rau quả, thực phẩm chất lượng cao cho khu vực và các vùng lân cận.

### 5.2 Định hướng phát triển không gian:

*5.2.1. Nguyên tắc:*

Kế thừa định hướng về tầm nhìn, mục tiêu, tính chất, dự báo quy mô dân số và đất đai, định hướng phát triển không gian, hạ tầng kỹ thuật… để phù hợp với Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Đáp ứng mục tiêu, định hướng của tỉnh Quảng Nam, đảm bảo tuân thủ theo các quy chuẩn, quy phạm, pháp luật hiện hành.

- Tạo được kết nối liên kết vùng, phát huy tối đa tiềm năng vốn có: Phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ du lịch.

- Đảm bảo khớp nối các loại quy hoạch, tạo được sự thu hút đầu tư và phát triển các dự án.

- Tận dụng và phát huy tối đa các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, lựa chọn đất xây dựng, phân khu chức năng hợp lý, phát triển hài hòa các chức năng như dịch vụ du lịch, công nghiệp, đô thị và các khu chức năng khác đảm bảo phát triển bền vững.

*5.2.2. Mục đích, yêu cầu:*

- Khai thác triệt để không gian biển vào tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu vực, tạo dựng hình ảnh hiện đại của một khu động lực phát triển cho Cụm động lực số 2 trên hành lang phát triển vùng Trung Quảng Nam gắn với các hình thái không gian phong phú.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu vực trên quan điểm hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu hội nhập, thu hút đầu tư và thỏa mãn các điều kiện tự nhiên và môi trường.

- Bảo tồn được các không gian kiến trúc cảnh quan có giá trị, các di tích lịch sử văn hóa trong khu vực. Khai thác tối đa giá trị độc đáo của không gian cảnh quan sông Trường Giang vào không gian phát triển xây dựng mới.

- Lưu giữ, ổn định không gian cấu trúc làng xóm hiện hữu đặc trưng, hệ thống nhà vườn đặc trưng hiện có.

- Hạn chế tối đa việc di dời giải tỏa, xáo động lớn đối với đời sống trong khu vực nghiên cứu.

- Hạn chế việc san gạt quy mô lớn, biến đổi cấu trúc địa hình tự nhiên khu vực.

- Gắn kết các tuyến không gian kiến trúc cảnh quan với việc tổ chức giao thông và chức năng sử dụng đất đai hai bên tuyến đường và kiến trúc các cụm công trình điểm nhấn.

*5.2.3. Định hướng phát triển không gian*

- Đến năm 2045 khu vực được định hướng trở thành đô thị trung tâm của vùng đô thị phía Đông Bắc của tỉnh Quảng Nam; Điểm đến du lịch mới của khu vực miền Trung, thanh bình, hài hòa với không gian văn hóa lịch sử đặc sắc; Là trung tâm công nghệ đổi mới sáng tạo của khu vực, đi đầu trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp an toàn; Khu vực bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Định hướng tổng thể khu vực là thành phố du lịch, đô thị xanh sinh thái, văn minh và hiện đại. Dân số khoảng 350.000 người. Khu vực ven biển phía Đông là khu trung tâm, tại đây phát triển với mật độ cao, tổ chức nhiều không gian hấp dẫn đặc trưng, đa dạng các loại hình hoạt động đô thị và du lịch. Khu ngoại thị là khu vực phía Tây sông Trường Giang và các xã Duy Thành, Duy Vinh, phát triển mật độ thấp theo hướng đô thị sinh thái sông nước, nghỉ dưỡng gắn với làng quê, duy trì cảnh quan sinh thái. Đảm bảo sự phát triển xanh gắn với bảo vệ môi trường và bền vững.

- Toàn bộ khu vực hành lang sông Trường Giang, sông Thu Bồn trở thành không gian xanh đô thị, là chuỗi liên hoàn các công viên sinh thái.

- Hệ thống trung tâm: Trung tâm cấp vùng bố trí tập trung tại phía Bắc tuyến trục QL14E và khu vực kế cận trung tâm xã Bình Triều hiện nay. Tại đây bố trí các chức năng trung tâm Y tế, Giáo dục đào tạo, và Trung tâm công nghệ cấp vùng; Trung tâm dịch vụ du lịch, trung tâm cây xanh TDTT, công viên đa

chức năng cấp vùng bố trí tại khu vực ven biển phía Đông tại Duy Hải, Bình Minh.

*5.2.4. Định hướng quy hoạch các không gian chức năng:*

*a) Phát triển đô thị:*

***- Đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa:***

**Quy mô:* Diện tích tự nhiên khoảng 1.769,56 ha (phần diện tích ngoài ranh giới Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An: 820,2ha). Dân số đến năm 2045 khoảng 95.000 người (bao gồm dân số trong khu nghỉ dưỡng Nam Hội An).

** Tính chất, chức năng:* Là đô thị mới, trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng…; khu tái định cư; hậu cần nghề cá cung cấp lao động và nguyên liệu thủy, hải sản cho các khu du lịch, nghỉ mát; gắn với tổng thể không gian dịch vụ du lịch Hội An, hướng tới xây dựng không gian đô thị đặc sắc, mang tầm quốc gia và khu vực.

Là động lực phát triển phía Đông của huyện Duy Xuyên và hạt nhân của cụm động lực số 2 (vùng Đông Quảng Nam), là cực đối trọng quan trọng đối với thành phố Hội An.

** Định hướng tổ chức không gian:*

Theo quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-3030, tầm nhìn đến năm 2050**,** đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên được định hướng là đô thị phát triển mới thuộc Vùng Đông và Hành lang động lực kinh tế ven biển từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến ven biển.

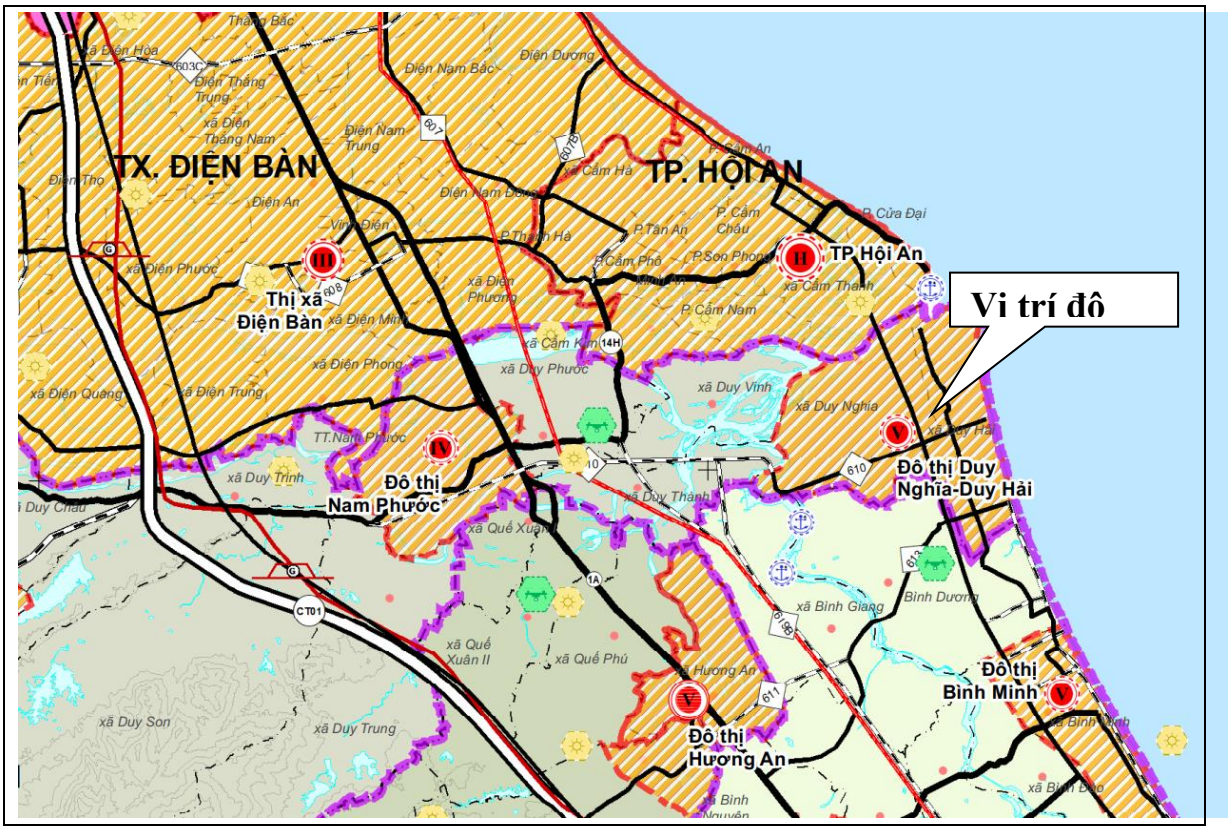

*Vị trí đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa trong quy hoạch tỉnh Quảng Nam*

- Giai đoạn đến năm 2030: Cải tạo, chỉnh trang các khu vực dân cư hiện hữu, hoàn thiện các khu tái định cư Duy Hải, Sơn Viên, Lệ Sơn, Nồi Rang và Nồi Rang mở rộng và khu tái định cư Bình Dương (phần trong ranh giới xã Duy Hải); khu đô thị Nồi Rang; cụm công nghiệp Duy Nghĩa 1; Phát triển khu vực dọc hai bên đường Võ Chí Công, khu vực ven sông, ven biển và một phần khu vực khu nghỉ dưỡng Nam Hội An. Đến năm 2025 là đô thị loại V; năm 2030 là đô thị loại V - Thị trấn. Là trung tâm hậu cần nghề cá, trung tâm thương mại, dịch vụ, tài chính; khu tái định cư cho vệt ven biển; cung cấp lao động và nguyên liệu thủy- hải - sản cho các khu du lịch, nghỉ mát. Đến năm 2030 đô thị Nam Phước mở rộng kết nối với đô thị Duy Nghĩa - Duy Hải, đô thị Kiểm Lâm và các xã lân cận nâng cấp lên thành cấp hành chính là thị xã Duy Xuyên.

- Giai đoạn đến năm 2045: Phát triển đồng bộ toàn đô thị theo phương án quy hoạch; Trong đó ưu tiên hoàn thiện các khu trung tâm thương mại - dịch vụ, trung tâm văn hóa - thể dục thể thao, y tế, giáo dục cấp đô thị tại khu vực vùng lõi của đô thị. Tổ chức các trục không gian cảnh quan, các không gian mở như Quảng trường, công viên tập trung.

** Cấu trúc phát triển chính của đô thị:*

- Phát triển đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa theo cấu trúc đa trung tâm. Các trung tâm tổ chức phân tán và được liên kết bởi các tuyến giao thông đối ngoại và giao thông chính đô thị.

- Phát triển đô thị hiện đại, hấp dẫn, giàu bản sắc, dựa trên cấu trúc cảnh quan và hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là khai thác cảnh quan sông Thu Bồn, sông Trường Giang và không gian ven biển.

+ Vùng cảnh quan ven sông: Tổ chức vệt cảnh quan ven sông, không gian đảm bảo sự phong phú, tiện nghi, hấp dẫn, tạo dựng các không gian hoạt động cộng đồng với hệ thống không gian công cộng và cây xanh ven sông.

+ Vùng cảnh quan ven biển: Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; phát triển và sử dụng quỹ đất ven biển hiệu quả, ưu tiên cho các không gian công cộng như quảng trường biển và quỹ đất hỗn hợp công cộng, Thương mại dịch vụ quảng trường biển; đảm bảo không gian tiếp cận với bờ biển cho cộng đồng dân cư.

+ Vùng cảnh quan trong đô thị: Tổ chức các trục xanh kết nối đô thị với vùng cảnh quan ven sông, ven biển và không gian mặt nước bên ngoài để tổ chức các công trình kiến trúc hiện đại.

- Đối với đất hỗn hợp thuộc phạm vi ranh giới khu nghỉ dưỡng Nam Hội An: Quản lý theo đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An đã được phê duyệt;

- Định hướng Đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa được phát triển theo các trục không gian chính:

(1) Trục Võ Chí Công: Là trục chính theo hướng Bắc - Nam, kết nối với khu vực Hội An và Thăng Bình;

(2) Trục Ven sông, ven biển (hành lang biển): Là trục cảnh quan kết nối đô thị với không gian mặt nước bên ngoài; Tổ chức trục cảnh quan ven sông, ven biển với hệ thống quảng trường, cây xanh, đường dạo, không gian mở ven sông ven biển, là trục cảnh quan đặc trưng của đô thị.

(3) Trục N3 (trục chính phân khu 4): Là trục kết nối các khu chức năng du lịch, thương mại dịch vụ tại phân khu 4 với các khu chức năng khác của đô thị.

(4) 04 Trục Bắc – Nam (trục N4, N5, N6, N9): Định hướng kết nối đô thị với không gian mặt nước sông Thu Bồn về Phía Bắc và khu vực Thăng Bình ở Phía Nam; Trong đó có 01 trục quy hoạch mới song song và cách trục thanh niên ven biển về phía Tây trung bình khoảng 100m với định hướng thay thế chức năng trục chính của đường thanh niên ven biển hiện nay.

(5) 03 Trục Đông – Tây (trục N1, N5, ĐH6B-ĐX): Định hướng kết nối đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa với khu vực phía Tây sông Trường Giang.

***- Đô thị Bình Minh:***

**Quy mô:* Diện tích tự nhiên khoảng 1.152,0ha (phần ngoài ranh giới khu công viên đa chức năng cấp vùng: 88,45ha). Dân số đến năm 2045 khoảng 55.000 người.

** Tính chất, chức năng:* Là đô thị sinh thái hiện đại, chức năng dịch vụ du lịch - công viên đa chức năng cấp vùng, là trung tâm tiểu vùng, phục vụ nhu cầu tái định cư cho vệt ven biển; cung cấp lao động cho các khu du lịch, nghỉ mát.

** Định hướng tổ chức không gian:*

- Theo quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-3030, tầm nhìn đến năm 2050**,** đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình được định hướng là đô thị phát triển mới thuộc Vùng Đông và Hành lang động lực kinh tế ven biển từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến ven biển.

- Định hướng phát triển khu vực biển Bình Minh trở thành cửa ngõ hướng biển của người dân Thăng Bình; hình thành công viên, quảng trường biển,... mang lại lợi ích cộng đồng.

*Vị trí đô thị trong quy hoạch tỉnh Quảng Nam*

+ Giai đoạn đến năm 2030: Hoàn thiện hạ tầng các khu vực dân cư hiện hữu, tiếp tục lập quy hoạch, thu hút đầu tư các khu dân cư đô thị, khu tái định cư, các khu chức năng tại khu vực trung tâm đô thị Bình Minh và khu vực thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai; phát triển khu vực ven biển. Xây dựng đồng bộ hệ thống HTKT đạt chuẩn đô thị loại V; kết nối với đô thị Hà Lam và các xã lân cận, nâng cấp lên cấp hành chính là thị xã Thăng Bình.

+ Giai đoạn đến năm 2045: Phát triển đồng bộ toàn đô thị theo phương án quy hoạch; trong đó ưu tiên hoàn thiện khu vực tiếp giáp phía Nam với khu du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl Nam Hội An và khu vực dọc trục đường Cây Cốc đi biển Bình Minh.

** Cấu trúc phát triển chính của đô thị:*

Tổng thể đô thị Bình Minh (theo phương án quy hoạch chung đô thị Bình Minh, huyện Thăng Bình) phát triển đô thị hiện đại, hấp dẫn, giàu bản sắc, dựa trên cấu trúc cảnh quan và hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là khai thác cảnh quan ven biển:

+ Vùng cảnh quan ven biển: Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; phát triển và sử dụng quỹ đất ven biển hiệu quả, ưu tiên cho các không gian công cộng như quảng trường biển và quỹ đất hỗn hợp công cộng, thương mại dịch vụ biển; đảm bảo không gian tiếp cận với bờ biển cho cộng đồng dân cư.

+ Vùng cảnh quan trong đô thị: Tổ chức các trục xanh kết nối đô thị với vùng cảnh quan ven biển để tổ chức các công trình kiến trúc hiện đại.

+ Tập trung phát triển đô thị Bình Minh ở khu vực phía Đông đường Võ Chí Công trên cơ sở rà soát khớp nối các dự án, quy hoạch đã và đang triển khai.

+ Định hướng phát triển khu vực biển Bình Minh trở thành cửa ngõ hướng biển của người dân Thăng Bình; Hình thành công viên, quảng trường biển,... mang lại lợi ích cộng đồng.

Đô thị Bình Minh phát triển theo cấu trúc đa trung tâm theo hướng tiếp cận biển và được kết nối bởi hệ thống giao thông khung theo hướng Bắc Nam và Đông Tây, hình thành 03 khu vực chính:

(1) Khu vực du lịch dịch vụ ven biển với quy mô lớn (tập trung ở phía Bắc và phía Nam).

(2) Khu vực đô thị hiện hữu: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng khu trung tâm hiện hữu.

(3) Khu vực phát triển mở rộng: Trên cơ sở khu vực hiện hữu mở rộng về phía Bắc và phía Nam.

*b) Phát triển dịch vụ - du lịch:*

Chủ yếu tập trung bố trí các khu du lịch chất lượng cao tại khu đất ven sông, ven biển. Bao gồm: Khu Nam Hội An, Khu Vinperl, Khu du lịch ven biển Bình Dương, Bình Minh, sân golf… các khu công viên sinh thái và du lịch dịch vụ ven sông. Điểm nhấn kiến trúc bố trí trong từng khu, bố trí về phía sông và biển, không gian cảnh quan hài hòa với cảnh quan chung và tạo thành tuyến không gian hấp dẫn, có chất lượng cao.

*c) Các khu, cụm công nghiệp:*

Phân bố chủ yếu tại khu vực phía Tây sông Trường Giang: Khu công nghiệp Quế Sơn - Thăng Bình; cập nhật khu công nghiệp công nghệ cao Nam Thăng Bình (thuộc khu kinh tế Chu Lai); CCN Duy Nghĩa1; CCN Hà lam – Chợ Được.... Các công trình nhà xưởng, kho bãi bố trí phía sâu trong khu đất, các công trình dịch vụ, điều hành quản lý, công trình trưng bày giới thiệu sản phẩm, văn phòng - khu nghiên cứu công nghệ, đào tạo...vv, cây xanh cảnh quan bố trí phía trước, tiếp giáp với đô thị, tạo diện mạo cảnh quan cho đô thị.

*d) Các khu trung tâm công cộng, dịch vụ:*

- Trung tâm cấp vùng: Bao gồm trung tâm y tế, giáo dục đào tạo, công nghệ bố trí tại Bình Triều, tạo không gian điểm nhấn cửa ngõ phía Tây Nam khu vực; Công viên đa chức năng cấp vùng bố trí tại Bình Minh; Trung tâm dịch vụ du lịch cấp khu vực và quốc tế bố trí tại Duy Hải-Duy Nghĩa tạo lập các điểm nhấn đô thị về phía biển.

- Trung tâm đô thị: Bố trí đất dịch vụ hỗn hợp tại các đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh, bố trí trên các trục trung tâm hướng biển, tạo các khu phố biển, bố cục và tổ hợp điểm nhấn bố trí tại trục Võ Chí Công và công viên quảng trường biển. Ngoài ra bố trí một số khu công cộng thương mại dịch vụ tại trung tâm các khu chức năng.

- Các trung tâm công cộng, dịch vụ hướng biển:

+ Bố trí dải cây xanh kết hợp rừng phòng hộ và công viên biển: 3 khu - tại Duy Hải, Bình Dương và Bình Minh;

+ Bố trí các không gian quảng trường biển: 3 điểm - tại Duy Hải, Bình Dương và Bình Minh;

+ Bố trí các khu vực bãi tắm: tại Duy Hải, Bình Dương và Bình Minh;

+ Bố trí các khu vực công cộng, dịch vụ, thương mại, vui chơi giải trí tại Duy Hải, Bình Dương và Bình Minh.

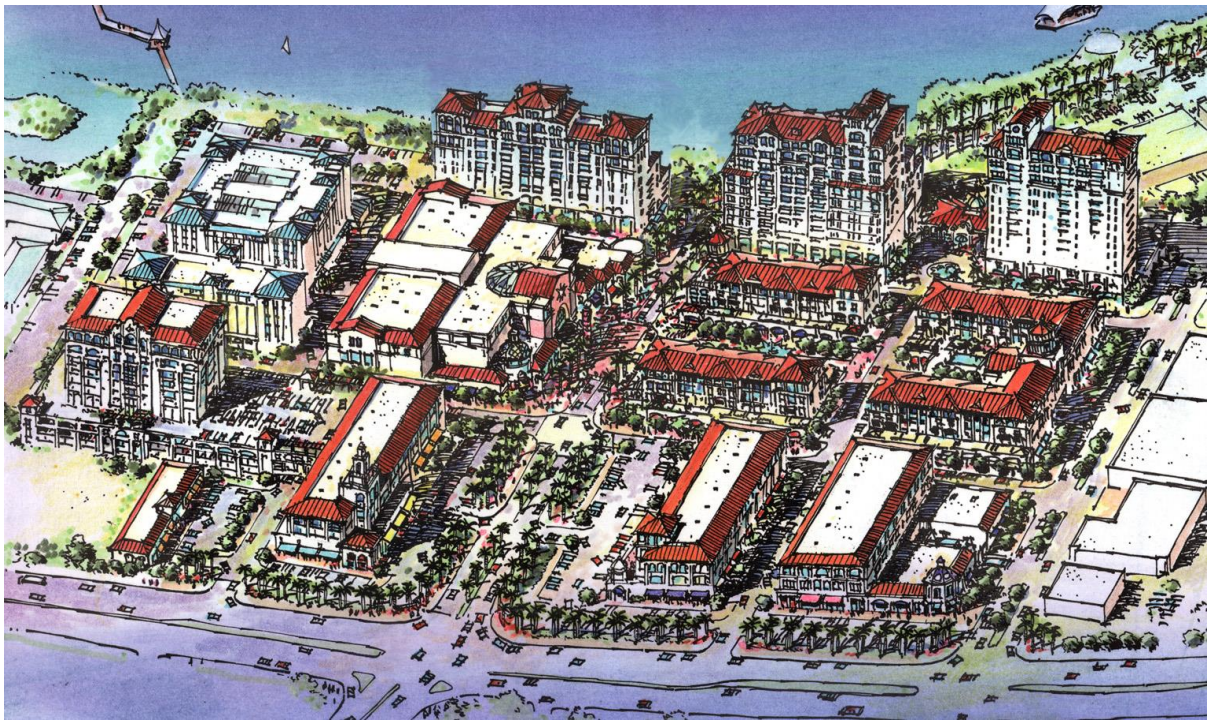

*Hình ảnh khu trung tâm công cộng, thương mại dịch vụ ven biển*

- Các trung tâm công cộng, dịch vụ hướng sông:

+ Trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông gắn với cảng tổng hợp tại Duy Thành.

+ Công viên đa chức năng cấp vùng bố trí từ sông tại đô thị Bình Minh và Bình Đào, kế cận trung tâm xã Bình Dương.

+ Bố trí các trung tâm dịch vụ, sinh hoạt cộng đồng, bến thuyền du lịch ven sông gắn với trung tâm các xã Bình Giang, Bình Triều, Bình Đào.

*e) Hệ thống cây xanh công viên, không gian xanh:*

- Bảo vệ hệ thống cây xanh sinh thái ven sông, ven biển, trên các đồi cồn hiện có và hệ thống cây xanh tại các khu vực làng xóm hiện hữu; dọc các tuyến giao thông, tăng cường các sân thể thao có quy mô nhỏ tại các khu vực trường học, khu vực công cộng để phục vụ cộng đồng.

+ Cây xanh công viên: Bố trí tại đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa, đô thị Bình Minh, Bình Đào và các cửa ngõ dẫn vào khu vực.

+ Cây xanh chuyên dụng: Được bố trí dọc ven sông, ven biển, các khu vực đất dự trữ xây dựng công trình thoát lũ cấp vùng, các không gian trống, nghĩa trang và các khu vực mặt nước hiện có.

- Cây xanh công viên rừng được tổ chức trên trục không gian kết nối từ sông Trường Giang ra bờ biển và công viên biển tại khu trung tâm công cộng ven biển. Đồng thời, tạo dựng một hành lang xanh hai bên trục đường Võ Chí Công, mỗi bên 100m, với mục đích tạo vành đai rừng phòng hộ ven biển, giảm tác động của ô nhiễm cũng như tiếng ồn do các phương tiện cơ giới qua lại và

nâng cao mỹ quan đô thị.

- Giữ ổn định và bổ sung diện tích cây xanh vườn hoa, thể dục thể thao nhỏ tại các làng xóm hiện hữu.

- Hình thành vùng không gian cảnh quan cây xanh dọc hai bên bờ sông (Trường Giang, Ly Ly và Thu Bồn), tạo dựng các không gian sinh hoạt công cộng, nghỉ ngơi, thể dục thể thao cho người dân. Đồng thời, thiết kế các tuyến đường nhỏ, mềm mại dọc ven sông với không gian xanh và vùng nông nghiệp, tạo lối tiếp cận, tạo sự hấp dẫn cho khách du lịch.

- Gìn giữ cảnh quan nông nghiệp sinh thái tại các khu vực dọc sông Trường Giang và vùng nông nghiệp phía Tây sông Trường Giang. Xây dựng các khu du lịch sinh thái nông nghiệp chất lượng cao.

*f) Các khu nông nghiệp và điểm dân cư nông thôn:*

- Nông nghiệp: Phát triển mô hình "Nông nghiệp - đô thị", duy trì hệ sinh thái nông - lâm - ngư nghiệp hiện hữu, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng công nghệ cao; nâng cấp các trung tâm xã hiện hữu theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới; xây dựng các trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: Trung tâm nghề cá, chế biến nông lâm thủy sản và các điểm tiểu thủ công nghiệp với quy mô nhỏ.

+ Hình thành công viên sinh thái ngập mặn tại khu vực Duy Vinh, một phần tại khu vực phía Đông xã Duy Thành.

+ Xây dựng công viên nông ngiệp sinh thái, kết hợp dịch vụ du lịch ven sông các Duy Thành, Bình Giang, Bình Triều, Bình Dương, Bình Đào.

+ Phần diện tích đồi cát tại các xã Bình Giang và Bình Triều hình thành các khu sinh thái, cảnh quan kết hợp du lịch.

- Điểm dân cư nông thôn: Cải tạo, chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn hiện hữu, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, tiếp cận tiện ích đô thị và có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Khu vực làng xóm nông thôn hiện trạng cải tạo chỉnh trang gắn với du lịch sinh thái, phát triển công nghiệp: giữ lại theo quy hoạch tại các xã Duy Thành, Duy Vinh, Bình Giang, Bình Triều. Bảo vệ các giái trí cảnh quan, cấu trúc không gian, sinh thái vùng nông thôn. Tăng cường khai thác du lịch, dịch vụ. Thiết lập vành dai xanh tự nhiên quanh khu vực dân cư hiện hữu. Tăng cường cây xanh, hình thành các công viên sinh thái ngập mặn dã ngoại kết hợp công viên nông nghiệp, cải thiện nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật xã hội cấp đơn vị ở. Bổ sung một số điểm "Cụm đổi mới" hỗ trợ phát triển dịch vụ, du lịch. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bổ sung chức năng dịch vụ đô thị, cải tạo chỉnh trang kiến trúc kết hợp xây mới các tuyến phố thương mại, văn minh.

+ Khu vực làng xóm đô thị hóa: bố trí tại Bình Dương, Bình Đào là các xã được định hướng theo Quy hoạch tỉnh: Đến năm 2030 đô thị Hà Lam mở rộng kết nối với đô thị Bình Minh và các xã lân cận, nâng cấp lên thành cấp hành chính là thị xã Thăng Bình. Gắn kết các khu sinh thái, khu dịch vụ kề cận để khai thác du lịch cộng đồng, trên cơ sở cải tạo các khu cây xanh, khu nông nghiệp ven sông.

*g) Đất lâm nghiệp:*

- Bố trí đất rừng phòng hộ gồm: hành lang 100m dọc hai bên đường Võ Chí Công và hành lang bảo vệ bờ biển và các vệt rừng phòng hộ dọc theo các trục đường theo quy hoach chung khu Kinh tế mở Chu Lai. Trong thời gian tới, tiếp tục quy hoạch các khu vực trồng rừng phòng hộ một số khu vực dọc ven sông Trường Giang, ven biển để phòng chống sạt lở và nâng cao công tác bảo vệ, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Rừng trong đô thị bố trí tại khu vực đô thị Duy Hải Duy Nghĩa và và đô thị Bình Minh kết hợp công viên, hình thành các công viên đô thị hướng biển.

**5.3 Quy hoạch sử dụng đất**

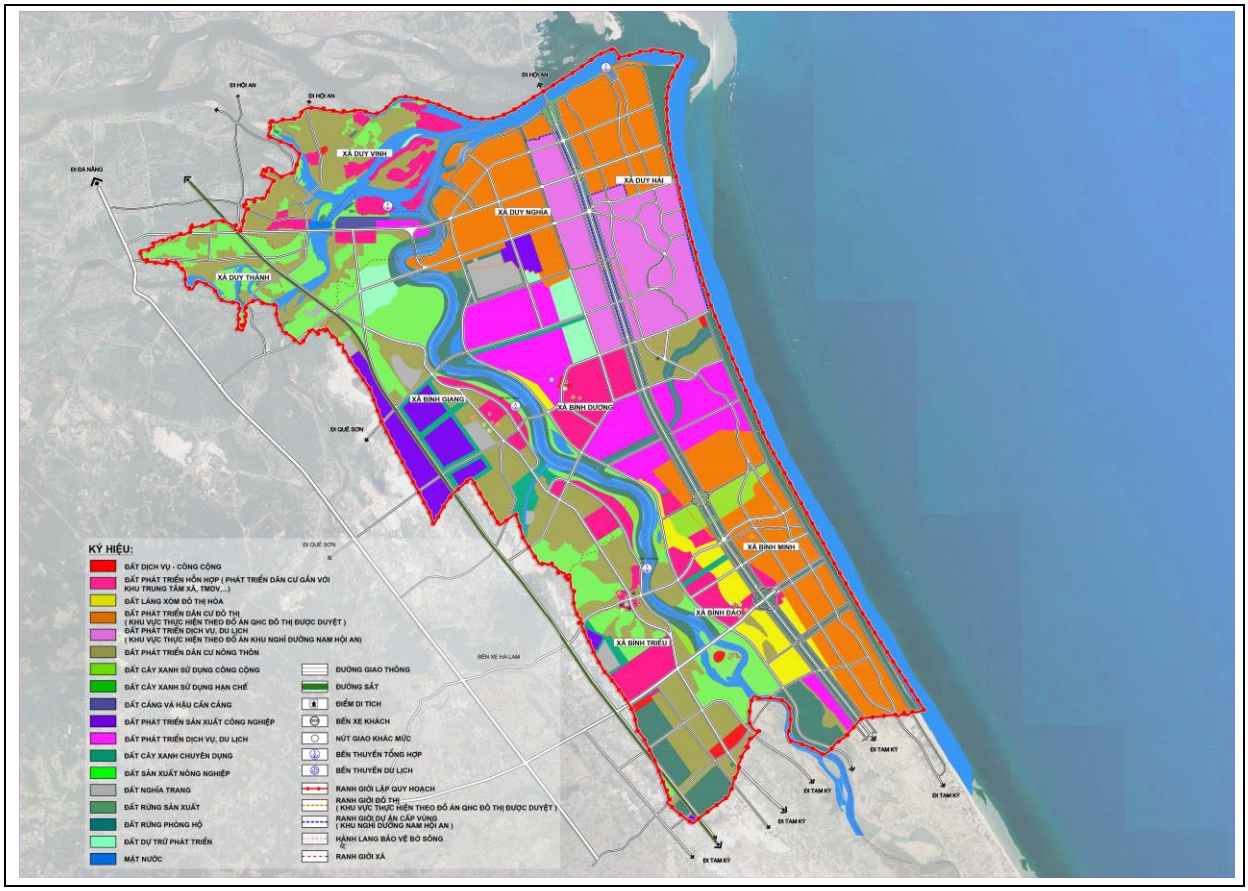


Tổng diện tích đất tự nhiên khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là 12.651ha.

Giai đoạn 2030:

- Khu vực xây dựng các chức năng: 7.623 ha. Trong đó:

+ Phát triển dân cư đô thị: 2.922 ha

+ Phát triển dân cư nông thôn: 1.572 ha

+ Phát triển hỗn hợp: 535 ha.
+ Dịch vụ - công cộng: 22 ha
+ Cây xanh: 247 ha
+ Phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng: 194 ha
+ Phát triển dịch vụ, du lịch: 1.518 ha
+ An ninh, quốc phòng: 21 ha
+ Giao thông, hạ tầng kỹ thuật: 592 ha
- Khu vực nông nghiệp và chức năng khác: 5.028 ha.
+ Sản xuất nông nghiệp: 2.831 ha
+ Lâm nghiệp: 1.062 ha
+ Mặt nước: 950 ha
+ Dự trữ phát triển: 185 ha

Giai đoạn 2045:

- Khu vực xây dựng các chức năng: 9.482 ha. Trong đó:
+ Phát triển dân cư đô thị: 2.922 ha
+ Phát triển dân cư nông thôn: 2.168 ha
+ Phát triển hỗn hợp: 958 ha
+ Dịch vụ - công cộng: 53 ha
+ Cây xanh: 275 ha
+ Phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng: 350 ha
+ Phát triển dịch vụ, du lịch: 1.936 ha
+ An ninh, quốc phòng: 40 ha
+ Giao thông, hạ tầng kỹ thuật: 680 ha
- Khu vực nông nghiệp và chức năng khác: 3.169 ha.
+ Sản xuất nông nghiệp: 1.317 ha
+ Lâm nghiệp: 902 ha
+ Mặt nước: 950 ha

Việc sử dụng đất các khu chức năng được thực hiện theo bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất sau:

| TT | Nhóm chức năng sử dụng đất | Đến năm 2030 | | Đến năm 2045 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
| | **Tổng diện tích lập quy hoạch** | **12.651** | **100,0** | **12.651** | **100,0** |
| **I** | **Khu vực xây dựng các chức năng** | **7.623** | **60,2** | **9.482** | **75,0** |
| 1 | Phát triển dân cư đô thị | 2.922 | 23,1 | 2.922 | 23,1 |
| 2 | Phát triển dân cư nông thôn | 1.572 | 12,4 | 2.168 | 17,1 |
| 3 | Phát triển hỗn hợp | 535 | 4,2 | 958 | 7,6 |
| 4 | Dịch vụ - công cộng | 22 | 0,2 | 53 | 0,4 |
| 5 | Cây xanh | 247 | 1,9 | 375 | 3,0 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng | 194 | 1,5 | 350 | 2,8 |
| 7 | Phát triển dịch vụ, du lịch | 1.518 | 12,0 | 1.936 | 15,3 |
| 8 | An ninh, quốc phòng | 21 | 0,2 | 40 | 0,3 |
| 9 | Giao thông, hạ tầng kỹ thuật | 592 | 4,7 | 680 | 5,4 |
| **II** | **Khu vực nông nghiệp và chức năng khác** | **5.028** | **39,8** | **3.169** | **25,0** |
| 1 | Sản xuất nông nghiệp | 2.831 | 22,4 | 1.317 | 10,4 |
| 2 | Lâm nghiệp | 1.062 | 8,4 | 902 | 7,1 |
| 3 | Mặt nước | 950 | 7,5 | 950 | 7,5 |
| 4 | Dự trữ phát triển | 185 | 1,5 | - | - |

** Ghi chú: Đối với diện tích đất lâm nghiệp, an ninh quốc phòng, di tích: Trong quá trình triển khai thực hiện, xác lập cụ thể diện tích trên cơ sở đánh giá hiện trạng đất đai, công trình tại khu vực.*

### 5.4 Thiết kế đô thị:

*5.4.1. Mục tiêu chung về thiết kế đô thị cho toàn bộ khu vực:*

- Phát triển đô thị hiện đại, hấp dẫn, giàu bản sắc, dựa trên cấu trúc cảnh quan và sinh thái tự nhiên, đặc biệt là cảnh quan sông Trường Giang được khai thác triệt để.

- Phát triển cấu trúc khu vực phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội. Tăng cường khả năng giao lưu và tạo sự hấp dẫn của đô thị thông qua hệ thống không gian công cộng, quảng trường và không gian cảnh quan tự nhiên.

*5.4.2. Các nguyên tắc thiết kế đô thị:*

- Nguyên tắc đặc trưng: xây dựng khu vực có đặc trưng, đẹp, sinh động, thịnh vượng, xứng tầm là cực tăng trưởng của Vùng.

- Nguyên tắc hài hòa: hình thành các vùng cảnh quan, trong đó cảnh quan ven sông Trường Giang, cảnh quan ven biển kết nối hài hòa với không gian các khu đô thị, du lịch.

- Nguyên tắc cộng đồng: hình thành khu vực trọng điểm, không gian mở đặc thù và có tính cộng đồng, phát huy được bản sắc văn hóa địa phương.

- Nguyên tắc bền vững: bảo vệ cảnh quan tự nhiên, hình thành mạng lưới mặt nước, cây xanh và đai rừng phòng hộ toàn khu vực.

*5.4.3. Khung thiết kế đô thị tổng thể:*

*a) Khung thiết kế tổng thể*

Xây dựng đô thị du lịch biển hiện đại, đặc trưng của miền Trung, cửa ngõ

giao lưu quốc tế. Đậm bản sắc văn hóa lịch sử Quảng Nam. Kết hợp hài hòa văn hóa vùng Tây Nguyên, và các nước tiểu vùng sông MeKong.

Mật độ xây dựng cao tại khu vực phía Đông sông Trường Giang. Công trình cao tầng bố trí tại khu vực trung tâm đô thị, và trung tâm các khu chức năng. Trên các tuyến trục chính hướng ra biển. Tạo điểm nhấn tại các khu trung tâm và khu vực cửa ngõ, nút giao thông lớn.

Khu vực phía Tây sông Trường Giang xây dựng mật độ thấp theo hướng đô thị sinh thái.

Tạo lập 3 Trục chính không gian hướng biển.

Dải ven sông Trường Giang là không gian xanh.

- Các không gian trọng tâm:

- Đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa: Hài hòa cảnh quan sinh thái vùng cửa sông cửa biển. Xây dựng trung tâm dịch vụ du lịch, VCGT tầm cỡ khu vực và quốc tế. Tuyến đường ven sông ven biển có chức năng là tuyến du lịch, dịch vụ, thương mại và giải trí, tạo các không gian hướng biển. Tăng cường không gian cộng đồng: tuyến đi bộ, quảng trường, công viên sông biển…vv Tạo điểm nhấn đô thị bằng các không gian mở. Tôn tạo kiến trúc không gian đặc trưng, gắn với văn hóa đa dạng của các nước Đông Dương và không gian biển. hình thành trục không gian kết nối sông biển. Điểm đầu là công viên ven sông Trường Giang - trục trung tâm đô thị gắn với dải cây xanh - điểm cuối là công viên quảng trường biển. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện Khu Nam Hội An thành khu dịch vụ du lịch cao cấp, đạt chuẩn quốc tế.

- Đô thị Bình Minh: Xây dựng theo mô hình đô thị sinh thái hiện đại, tăng cường cây xanh mặt nước, hải hòa cảnh quan chung vùng ven biển. Hình thành trục không gian kết nối sông biển, điểm đầu là công viên cù lao sông Bình Đào - trục trung tâm đô thị gắn với dải cây xanh - điểm cuối là công viên quảng trường biển Bình Minh.

- Các khu trung tâm công cộng ven biển: Xây dựng khu trung tâm, hỗn hợp chức năng, tạo dựng biểu tượng cho sự thịnh vượng và phát triển cho khu vực tại Bình Dương. Xây dựng hiện đại các khu thương mại, dịch vụ, các trung tâm mua sắm, khu vui chơi giải trí, TDTT, xây dựng quảng trường biển trung tâm, quảng trường biển làm trung tâm bố cục cảnh quan. Hình thành trục không gian kết nối sông biển.

- Kiến trúc công trình: Tổng thể kiến trúc khu vực phát triển theo tiêu chí "xanh - hiện đại"; Đa dạng các loại hình phong cách kiến trúc trên cơ sở kiến trúc chủ đạo là kiến trúc xanh, mô phỏng sinh thái thiên nhiên bản địa; Quần thể công trình LandMark bố trí tại khu vực trung tâm ven biển Duy Hải, Bình Dương, Bình Minh; Kiến trúc biểu tượng: Landmark; Cầu; Bến thuyền du lịch,...vv.

- Xây dựng cảnh quan đặc trưng trong các không gian mở, không gian công cộng; khu văn hóa, thể thao, du lịch; khu vực quảng trường trung tâm và không gian cảnh quan sinh thái nông nghiệp, sông, hồ mặt nước. Hoàn thiện không gian các khu chức năng du lịch, dịch vụ, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng ven biển ven sông đạt chất lượng cao, tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

- Kiến trúc công trình:

+ Tổng thể kiến trúc khu vực phát triển theo tiêu chí "Xanh", hiện đại;

+ Đa dạng các loại hình phong cách kiến trúc;

+ Kiến trúc biểu tượng: Cầu; Bến thuyền du lịch,...vv

*b) Định hình các vùng kiến trúc cảnh quan*

1. Vùng cảnh quan ven biển.

Khu vực cảnh quan ven biển có vai trò đặc biệt quan trọng, tạo nên sắc thái và diện mạo riêng cho khu vực.

- Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

- Thiết lập một khoảng không gian xanh từ hành lang bảo vệ bờ biển tối thiểu là 50m -100m dành cho không gian xanh, không gian công cộng.

- Thiết lập dải cây xanh hai bên tuyến đường Võ Chí Công, mỗi bên rộng 100m, tạo thành vành đai cây xanh rừng phòng hộ, tạo cảnh quan hai bên tuyến đường.

- Tăng thêm mức độ đa dạng sinh học tại những khu, điểm du lịch nhờ những dự án có các công viên cây xanh hoặc bảo tồn đa dạng sinh học thông qua nuôi trồng nhân tạo phục vụ du lịch.

- Bổ sung vẻ đẹp cảnh quan cho khu vực phát triển du lịch thông qua các dự án có yêu cầu tạo thêm các vườn cây, hồ nhân tạo…vv.

- Các khu du lịch, nghỉ dưỡng xây dựng với mật độ tối đa 25%, thấp tầng và có thể hợp khối theo dạng dải.

- Khu trung tâm công cộng, thương mại dịch vụ ven biển tại trung độ khu vực được tổ chức bởi các tổ hợp cao tầng hiện đại nổi bật trên nền xanh của biển Đông. Các công trình được lựa chọn làm điểm nhấn cho các tổ hợp kiến trúc tại khu vực này không giới hạn chiều cao.

2. Vùng cảnh quan dọc sông Trường Giang.

Khu vực cảnh quan sinh thái dọc hai bên sông có vai trò kết nối các đô thị với dòng sông thông qua các hoạt động du lịch sinh thái, đồng thời cũng là vành đai xanh bảo vệ khu vực.

- Khai thác các hoạt động du lịch, dịch vụ ven sông gắn với nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao dọc sông. Hình thành mô hình ở sinh thái mật độ thấp đối với các khu đô thị mới phía Đông Bắc của dòng sông.

- Dòng sông Trường Giang và các đảo trên sông được cải tạo, phát triển thành khu vực không gian mở, xanh, sinh thái, phục vụ du lịch và là tiền đề phát triển các khu đô thị mới bên sông.

- Tạo các tuyến đường dạo (đi bộ, xe đạp) dọc sông nhằm tạo điều kiện sinh hoạt cộng đồng kết hợp với khai thác du lịch tại các khu sản xuất nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao (trang trại, cánh đồng du lịch).

- Xây dựng mật độ thấp, dành tối thiểu 20% diện tích đất được giao làm dự án (hoặc trong các đồ án QHPK, QHCT phải xác định) để xây dựng các công viên cây xanh, công viên rừng bên sông, chiều cao tối đa tại khu vực này là 5 tầng.

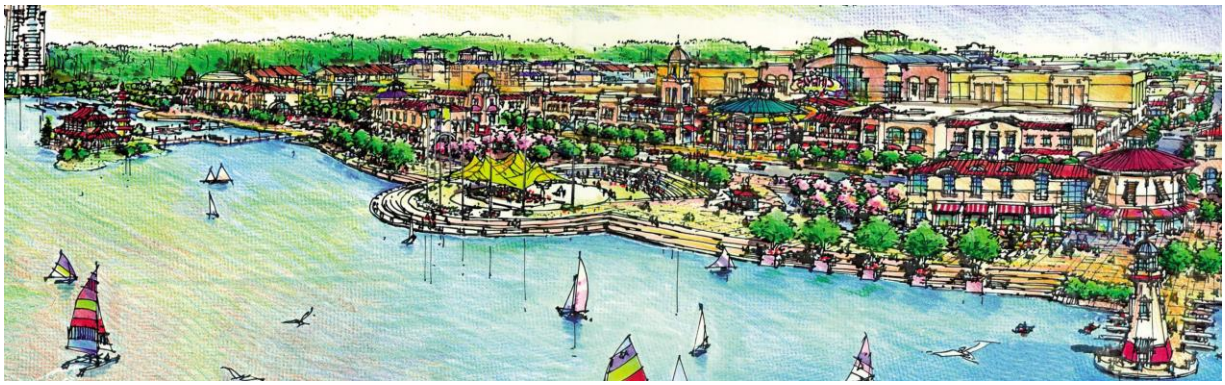

3. Vùng cảnh quan đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa.

- Xây dựng theo mô hình đô thị sinh thái hiện đại, gia tăng mật độ cây xanh, mặt nước, hài hòa với cảnh quan sinh thái vùng cửa sông, cửa biển.

- Tích hợp hệ thống cây xanh công viên TDTT, cây xanh rừng tự nhiên (giữu lại theo quy hoạch) với hệ thống thoát nước mặt, tạo thành một hệ không gian xanh liên hoàn. Định hướng hình thành không gian đô thị theo mô hình "bọt xốp" có khả năng thích ứng cao với những tác động tiêu cự của biến đổi khí hậu, nước biển dâng...vv.

- Khu vực ven biển xây dựng trung tâm du lịch dịch vụ, nghỉ dưỡng tầm cỡ khu vực và quốc tế

- Khu trung tâm đô thị xây dựng với mật độ cao và tầng cao công trình trung bình. Tại nút giao giữa trục Võ Chí Công và trục chính đô thị theo hướng Đông Tây tổ chức một số công trình điểm nhấn, cao tầng với kiến trúc hiện đại, kết hợp hài hòa với các không gian mở, các trục không gian xanh hướng biển và hướng sông (Thu Bồn, Trường Giang).

- Chiều cao công trình được tổ chức thấp dần về phía biển và sông để hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

- Tăng thêm không gian sinh hoạt cộng đồng, gìn giữ cảnh quan tự nhiên của khu vực ven biển, ven sông và đường bờ sông tự nhiên. Tổ chức các công trình điểm nhấn đô thị xung quanh các quảng trường đô thị, các nút giao chính với trục đường Võ Chí Công và không gian mở bên sông Thu Bồn.

- Tạo lập các tuyến đi bộ và không gian sinh hoạt cộng đồng hướng ra bờ biển và sông.

4. Vùng cảnh quan đô thị Bình Minh.

- Xây dựng theo mô hình đô thị sinh thái hiện đại, gia tăng mật độ cây xanh, mặt nước, hài hòa với cảnh quan sinh thái biển.

- Tích hợp hệ thống cây xanh công viên đa chức năng cấp vùng, cây xanh rừng tự nhiên (giữu lại theo quy hoạch) với hệ thống thoát nước mặt, tạo thành một hệ không gian xanh liên hoàn. Định hướng hình thành không gian đô thị theo mô hình "bọt xốp" có khả năng thích ứng cao với những tác động tiêu cự của biến đổi khí hậu, nước biển dâng...vv.

- Xây dựng thấp tầng, mật độ thấp, để dành chỗ cho không gian xanh, không gian sinh hoạt cộng đồng.

- Thiết lập các trục không gian xanh, các dải công viên rừng kết nối từ hành lang sông Trường Giang ra không gian xanh ven biển và tới trung tâm của đô thị.

- Hình thành dải cây xanh rừng phòng hộ hai bên trục đường Võ Chí Công với bề rộng mỗi bên tuyến đường là 100m.

- Trên trục đường nối Cây Cốc - Bình Minh tổ chức các công trình thương mại, văn phòng và khách sạn cao tầng tạo điểm nhấn cho toàn đô thị.

- Trên dải cây xanh dọc biển, bao quanh các khu đô thị mới cần xây dựng tuyến đường cảnh quan (đường dạo cho xe đạp, đi bộ), cho phép xây dựng các công trình kiến trúc nhỏ, 1 tầng, phục vụ sinh hoạt cộng đồng và khách du lịch như quán café, cửa hàng lưu niệm, sân khấu biểu diễn ngoài trời…vv.

5. Vùng cảnh quan các khu du lịch sinh thái.

- Khai thác triệt để các điều kiện tự nhiên và giá trị cảnh quan tự nhiên tạo sự gắn kết hài hòa giữa công trình và thiên nhiên trong thiết kế cảnh quan các khu du lịch.

- Xây dựng các khu nghỉ dưỡng với nét kiến trúc dung dị và gần gũi, dựng lại cuộc sống thanh bình làng quê Miền Trung Việt Nam. Kết hợp hài hòa, tinh tế giữa các trang thiết bị hiện đại đan xen kiến trúc truyền thống, những vật dụng mang đậm màu sắc vùng nông thôn ven biển miền Trung, hiện lên những khu vườn cây trái, những hàng dừa bên sông.

- Bố trí các khu dịch vụ, thương mại và giải trí tại khu vực trung tâm của khu du lịch ven biển và ven sông. Tại đây, có các khu phố ẩm thực, khu giải trí, khu lễ hội - sinh hoạt văn hóa cộng đồng, khu biểu diễn nghệ thuật…vv.

- Xây dựng thấp tầng, tối đa 5 tầng, mật độ xây dựng tối đa cho phép là 25%.

*5.4.4. Thiết kế đô thị khu vực cửa ngõ:*

- Cửa ngõ dẫn đến khu vực quy hoạch bao gồm đường bộ từ phía nội địa, đường sắt trên cao, đường thủy trên sông và phía biển, theo các hướng Đông Tây và Bắc Nam.

- Về phía đất liền có 03 cửa ngõ dẫn đến khu vực theo hướng Đông Tây là cửa ngõ trên đường nối từ thị trấn Nam Phước đến đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa, cửa ngõ trên đường đến trung tâm công cộng ven biển từ phía Hương An, đường đến từ thị trấn Hà Lam trên trục quốc lộ 14E. Ngoài ra, còn 02 cửa ngõ theo hướng Bắc Nam là cửa ngõ nối từ Hội An qua cầu Cửa Đại trên trục đường Võ Chí Công, với điểm nhấn và đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và cửa ngõ phía Nam khu vực từ phía KKT mở Chu Lai đến.

- Tại các không gian điểm nút giao trên các trục, định hướng tạo điểm nhấn cảnh quan, biểu tượng cổng chào, kết hợp không gian mở và các công trình phụ trợ dịch vụ như bãi đỗ xe, điểm ngắm cảnh, dịch vụ khác nhằm tạo dựng một không gian cửa ngõ hoàn thiện. Trên trục đường Võ Chí Công nối vào khu vực được tổ chức cửa ngõ với hình ảnh hiện đại, mang tầm quốc tế, với hình ảnh quảng trường cửa ngõ rộng lớn, đặc biệt là cửa ngõ phía Nam được xây dựng tổ hợp công trình đầu mối giao thông hiện đại theo dạng TOD (đường sắt trên cao, ô tô, đường thủy trên sông Trường Giang) nhằm tăng cường hiệu quả vận chuyển hành khách liên đô thị.

- Cửa ngõ theo hướng Đông Tây từ phía Nam Phước, Hương An, Hà Lam đến được định hướng là xây dựng biểu tượng kiến trúc hiện đại gắn với cảnh quan sinh thái sông Trường Giang, tạo hình ảnh về mạch nguồn sự sống luôn tuôn trào mạnh mẽ.

- Về phía biển có 03 cửa ngõ là các bến thuyền tại đô thị Bình Minh, Duy Hải - Duy Nghĩa và khu trung tâm công cộng tại xã Bình Dương

*5.4.5. Các trục không gian chủ đạo*

Là các trục chính không gian tại các đô thị, khu đô thị

- Đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Đô thị Bình Minh:

+ Trục thương mại, dịch vụ nằm trên tuyến giao thông hướng biển kết nối trung tâm đô thị Nam Phước với trung tâm đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa: tổ hợp các công trình thương mại, văn phòng, khách sạn, nhà hàng có chiều cao biến thiên theo hướng giảm dần, đảm bảo không che chắn tầm nhìn hướng ra biển.

- Đô thị Bình Minh: Trên trục không gian hướng biển nối Cây Cốc - Bình Minh xây dựng các khu phức hợp, đa chức năng khai thác lợi thế gần tổ hợp

TOD cửa ngõ phía Nam khu vực và trung tâm đào tạo gắn với không gian các công viên, quảng trường.

- Trục đường Võ Chí Công: không gian, kiến trúc và cảnh quan hai bên trục được tổ chức làm mềm bởi dải cây xanh rừng phòng hộ hai bên tuyến đường khá rộng (mỗi bên rộng 100m).

*5.4.6. Quảng trường chính*

Khu vực quảng trường tại khu trung tâm công cộng, thương mại và dịch vụ du lịch ven biển, quảng trường biển tại hai đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh được thiết kế đa chức năng, là quảng trường lớn, nơi diễn ra các lễ hội, chương trình vui chơi giải trí đáp ứng cho các hoạt động vui chơi, văn hóa, TDTT của người dân trong khu vực cũng như du khách. Tỷ lệ và bố cục các công trình xung quanh cần đảm bảo thẩm mỹ, mang tính nhộn nhịp, sầm uất và thân thiện, hấp dẫn với các đối tượng khác nhau. Bên cạnh đó, dọc hai bên hành lang sông Trường Giang cũng được tổ chức hệ thống các quảng trường tạo điểm nhấn bên sông.

*5.4.7. Điểm nhấn khu vực*

- Khuyến khích xây dựng công trình, tổ hợp công trình có quy mô lớn ngang tầm quốc tế có chất lượng kiến trúc mẫu mực. Phản ánh văn hóa và nét đặc thù của các khu chức năng đô thị, du lịch, công nghiệp với việc áp dụng các kỹ thuật xây dựng tiên tiến hướng theo mô hình xanh bền vững.

- Các quần thể công trình kiến trúc phải tạo sự đa dạng nhưng vẫn đảm bảo hài hòa với các không gian xung quanh, phát huy đặc điểm riêng của từng khu vực.

- Sử dụng hệ thống chiếu sáng tạo hình tại các khu vực trung tâm những công trình điểm nhấn gắn kết chúng với không gian xanh của toàn đô thị tạo sự lung linh về ban đêm.

- Công trình điểm nhấn khu trung tâm công cộng, thương mại và dịch vu du lịch ven biển: tổ hợp thương mại, tài chính ngân hàng và khách sạn có hình thức kiến trúc được thiết kế hiện đại với không gian mở và tầm nhìn bao quát thẳng ra biển và quang cảnh khu du lịch sinh thái bên sông Trường Giang. Các công trình tổ hợp và liên kết thông qua hệ thống cảnh quan sân vườn và dành một phần không gian bên ngoài tạo thành trục đi bộ xuyên suốt toàn khu.

*Khu trung tâm công cộng ven biển*

*5.4.8. Thiết kế đô thị khu vực đặc thù:*

1. Đối với tuyến đường Võ Chí Công.

- Quy mô mặt cắt ngang 38m, tổ chức đường gom song hành theo tuyến.

- Trồng đai rừng phòng hộ với bề rộng mỗi bên tuyến đường là 100m.

2. Đối với hành lang bảo vệ sông Trường Giang.

*a) Hành lang bảo vệ sông:*

- Phạm vi hành lang bảo vệ luồng thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01/03/2005 của Chính phủ, đối với sông Trường Giang là sông cấp IV:10m; trường hợp luồng chạy tàu, thuyền sát bờ không có đê hoặc đường giao thông trên bờ: 5m tính từ mép bờ cao trở vào.

- Quy định phạm vi hành lang bảo vệ luồng giao thông đường thủy nội địa đối với sông Trường Giang:

| ***TT*** | ***Chiều rộng lòng sông*** | ***Chiều rộng phạm vi hành lang bảo vệ sông*** |
|---|---|---|
| 1 | > 100 | 25m/mỗi bên |
| 2 | 70 < a ≤ 100 | 25m/mỗi bên |
| 3 | 50 < a ≤ 70 | 20m/mỗi bên |
| 4 | 30 < a ≤ 50 | 15m/mỗi bên |
| 5 | 10 < a ≤ 30 | 10m/mỗi bên |
| 6 | Từ 10m trở xuống | 05m/mỗi bên |

- Trong hành lang bảo vệ sông không được thực hiện các hành vi: Xây dựng trái phép nhà, lều quán hoặc các công trình khác trong phạm vi hành lang bảo vệ sông; để vật liệu, phương tiện, thiết bị, hàng hóa hoặc các chất thải khác gây sạt lở bờ.

*b) Các tiêu chuẩn thiết kế chung cho khu vực mặt tiền sông:*

Phân khu chức năng theo dạng dải song song với đường bờ sông, tổ chức các tuyến giao thông theo các hướng song song & vuông góc với đường bờ sông. Có 3 phân khu vực chính tính từ mép nước của dòng sông là:

- Khu vực công cộng dọc bờ sông (khu vực mặt tiền sông) là khu vực bố trí đê kè sông bảo vệ đô thị, đồng thời cũng là khu vực không gian mở, không gian cây xanh cảnh quan, bến thuyền phục vụ giao thông thủy, không gian sinh hoạt cộng đồng (đi dạo, ngồi nghỉ ngắm cảnh, giải trí, lễ hội…vv).

- Khu vực tầm nhìn hướng sông ưu tiên xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ và du lịch, được tổ chức thành các tuyến phố thương mại và các cụm du lịch nghỉ dưỡng hướng sông. Các thiết kế cụ thể cho khu vực này chú trọng đến việc tổ chức đường cho người đi bộ, đi xe đạp, việc xây dựng các bãi đỗ xe, hình thức kiến trúc công trình phát huy lợi thế có tầm nhìn hướng sông, đồng thời tạo thuận lợi cho việc tiếp cận của cộng đồng với các dịch vụ do công

trình đem lại.

- Khu vực tiếp cận là khu vực cuối cùng có phạm vi áp dụng linh hoạt, phụ thuộc vào các vùng sản xuất nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao dọc hai bên sông.

*Minh họa thiết kế đô thị sông Trường Giang*

*c) Yêu cầu thiết kế đối với khu vực công cộng dọc bờ sông:*

- Về thiết kế đê kè: Cần được xây dựng linh hoạt phù hợp với điều kiện của địa hình tự nhiên, đảm bảo mỹ quan đô thị. Hệ thống đê kè được phân làm hai loại chính:

+ Đề, kè mềm: Đỉnh đê được xây dựng đảm bảo tần suất chống ngập lụt cho đô thị. Dải đất từ đỉnh đê đến mép nước trung bình của dòng sông được san thành nhiều cấp, ở mỗi cấp nền đất sẽ bố trí các tuyến đi dạo và các tuyến đệm trồng cây xanh vừa có tác dụng tôn tạo cảnh quan vừa góp phần gia cố bảo vệ chân đê. Dải đất từ đỉnh đê đến tuyến đường giao thông nội thị sẽ bố trí bãi đỗ xe, nhà chờ xe buýt, công trình dịch vụ đô thị, vv...

+ Đê, kè cứng: Đỉnh đê được xây dựng đảm bảo tần suất chống ngập lụt cho đô thị. Dải đất từ đỉnh đê đến mép nước trung bình của dòng sông được san thành nhiều cấp, ở mỗi cấp nền nhất định sẽ tạo khoảng sân rộng hoặc các khán đài rộng có bậc ngồi, quán café, quán ăn ngoài trời, sân chơi thể thao, làm nơi tụ họp, giao lưu, giải trí của cộng đồng, sen kẽ với đó là các tuyến đệm trồng cây xanh vừa có tác dụng tôn tạo cảnh quan vừa góp phần gia cố bảo vệ chân đê. Dải

đất từ đỉnh đê đến tuyến đường giao thông nội thị sẽ bố trí bãi đỗ xe, nhà chờ xe buýt, công trình dịch vụ đô thị, vv...

- Về thiết kế đường dạo, chỗ ngồi nghỉ:

+ Cần tạo sự uyển chuyển, linh hoạt theo những tuyến đường cong uốn lượn dọc theo bờ sông. Các tuyến đường dạo có bề rộng thích hợp, tối đa 3,6m, tối thiểu là 1,2m. Khi xây dựng tiếp giáp sát mặt nước thì cần có lan can bảo vệ, nếu có khoảng đệm trồng cây xanh thì không nhất thiết phải sử dụng lan can. Phải có một tỷ lệ diện tích nhất định trên các tuyến đường dạo có bóng mát của cây xanh. Vật liệu lát đường dạo không được bức xạ nhiệt quá cao. Các tuyến đường dạo cần được thiết kế để kết nối và liên thông với các khu vực dịch vụ công cộng hoặc sinh hoạt cộng đồng.

+ Dọc theo các tuyến đường dạo cần thiết phải bố trí các chỗ ngồi nghỉ, các khoảng không gian đủ rộng để có thể tập trung được nhiều người, đồng thời có thể bố trí các bậc lên xuống, cầu tàu du lịch để con người tiếp cận được trực tiếp xuống mặt nước hoặc sử dụng các phương tiện giao thông thủy.

+ Đối với toàn tuyến đi dạo, việc bố trí chỗ ngồi nghỉ cần thiết phải có 50% chỗ ngồi có tựa lưng, 20% chỗ ngồi có bóng mát, 25% chỗ ngồi có bàn, các ghế ngồi này cần được thiết kế một cách đa dạng (di động, cố định, ghế đôi, ghế nằm, bậc ngồi theo dạng khán đài,vv…).

- Về thiết kế cây xanh, tiểu cảnh trang trí:

+ Cây xanh được trồng để tạo bóng mát,  tạo vẻ sinh động cho cảnh quan khu vực và gia cố chân đê. 50% diện tích của khu vực mặt tiền sông phải được phủ kín bằng thảm thực vật (cây có tán, cây cảnh trang trí, cây đơn gốc, cây đa gốc, thảm cỏ, thảm cây bụi).

+ Đối với loại cây có tán rộng, cho bóng mát cần được trồng thành hàng, theo tuyến hoặc thành một cụm với cự ly tối đa 200m.

+ Cây đơn lẻ, cây trồng bổ sung được trồng với cự ly tối đa là 120m/cây.

+ Giữa các tuyến đường dạo với mặt nước, giữa các tuyến đường dạo với nhau, giữa các tuyến đường dạo với công trình là các khoảng đệm trồng cây xanh có chiều rộng tối thiểu là 3m.

*5.4.9. Tiện ích đô thị:*

- Vỉa hè: Vỉa hè sẽ được làm bằng các loại vật liệu có màu sắc tự nhiên. Đối với các không gian lớn như quảng trường trung tâm biển, đề xuất sử dụng

đá, granite hoặc đá phiến. Vỉa hè lát gạch màu xám cho lối đi bộ.

- Bãi đỗ xe: Khu đất xung quanh bãi đỗ xe được trồng cỏ xanh, bao xung quanh là vỉa hè hoặc hàng rào. Trồng các loại cây cao để để lấy bóng mát cho khu đỗ xe, với các đặc điểm hài hòa và kết nối với không gian tự nhiên.

- Ghế trong công viên: Loại ghế có hình dáng phong phú để bố trí trong công viên quảng trường; Loại ghế theo phong cách tối giản bố trí dọc theo lối đi bộ.

*Khung thiết kế đô thị tổng thể*

## 6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

### 6.1 Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế:

*6.1.1. Định hướng phát triển du lịch:*

*a) Định hướng chung:*

Tập trung phát triển du lịch đặc thù, thế mạnh của khu vực như du lịch di sản văn hóa và du lịch biển đảo, phát triển các sản phẩm du lịch đô thị gắn với sự kiện, lễ hội, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái an dưỡng ven sông; du lịch vui chơi giải trí, mua sắm cao cấp (golf, casino); Kết hợp với du lịch tham quan, thưởng ngoạn cảnh quan và tìm

hiểu, trải nghiệm các sản phẩm hàng hóa lĩnh vực nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao.

Hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái ở khu vực dọc theo bãi biển và sông Trường Giang. Đây là các khu vực có khí hậu, địa hình, không gian cảnh quan đẹp, dễ tổ chức các loại hình du lịch phong phú; đặc biệt dễ dàng tạo dựng mối liên kết với dân cư bản địa tại các khu vực này làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch và môi trường văn hóa du lịch.

Hình thành một số khu du lịch dịch vụ - văn hóa tại khu vực có công trình, quần thể kiến trúc di tích, lịch sử - văn hóa và làng nghề truyền thống như: lăng Bà Chợ Được, lễ rước cộ Bà Chợ Được, làng nghề nước mắm Cửa Khe…vv.

Kết nối du lịch khu vực quy hoạch với các hành trình du lịch nổi tiếng là Con đường di sản Miền Trung (Phong Nha - Kẻ Bàng - Cố đô Huế - Hội An - Mỹ Sơn), Con đường di sản Đông Dương (sự kết nối Con đường di sản Miền Trung với di sản thế giới của các nước Đông Dương là AngKor của Camphuchia, Watphu, Luongprabang của Lào; Phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái biển, gắn kết với các bãi tắm tự nhiên, hoang sơ nổi tiếng khu vực miền Trung theo tiêu chí du lịch xanh, sạch bền vững, gìn giữ, bảo tồn cảnh quan và hệ sinh thái tự nhiên; phát triển loại hình du lịch MICE đáp ứng hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch: Xây dựng các khu vui chơi, giải trí hiện đại, quy mô lớn. Xây dựng hệ thống khách sạn, nhà hàng, cơ sở ăn uống cao cấp…vv, trở thành một trong những tiêu chí hấp dẫn thu hút du khách đặc biệt là khách quốc tế, hướng tới mở rộng thị trường phục vụ cho toàn Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung.

*b) Định hướng cụ thể:*

** Không gian du lịch ven biển:*

Phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp, hiện đại gắn kết với khu vực đã và đang hình thành như khu phức hợp du lịch, nghỉ dưỡng Nam Hội An, các khu phức hợp du lịch dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl Quảng Nam làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ - du lịch của khu vực.

Các khu, cụm, điểm du lịch và công trình dịch vụ - du lịch chính: Khu phức hợp du lịch, nghỉ dưỡng Nam Hội An, khu phức hợp du lịch dịch vụ, nghỉ dưỡng Vinpearl Quảng Nam, các khu đô thị - du lịch ven biển tại đô thị Duy Hải - Duy

Nghĩa và Bình Minh, các khu vui chơi giải trí, thể thao, công viên biển, khách sạn tại khu trung tâm công cộng ven biển thuộc xã Bình Dương, khu dịch vụ du lịch gắn với làng nghề nước mắm Cửa Khe tại xã Bình Dương, các khu nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch sinh thái tại khu vực ven biển của xã Bình Dương và Bình Minh.

** Không gian du lịch ven sông*

Phát triển các khu dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí cao cấp, nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch dịch vụ gắn với di tích, lịch sử - văn hóa, làng nghề truyền thống kết hợp du lịch và các khu đô thị mới có chức năng dịch vụ - du lịch.

Các cụm, điểm du lịch và công trình dịch vụ - du lịch chính: các khu đô thị - du lịch ven biển, khu du lịch - dịch vụ sân golf, khu nghỉ dưỡng, chợ nông sản, du lịch xanh trải nghiệm hoạt động nông nghiệp, trải nghiệm làng rau Hưng Mỹ (xã Bình Triều).

Xây dựng các tour du lịch sông nước dọc theo sông Trường Giang, bố trí một số cụm, điểm du lịch, cơ sở vui chơi giải trí trên tuyến phục vụ khách du lịch. Mở ra các tuyến du lịch đường thủy kết hợp du lịch sinh thái tham quan các làng quê, làng nghề hai bên bờ sông. Du lịch tuyến sông Trường Giang sẽ là mắt xích kết nối không gian du lịch của toàn bộ khu vực.

*6.1.2. Định hướng phát triển hệ thống thương mại - dịch vụ:*

Trung tâm thương mại dịch vụ cấp I: xây dựng tại khu trung tâm công cộng, thương mại, dịch vụ du lịch thuộc khu đô thị mới Bình Dương. Tại đây, quy hoạch hệ thống các trung tâm thương mại, dịch vụ có quy mô phục vụ toàn bộ khu vực quy hoạch và các khu vực lân cận; Bao gồm khách sạn, văn phòng cao cấp, ngân hàng, trung tâm mua sắm, trung tâm ẩm thực, trung tâm giải trí hiện đại, trung tâm đầu mối về dịch vụ hàng hóa, hệ thống siêu thị…vv.

Trung tâm thương mại dịch vụ cấp II: xây dựng tại đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh. Bố trí quy hoạch các công trình thương mại, dịch vụ phục vụ nhu cầu cư dân đô thị và một phần nhu cầu chung của khu vực quy hoạch; Bao gồm các công trình nhà hàng, khách sạn, văn phòng, khu mua sắm, khu vui chơi giải trí, siêu thị, chợ, bưu điện…vv.

Trung tâm thương mại dịch vụ cấp III: xây dựng tại các khu đô thị sinh thái phía Tây sông Trường Giang. Các hạng mục công trình bố trí tại đây gồm có: nhà hàng, khách sạn, quỹ tín dụng, hệ thống các cửa hàng thương mại bán lẻ,

chợ, cửa hàng lưu niệm…vv.

Khu vực nông thôn: Cải tạo, nâng cấp các chợ truyền thống hiện có tại các xã, chú trọng mở rộng các khu thu mua nông sản. Hình thành mạng lưới trung tâm mua sắm thương mại, dịch vụ tổng hợp, hợp tác xã thương mại, chợ bán lẻ, cửa hàng tiện lợi, và cửa hàng tạp hóa…vv.

*6.1.3. Định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp:*

Đến năm 2045, định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp bao gồm:

- Hoàn thiện khu công nghiệp Đông Quế Sơn với để phát triển các ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí, công nghiệp hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến nông, lâm, thực phẩm, công nghiệp lắp ráp điện tử, công nghiệp hàng tiêu dùng.

- Phát triển mới về phía Đông khu công nghiệp công nghệ cao. Các ngành nghề dự kiến bố trí là chế biến các sản phẩm Silic, linh kiện điện tử, bán dẫn, vật liệu mới…vv.

- Cụm công nghiệp Bình Hòa, là một cụm nhà máy công nghiệp thủy tinh đa ngành (thủy tinh dân dụng, thủy tinh bao bì, thủy tinh xây dựng, thủy tinh cho pin năng lượng mặt trời…vv) và các nhà máy công nghiệp phụ trợ.

- Khu công nghệ cao Nam Thăng Bình (thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai).

*6.1.4. Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản:*

*a) Định hướng chung:*

Phát triển nông nghiệp trong khu vực gắn với hình thành các hành lang xanh, xác định quỹ đất sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, sử dụng hiệu quả, hợp lý, đảm bảo cung ứng các sản phẩm nông nghiệp cho toàn bộ khu vực quy hoạch và các khu vực lân cận; phát triển mô hình nông nghiệp sạch ứng dụng công nghệ cao, hiệu quả, bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái.

Quy hoạch vùng nuôi trồng tập trung, diện tích đủ lớn, tránh chồng lấn với các quy hoạch khác để có kế hoạch đầu tư. Ưu tiên đầu tư các hạ tầng thiết yếu và hệ thống xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn.

*b) Định hướng cụ thể:*

Nông nghiệp:

- Xác định các vùng đất ổn định sản xuất hàng hóa chuyên canh, như: rau an toàn, cây ăn quả, cây dược liệu…vv, theo mô hình nông nghiệp sạch ứng

dụng công nghệ cao. Phát triển mô hình làng sinh thái nông nghiệp trở thành các điểm tham quan du lịch (về dây chuyền sản xuất, canh tác, các điểm giao dịch bán và thu mua nông sản cùng với hệ thống nhà hàng phục vụ các món ăn địa phương…vv).

- Quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung đảm bảo tiêu chuẩn, vệ sinh môi trường, các nhà máy chế biến thức ăn phục vụ chăn nuôi được bố trí tại các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch.

- Thủy sản: Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã ven biển, ven sông; đầu tư nâng cấp hệ thống cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền, tiếp tục hoàn thiện và xây dựng mới các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá. Đặc biệt, tại huyện Duy Xuyên phát triển loại hình lồng bè nuôi trồng thủy sản với quy mô phù hợp đảm bảo không ảnh hưởng tới tuyến/luồng giao thông đường thủy, không ảnh hưởng bởi hành lang thoát lũ, không cản trở hoạt động ra/vào của tàu thuyền tại các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão; đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phù hợp với từng đối tượng nuôi, tránh gây ô nhiễm môi trường tự nhiên.

- Lâm nghiệp: Bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, nhất là rừng phòng hộ ven biển hạn chế những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, tạo cảnh quan ở các đô thị, các khu du lịch, các khu công nghiệp; phát triển tài nguyên rừng gắn với du lịch sinh thái và bảo vệ cảnh quan môi trường. Cụ thể:

+ Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng ven biển đảm bảo có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào phát triển Lâm nghiệp nhằm đóng góp ngày càng tăng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, Bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân và giữ vững an ninh quốc phòng.

+Xác định bảo vệ rừng như bảo vệ một hệ sinh thái để bảo đảm khả năng tái tạo và sử dụng rừng một cách hợp lý trên nguyên tắc lấy phát triển để bảo vệ; coi trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và mọi người dân. Tổ chức tốt việc giao rừng và đất lâm nghiệp để bảo đảm toàn bộ diện tích rừng đều có chủ.

+ Cần nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn dân, các cấp chính quyền; trong đó cần đề cao vai trò của các đối tượng trực tiếp bảo vệ rừng gồm các chủ

rừng, cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng.

+ Cắm mốc ranh giới ba loại rừng và có kế hoạch phát triển rừng đối với từng loại rừng, kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và các dịch vụ môi trường khác.

+ Đề xuất và áp dụng thí điểm một số chính sách; thiết lập và nhân rộng, chuyển giao một số mô hình bảo vệ, phát triển rừng gắn với cải thiện sinh kế cho người dân địa phương.

### 6.2 Định hướng phát triển hệ thống công trình hạ tầng xã hội:

*6.2.1. Định hướng phát triển hệ thống cơ quan, công sở:*

*a) Định hướng chung:*

Phát triển hệ thống cơ quan công sở gắn với quy hoạch khu trung tâm công cộng của toàn khu vực và các đô thị trong khu vực quy hoạch; phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian tổng thể khu vực.

*b) Định hướng cụ thể:*

- Trung tâm hành chính - chính trị đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh: Mở rộng, cải tạo, chỉnh trang không gian kiến trúc cảnh quan khu vực trung tâm xã Duy Hải, xã Duy Nghĩa và xã Bình Minh hiện nay thành trung tâm hành chính - chính trị cho đô thị.

- Các công trình hành chính cấp xã, phường: giữ nguyên tại vị trí hiện tại, nâng cấp, cải tạo kiến trúc công trình, không gian cảnh quan.

*6.2.2. Định hướng phát triển hệ thống công trình văn hóa:*

*a) Định hướng chung:*

- Xây dựng và phát triển hệ thống các công trình văn hóa hiện đại gắn với quy hoạch khu trung tâm công cộng ven biển tại xã Bình Dương, đô thị và các khu dân cư. Bố trí đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, phường. Dành quỹ đất, vị trí thích hợp tại khu trung tâm công cộng hoặc nơi có cảnh quan đẹp để xây dựng những công trình văn hóa tiêu biểu của đô thị và của toàn bộ khu vực quy hoạch.

- Tôn tạo, bảo vệ các công trình có giá trị nghệ thuật, các di tích cách mạng, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế - du lịch của khu vực.

*b) Định hướng cụ thể:*

- Đến năm 2030: Hoàn chỉnh mạng lưới công trình văn hóa theo tầng bậc ở các đô thị, khu đô thị mới, khu dân cư và điểm dân cư nông thôn. Bảo vệ các công trình di tích văn hóa hiện hữu.

+ Xây dựng lộ trình, cải tạo chỉnh trang, xây mới các công trình văn hóa.

- Đến năm 2045: Xây dựng trung tâm văn hóa nghệ thuật biểu diễn tại khu trung tâm công cộng ven biển (thuộc xã Bình Dương) đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần, giao lưu, thư giãn, giải trí dành cho người dân trong khu vực và du khách.

*6.2.3. Định hướng phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo:*

*a) Định hướng chung:*

- Xây dựng khu vực trở thành một trong những trung tâm lớn về đào tạo nguồn nhân lực cho Tỉnh và cả miền Trung. Bố trí quỹ đất phù hợp cho các cở sở đào tạo phù hợp với quy mô đào tạo và khả năng cung ứng hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đi kèm.

- Bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy mô dân số khu vực và dự trữ cho các kế hoạch phát triển dài hạn.

*b) Định hướng cụ thể:*

- Đến năm 2030: Xây dựng mới 02 trường THPT: Huyện Duy Xuyên xây dựng mới 01 trường (tại Duy Hải - Duy Nghĩa); Huyện Thăng Bình xây dựng mới 1 trường tại xã Bình Minh (khu vực phía Nam đường Quốc lộ 14E);

+ Hoàn thiện, bổ sung mạng lưới giáo dục phổ thông theo các cấp học, chú trọng tới phân bố đầy đủ, hợp lý các cơ sở mầm non, tiểu học tại các khu dân cư.

- Đến năm 2045:

+ Xây dựng trung tâm giáo dục cấp vùng tại xã Bình Triều để trở thành một trong những trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao hàng đầu đối với một số lĩnh vực của vùng.

+ Xây dựng thành phố giáo dục Quốc tế Nam Hội An (xã Bình Minh; Bình Dương; Bình Đào, huyện Thăng Bình).

*6.2.4. Định hướng phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe:*

*a) Định hướng chung:*

Xây dựng và phát triển hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; nâng cấp, hiện đại hóa các trạm y tế hiện có; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển hệ thống y tế tư nhân.

*b) Định hướng cụ thể:*

- Đến năm 2030: Tại đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh: Ổn định các trạm y tế hiện nay. Đồng thời xây dựng mới ở mỗi đô thị một trung tâm y tế với số giường bệnh đáp ứng tiêu chí về cơ sở y tế cho đô thị loại V.

+ Tại các khu đô thị mới và khu du lịch có quy mô lớn: Xây mới trung tâm y tế hiện đại.

+ Hoàn thiện, nâng cao chất lượng cơ sở y tế cấp xã, phường.

- Đến năm 2045: Phát triển hợp lý hệ thống y tế thông minh; đầu tư hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng phát triển y tế số, khám chữa bệnh từ xa. Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các nguồn lực xây dựng, phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao; thu hút các bệnh viện tư nhân chất lượng cao, hướng tới tiêu chuẩn cấp vùng, khu vực và quốc tế. Định hướng xây dựng bệnh viện đa khoa hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế tại xã Bình Triều với quy mô diện tích khoảng 50ha, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ dân cư trong khu vực.

*6.2.5. Định hướng phát triển hệ thống thể dục thể thao và công viên, cây xanh:*

*a) Định hướng chung:*

Hình thành liên kết mạng lưới cây xanh và mặt nước trong toàn bộ không gian khu vực quy hoạch, bảo tồn môi trường tự nhiên và tạo môi trường sống đô thị có chất lượng cao; Khai thác lợi thế tự nhiên sông, suối, xây dựng một số địa điểm làm các công viên quy mô lớn. Xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thể dục thể thao cấp đô thị, nông thôn hiện có và bổ sung các hạng mục còn thiếu.

*b) Định hướng cụ thể:*

** Công trình TDTT:*

- Đến năm 2030: Xây dựng 02 khu Trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị tại khu vực đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh; các công trình TDTT như sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu đa năng…vv, để đáp ứng tiêu chuẩn công trình TDTT cho đô thị loại V quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13.

+ Hoàn thiện, cải tạo nâng cấp các cơ sở thể dục thể thao hiện có của các xã, điểm dân cư theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Đến năm 2045: Xây dựng trung tâm TDTT cấp khu vực tại khu trung tâm công cộng ven biển thuộc xã Bình Dương hiện đại, tiện nghi, đẳng cấp quốc tế.

Ngoài công năng thi đấu, biểu diễn còn hướng tới phục vụ các nhu cầu hoạt động thể thao đẳng cấp chuyên sâu, bao gồm: khu thi đấu, biểu diễn, khu luyện tập, khu dịch vụ, thư giãn, khu các phòng tập hiện đại cho người dân và du khách…vv.

+ Phát triển hệ thống sân golf tại các vị trí tiềm năng phục vụ phát triển ngành du lịch, dịch vụ trong nước và quốc tế tại các xã Duy Hải, Duy Nghĩa, Bình Dương, Bình Minh.

** Công viên, cây xanh:*

Quy hoạch hệ thống cây xanh theo tầng bậc, gắn kết với khu trung tâm công cộng khu vực, các khu trung tâm của đô thị, các đơn vị ở, vành đai rừng phòng hộ ven biển, không gian xanh dọc hành lang sông.

- Đến năm 2030: Trên cơ sở phân chia hành lang sinh thái sông Trường Giang thành 5 đoạn, hình thành tương ứng 05 công viên sinh thái trên sông Trường Giang;

+ Tại đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa, Bình Minh và các khu đô thị mới hình thành các trục công viên, cây xanh, quảng trường hướng biển, hướng sông Trường Giang.

+ Quy hoạch hệ thống vườn hoa, sân chơi tại các khu dân cư.

- Đến năm 2045: Xây dựng công viên đa chức năng: vui chơi giải trí, văn hóa… tại khu trung tâm công cộng ven biển Bình Minh phục vụ cho toàn khu vực nghiên cứu và khu vực.

*6.2.6. Định hướng phát triển hệ thống nhà ở:*

*a) Định hướng chung:*

- Phát triển, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng nhà ở, phù hợp với các giai đoạn phát triển của khu vực.

- Phát triển nhà ở đồng bộ theo các dự án đô thị mới, khu dân cư xây mới, phát triển đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và quy chế kiểm soát phát triển theo từng khu vực.

- Xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, xây dựng đối với nhà dân tự xây để kiểm soát tình trạng xây dựng lộn xộn.

- Kiểm soát phát triển các khu vực làng xóm đô thị hóa. Cải thiện chất lượng nhà ở nông thôn.

*b) Định hướng cụ thể:*

- Quy hoạch cải tạo lại các khu dân cư dọc theo các tuyến đường chính ở đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa và Bình Minh, trên nguyên tắc chỉnh trang kiến trúc công trình, dãy phố nhằm nâng cao bộ mặt mỹ quan đô thị, phù hợp với kiến trúc các khu vực xây dựng mới.

- Các khu đô thị mới trong khu vực được phát triển theo hướng đô thị xanh, gắn với các chức năng thương mại, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí hiện đại, tiện nghi, cao cấp.

- Tại khu vực tiếp cận các vùng nông nghiệp, xây dựng nhà ở dạng nhà vườn, nhà ở xây dựng với mật độ thấp, tỷ lệ cây xanh cao, tạo sự gắn kết hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

*6.2.7. Định hướng phát triển nông thôn:*

*a) Nguyên tắc chung:*

- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn gắn với phát triển dịch vụ du lịch và các ngành nghề truyền thống.

- Phát triển trên cơ sở duy trì sự ổn định của hệ thống khu dân cư sẵn có. Đồng thời phát triển các khu vực dân cư mở rộng (các cụm đổi mới, các trung tâm cụm xã) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của dân cư nông thôn.

- Phát triển nông thôn bền vững. Cần cân đối giữa nhu cầu phát triển các không gian chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời duy trì bảo vệ hệ sinh thái nông thôn.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại chỗ. Không gian dân cư nông thôn phải đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của địa phương như sản xuất nông nghiệp hàng hoá và phát triển tiểu thủ công nghiệp.

- Đối với những khu vực có ngành nghề truyền thống (làng nghề) dành diện tích dự trữ đất cho phát triển sản xuất ngành nghề và thương mại dịch vụ ngành nghề.

- Bố trí các điểm dịch vụ thương mại hàng hoá tại các trung tâm cụm xã và cụm đổi mới, nhằm khuyến khích phát triển trao đổi sản phẩm nông nghiệp hàng hoá.

- Quy hoạch các khu dân cư mới theo nhu cầu thực tế của từng xã nhưng phải được dựa trên quy hoạch và được đầu tư xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng và gắn kết hài hòa với khu cũ.

- Liên kết giữa khu vực đô thị và nông thôn: Các điểm dân cư trung tâm

cụm xã khu vực nông thôn được xây dựng, cải tạo đảm bảo yêu cầu tập trung dân cư cao, với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết nối với các khu vực đô thị.

*b) Định hướng chung:*

- Định hướng không gian phát triển nông thôn theo hướng sản xuất nông nghiệp thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến nông, lâm, thủy sản, phát triển ngành nghề và làng nghề truyền thống, phát triển các hình thức du lịch cộng đồng. Phát triển các khu vực trung tâm cụm xã làm hạt nhân phát triển của từng từng khu vực.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng mang lại hiệu quả thông qua kết hợp với quá trình đô thị hóa khu vực lân cận: Công trình cấp nước, cấp điện, công trình xử lý nước thải... chính cần được xây dựng và liên kết với công tác xây dựng trong quá trình đô thị hóa khu vực nông nghiệp, nông thôn ở lân cận để đảm bảo đầu tư đạt hiệu quả. Cùng với việc cải thiện các công trình hạ tầng, tiến hành kết hợp với xây dựng và cải tạo đường giao thông trong khu vực nông thôn...; Tăng cường mối quan hệ tương hỗ giữa đô thị và nông thôn thông qua các hoạt động giao lưu kinh tế, giao lưu văn hóa, đồng thời, tạo nên giá trị mới cho khu vực nông thôn. Quy hoạch khu dân cư mới, khu dân cư nông thôn phải gắn với văn hóa, phong tục, truyền thống địa phương.

- Tập trung cư trú trong phạm vi theo cụm, có ranh giới rõ ràng. Mỗi điểm dân cư tập trung được khống chế kiểm soát bằng vành đai xanh khép kín, được thiết lập bởi các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoặc cảnh quan tự nhiên để tránh phát triển tự phát. Đồng thời đây là không gian bổ khuyết các tiện ích công cộng còn thiếu cho các khu dân cư hiện hữu.

- Bảo tồn tối đa diện tích xanh nông nghiệp. Hạn chế mở rộng, hình thành thêm các điểm dân cư nông thôn nhỏ lẻ, phân tán.

- Duy trì các không không gian xanh và mặt nước hiện hữu giữa các làng trong từng cụm làng. Các cụm dân cư tập trung được kết nối với nhau bằng không gian thân thiện với môi trường, đảm bảo các tiện nghi tương đồng với môi trường đô thị. Giúp cho việc hình thành không gian xanh liên kết liền mạch, có giá trị dành cho sinh thái nông nghiệp.

*c) Định hướng cụ thể:*

- Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, chất lượng cao, sạch, gắn với ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

- Định hướng cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhất là kiểm soát vấn đề thoát nước tại khu vực, nghiêm cấm xả thải ra biển, sông suối ao hồ khi chưa xử lý. Tăng cường chức năng phòng chống thiên tai như xây dựng đai rừng phòng hộ ven biển, mặt khác cần xây dựng hoàn chỉnh hệ thống dự báo, thông tin thiên tai.

- Xây dựng mô hình thí điểm về làng du lịch cộng đồng (làng chài ven sông Trường Giang), liên kết với tour tuyến du lịch cộng đồng, du lịch trên sông nước. Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi. Hiện nay, du lịch cộng đồng đang được coi là loại hình du lịch mang lại nhiều lợi ích phát triển kinh tế bền vững nhất cho bản địa. Du lịch cộng đồng không chỉ giúp người dân bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, mà còn là dịp để bảo tồn và phát huy những nét văn hoá độc đáo của địa phương…vv.

- Định hướng phát triển không gian ở nông thôn cơ bản giữ nguyên cấu trúc làng xóm hiện trạng, hoàn thiện các không gian cần thiết như chợ, trường học, trạm y tế, không gian sinh hoạt cộng đồng…, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoàn thiện môi trường sống, bảo tồn và phát huy các giá trị thiên nhiên, phong cảnh nguyên sơ, văn hóa truyền thống tốt đẹp vốn có của khu vực nông thôn nông nghiệp.

- Xây dựng mô hình cộng đồng dân cư truyền thống có yếu tố sản xuất, dịch vụ dựa vào thế mạnh sản xuất nông nghiệp, dịch vụ du lịch.

- Phát triển du lịch trải nghiệm đồng quê, phát triển du lịch trên từng mảnh vườn, ruộng lúa, sản vật nông nghiệp cũng như tìm hiểu phong tục tập quán văn hóa bản địa. Xây dựng môi trường sống nông thôn an tâm và tiện nghi để hình thành thêm chức năng nghỉ dưỡng ngay tại các nông hộ; Kết hợp với doanh nghiệp lữ hành đưa vào điểm đến thường xuyên của du lịch miền Trung.

- Hệ thống trung tâm: Khu trung tâm xã, cụm xã gắn với khu vực dân cư chính của xã, được tổ chức đầy đủ các hạng mục công trình công cộng cơ bản của xã. Trung tâm thôn được tổ chức bao gồm nhà văn hóa thôn, sân TDTT và cây xanh.

- Phân bố dân cư: Đối với dân cư sản xuất nuôi trồng thuỷ sản được tổ chức thành điểm tập trung, bám địa bàn sản xuất nhưng có khoảng cách ly được trồng cây xanh đảm bảo không bị ô nhiễm môi trường khu ở; Đối với dân cư đánh bắt hải sản được tổ chức thành điểm tập trung, hạn chế chế biến hải sản tại hộ gia

đình.

## 7. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 7.1 Giao thông:

*7.1.1. Căn cứ thiết kế*

- Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050.

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duy Xuyên giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045.

- Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình đến năm 2030.

- Các đồ án Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết được duyệt trong khu vực lập quy hoạch.

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan.

*7.1.2. Giao thông đối ngoại*

1. Đường bộ

- Quốc lộ 14E: Là tuyến đường trục chính theo hướng Đông - Tây, điểm đầu tuyến nối vào Đường bộ ven biển, đi qua đô thị Hà Lam, Tân Bình và nối vào đường Hồ Chí Minh. Đoạn qua khu vực quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp IV, quy mô 2 làn xe. Khi lượng phương tiện tăng cao thì xây dựng tuyến đường song hành dành riêng cho xe ô tô, quy mô tối thiểu 2 làn xe.

- Quốc lộ 14H: điểm đầu tuyến từ cảng Cửa Đại (thành phố Hội An) nối đến Đông Trường Sơn (huyện Nông Sơn-Quế Sơn). Trục giao thông này mang tầm chiến lược, vừa phục vụ lưu thông và vừa đáp ứng nhu cầu phát triển ngành du lịch - dịch vụ khi kết nối thông suốt Di sản văn hóa thế giới (Hội An, Mỹ Sơn) và các điểm du lịch nổi tiếng Nông Sơn-Quế Sơn. Tuyến quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp IV, quy mô 2 làn xe.

- Đường tỉnh 619: Là một phần của tuyến đường bộ Ven biển Việt Nam, trục chính Bắc - Nam nối từ Hội An đến cảng hàng không Chu Lai. Giai đoạn đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp II hoặc trục chính đô thị quy mô 4 làn

xe ô tô, 2 làn xe thô sơ. Định hướng đến năm 2050 xây dựng các đường gom, các nút khác mức. Bố trí hành lang cây xanh rừng phòng hộ mỗi bên 100m.

- Đường tỉnh 613 từ Bình Dương đi quốc lộ 1 nối tiếp đường tỉnh 611 đi Quế Sơn. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường phố chính đô thị, quy mô 4 làn xe.

- ĐT.610: Kết nối từ vùng Đông huyện Duy Xuyên (giáp ĐT.619) đến quốc lộ 1 và quốc lộ 14H. Đến năm 2030 hoàn thành quy mô theo dự án đầu tư đang triển khai, đạt tiêu chuẩn đường cấp III, đến năm 2050 đạt tiêu chuẩn đường phố chính đô thị, quy mô 4 làn xe.

- Đường tỉnh 619B: điểm đầu giao quốc lộ 14H điểm cuối giao ĐT.619 Quy hoạch đến năm 2030, tuyến được xây dựng mới đạt tiêu chuẩn cấp IV ĐB, quy mô 2 làn xe.

- ĐT.613B gồm 02 đoạn: Đoạn 1 đi theo quốc lộ 14E cũ, đoạn 2 đi theo đường Hành lang biển thay tuyến ĐT.613B hiện trạng.

- Quy hoạch tuyến đường hành lang ven biển về phía Đông đường Thanh Niên. Hướng tuyến được bố trí đảm bảo đi qua các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư, tái định cư thuận lợi cho quy hoạch cảnh quan du lịch. Quy mô mặt cắt ngang đảm bảo từ 14-20m (trong đó mặt đường 7,5-10,5m, phần còn lại là vỉa hè, vệt cây xanh).

2. Đường sắt

- Đường sắt đô thị: Theo định hướng quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đoạn qua phạm vi khu vực quy hoạch, tuyến đường sắt đô thị theo hướng từ đường nối QL.14H nối với đường Võ Chí Công (nút Bình Sa) và đến cảng hàng không Chu Lai. Dự kiến hướng tuyến sẽ bám theo hành lang đường tỉnh 619B (*phạm vi và hướng tuyến chi tiết sẽ được cụ thể hóa theo dự án riêng*).

3. Đường Thủy

- Tiến hành nạo vét sông Trường Giang tang khả năng vận thải đường thủy từ khu kinh tế Chu Lai – Thăng Bình-Duy Xuyên đến cảng Đà Nẵng quy hoạch cấp IV.

*7.1.3. Giao thông đối nội:*

1. Hệ thống giao thông: Tổ chức các trục kết nối với giao thông đối ngoại

- Kế thừa mạng lưới giao thông hiện có, khớp nối giao thông khu vực quy

hoạch với khu vực lân cận theo định hướng quy hoạch tỉnh Quảng Nam kết nối hợp lý với giao thông vùng.

- Xây dựng mới các tuyến trục chính đô thị, nâng cấp các tuyến đường huyện, liên khu vực, chính khu vực đảm bảo mạng lưới giao thông đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Sử dụng hiệu quả hệ thống giao thông đa phương tiện: đường bộ, đường thủy, công cộng nhằm tăng cường tính linh hoạt và khả năng kết nối vận tải hành khách, hàng hóa.

2. Tổ chức giao thông trong các khu công nghiệp

Xây dựng hệ thống giao thông hiện đại, đồng bộ, phù hợp với tính chất của từng KCN, theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

3. Tổ chức giao thông trong các khu vực đô thị:

Hoàn chỉnh & đảm bảo kết nối giữa hệ thống giao thông nội bộ với mạng lưới giao thông chính của toàn khu quy hoạch. Giữ nguyên hệ thống giao thông đã được phê duyệt tại đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa và đô thị Bình Minh. Kết nối hợp lý với giao thông khu kinh tế Chu Lai phía Nam, giao thông huyện Thăng Bình, Duy Xuyên.

- Đường Thanh Niên (ĐT613B): Kết nối các đô thị ven biển như: Điện Nam - Điện Ngọc, Hội An, Duy Hải, Bình Minh, Bn=27-50m. Tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV đồng bằng.

- Đường ven sông Trường Giang bao gồm:

+ Đường ĐH02.TB chỉnh tuyến kết nối theo quy hoạch khu Kinh Tế Mở Chu Lai, lộ giới Bn = 35m.

+ Tuyến đường quy hoạch mới phía Tây sông Trường Giang lộ giới Bn = 35m. Điểm đầu từ ĐH01.TB tại xã Bình Triều đi dọc theo sông Trường Giang nối trở lại đường ĐH01.TB tại xã Bình Giang.

- Quy hoạch mới tuyến đường trục ngang đoạn đầu từ khu vực xã Bình Dương đi Bình Giang kết nối với QL1A, Bn = 35m.

- Quy hoạch mới trục ngang điểm đầu từ ĐT610 xã Duy Nghĩa qua sông Trường Giang đi Quế Sơn, Nông Sơn, lộ gới Bn = 29 ÷ 38m.

- Đường chính đô thị tại Duy Hải–Duy Nghĩa kết nối với ĐT610 và QL14H, Bn=42m.

4. Tổ chức giao thông trong các khu vực nông thôn & du lịch:

Áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật như đối với khu vực đô thị cho các tuyến đường chính, đảm bảo kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông chung. Cải tạo chỉnh trang mạng lưới giao thông đường huyện, đường liên xã.

5. Cơ cấu mặt cắt của từng tuyến đường giao thông cụ thể như sau

- Mặt cắt 1- 1 đảm bảo Bn = 38m, hành lang cây xanh 100m mỗi bên.
  + Bề rộng lòng đường: 2x10,25m
  + Bề rộng hè đường: 2x 7,5m
  + Dải phân cách giữa: 2,5m.
- Mặt cắt 2- 2 đảm bảo Bn = 60m:
  + Bề rộng lòng đường: 2x(11,5m+3,75m)
  + Bề rộng hè đường: 2x10m;
  + Dải phân cách giữa: 2x2m+6m.
- Mặt cắt 3- 3 đảm bảo Bn = 42m:
  + Bề rộng lòng đường: 2x11,25m
  + Bề rộng hè đường: 2x7,5m;
  + Dải phân cách giữa: 4,5m.
- Mặt cắt 4- 4 đảm bảo Bn = 38m:
  + Bề rộng lòng đường: 2x10,25m
  + Bề rộng hè đường: 2x7,5m;
  + Dải phân cách giữa: 2m.
- Mặt cắt 5- 5 đảm bảo Bn = 30m:
  + Bề rộng lòng đường: 15m
  + Bề rộng hè đường: 2x7,5m;
- Mặt cắt 6 – 6 đảm bảo Bn = 42m:
  + Bề rộng lòng đường: 2x10, 5m
  + Bề rộng hè đường: 2x7,0m;
  + Dải phân cách giữa: 7m.
- Mặt cắt 6’ – 6’ đảm bảo Bn = 35m:
  + Bề rộng lòng đường: 2x10, 5m
  + Bề rộng hè đường: 2x6,0m;
  + Dải phân cách giữa: 2m.

- Mặt cắt 7 – 7 đảm bảo Bn = 32m:

+ Bề rộng lòng đường: 2x7, 5m

+ Bề rộng hè đường: 2x8,0m;

+ Dải phân cách giữa: 1m.

- Mặt cắt 8 – 8 đảm bảo Bn = 29m:

+ Bề rộng lòng đường: 2x7,5m

+ Bề rộng hè đường: 2x6,0m;

+ Dải phân cách giữa: 2m.

- Mặt cắt 9 – 9 đảm bảo Bn = 45,5m:

+ Bề rộng lòng đường: 2x11,25m

+ Bề rộng hè đường: 2x10,0m;

+ Dải phân cách giữa: 3m.

- Mặt cắt 10 – 10 đảm bảo Bn = 35m:

+ Bề rộng lòng đường: 15m

+ Bề rộng hè đường: 2x10,0m;

- Mặt cắt 11 – 11 đảm bảo Bn = 42m:

+ Bề rộng lòng đường: 2x7,5m

+ Bề rộng hè đường: 2x6,0m;

+ Dải phân cách giữa: 15m.

- Mặt cắt 13 – 13 đảm bảo Bn = 40m:

+ Bề rộng lòng đường: 10,5m

+ Bề rộng hè đường: 6,5m+3m;

+ Vệt cây xanh phòng hộ: 20m;

*Ghi chú: Quy mô mặt cắt ngang các tuyến đường có thể được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, được cụ thể hóa theo dự án riêng được các cấp có thẩm quyền chấp thuận*

6. Công trình giao thông

a) Hệ thống cầu

- Xây dựng mới cầu kết nối đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa với đường ĐT610 tại xã Duy Thành;

- Xây dựng mới cầu tại xã Bình Giang – Duy nghĩa;

- Xây dựng mới 2 cầu tại xã Bình Giang – Bình Dương;

- Cầu Bình Dương trên ĐT613 – cầu hiện trạng;

- Cầu Bình Đào trên ĐT613B; - cầu hiện trạng

- Cầu qua sông Trường Giang trên QL14E – cầu hiện trạng.

- Xây dựng mới bến xe Bình Minh đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV.

b. Hệ thống bến thuyền:

- Trên sông Thu Bồn: ổn định Âu thuyền Hồng Triều; Xây mới bến Duy Thành (bến tổng hợp); Bến Duy Nghĩa (du lịch).

- Trên sông Trường Giang: Xây dựng bến Bình Giang (tổng hợp); bến Chợ Được (tổng hợp). Các bến du lịch ven sông phục vụ khách du lịch.

4) Giao thông công cộng

Giao thông xanh, thông minh. Chú trọng đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông công cộng (Bus, BRT,…). Tăng cường tỷ lệ các phương tiện xanh như xe đạp, xe điện.

Phát triển mạng lưới giao thông đường thủy nội bộ đô thị, kết hợp du lịch.

Phát triển hệ thống quản lý xe bus, quản lý xe đạp công.

Xây dựng hệ thống quản lý và thu phí tự động.

- Giai đoạn dài hạn bố trí tuyến xe tự động vận tải hành khách lớn liên khu vực, chung chuyển hành khách từ các khu vực di sản, di tích dọc ven biển từ Hội An – Duy Xuyên Thăng Bình

### 7.2 Chuẩn bị kỹ thuật:

*7.2.1. Nguyên tắc thiết kế*

- Kết hợp giữa mặt bằng tổ chức không gian và tận dụng địa hình tự nhiên để san đắp nền với mức ít nhất.

- Nền sau khi san đắp thuận tiện cho việc thoát nước mặt tự chảy vào hệ thống

thoát nước mưa, độ dốc đường thuận tiện cho giao thông đô thị.

- Mạng lưới thoát nước mưa phân bố đều trên toàn diện tích xây dựng.

- Sử dụng triệt để địa hình thoát nước và hướng thoát nước tự nhiên.

- Tận dụng tối đa hệ thống thoát nước tự nhiên hiện có và hướng san nền của toàn khu.

- Các tuyến cống thoát nước được xây dựng đồng bộ khi thi công xây dựng

đường giao thông để giảm khối lượng đào đắp.

*7.2.2. Căn cứ nghiên cứu*

- Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Quy hoạch Vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và 2030;

- Quy hoạch chung xây dựng Đô thị duy hải - duy nghĩa huyện duy xuyên - tỉnh Quảng Nam;

- Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Duy Xuyên giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045;

- Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Thăng Bình đến năm 2030.

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan.

*7.2.3. Định hướng nền xây dựng và thoát nước mưa*

1) Cao độ khống chế

*a) Số liệu mực nước sông Thu Bồn*

Bảng tổng hợp mực nước cao nhất theo tháng, năm tại Hội An, theo cao độ Quốc gia 10 năm (1997-2007).

| Thán g Năm | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII | Năm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1997 | 8 | 6 | 3 | 53 | 5 | 48 | 54 | 61 | 19 | 74 | 17 | 87 | 190 |
| 1998 | 0 | 5 | 6 | 34 | 2 | 49 | 41 | 33 | 0 | 80 | 3 | 10 | 299 |
| 1999 | 6 | 5 | 4 | 61 | 4 | 47 | 45 | 46 | 53 | 11 | 24 | 9 | 321 |
| 2000 | 1 | 7 | 3 | 40 | 4 | 45 | 61 | 102 | 54 | 0 | 9 | 26 | 172 |
| 2001 | 8 | 5 | 5 | 50 | 6 | 54 | 59 | 75 | 57 | 17 | 32 | 2 | 211 |
| 2002 | 4 | 5 | 7 | 44 | 2 | 41 | 52 | 81 | 57 | 1 | 1 | 10 | 98 |
| 2003 | 8 | 6 | 4 | 44 | 5 | 56 | 46 | 68 | 81 | 21 | 17 | 2 | 173 |
| 2004 | 2 | 4 | 7 | 55 | 0 | 78 | 64 | 69 | 73 | 1 | 2 | 97 | 248 |
| 2005 | 8 | 8 | 7 | 43 | 5 | 47 | 95 | 43 | 56 | 26 | 10 | 95 | 154 |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2006<br>2007 | 0<br>7<br>2<br>8<br>3<br>7<br>8<br>8<br>4<br>8<br>0<br>8<br>6 | 6<br>5<br>1<br>6<br>3<br>7<br>0<br>5<br>1<br>7<br>0<br>5<br>0 | 5<br>3<br>6<br>5<br>5<br>6<br>0<br>4<br>3<br>6<br>6<br>6<br>0 | 55<br>56 | 1<br>5<br>9<br>5<br>2<br>5<br>4<br>5<br>1<br>7<br>7<br>5<br>2 | 48<br>47 | 55<br>49 | 67<br>54 | 93<br>10<br>1<br>70 | 15<br>2<br>89<br>15<br>4<br>17<br>0<br>17<br>2 | 5<br>98<br>17<br>3<br>24<br>8<br>14<br>8<br>10<br>2<br>32<br>8 | 10<br>0<br>93<br>13<br>3<br>18<br>7<br>14<br>2 | 187<br>328 |
| Max | 8<br>7 | 8<br>6 | 7<br>5 | 69 | 7<br>7 | 78 | 95 | 102 | 19<br>0 | 21<br>1 | 32<br>8 | 26<br>2 | 328 |

- Căn cứ vào tài liệu thuỷ văn tại trạm Hội An, mực nước Max=3.28m.

*b) Kịch bản biến đổi khí hậu:*

Theo "Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam" của Bộ Tài Nguyên và Môi trường, ban hành năm 2016:

* Kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam:

- Nhiệt độ: Theo kịch bản RCP4.5, nhiệt độ trung bình năm tăng 1,9÷2,4oC ở phía Bắc và 1,7÷1,9oC ở phía Nam. Theo kịch bản RCP8.5, mức tăng 3,3÷4,0oC ở phía Bắc và 3,0÷3,5oC ở phía Nam.

- Lượng mưa: Theo kịch bản RCP4.5, lượng mưa năm tăng phổ biến từ 5÷15%. Theo kịch bản RCP8.5, mức tăng nhiều nhất có thể trên 20% ở hầu hết Bắc Bộ, Trung Trung Bộ, một phần Nam Bộ và Tây Nguyên. Giá trị trung bình của lượng mưa 1 ngày lớn nhất có xu thế tăng trên toàn lãnh thổ Việt Nam (10÷70%) so với trung bình thời kỳ cơ sở.

- Gió mùa và một số hiện tượng cực đoan: Số lượng bão mạnh đến rất mạnh có xu thế tăng; gió mùa mùa hè có xu thế bắt đầu sớm hơn và kết thúc

muộn hơn. Mưa trong thời kỳ hoạt động của gió mùa có xu hướng tăng. Số ngày rét đậm, rét hại ở các tỉnh miền núi phía Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ đều giảm. Số ngày nắng nóng (Tx ≥ 35oC) có xu thế tăng trên phần lớn cả nước, lớn nhất là ở Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Hạn hán có thể trở nên khắc nghiệt hơn ở một số vùng do nhiệt độ tăng và khả năng giảm lượng mưa trong mùa khô.

*Kịch bản nước biển dâng do biến đổi khí hậu:

- Kịch bản nước biển dâng chỉ xét đến sự thay đổi mực nước biển trung bình do biến đổi khí hậu, mà không xét đến ảnh hưởng của các yếu tố khác gây nên sự dâng cao của mực nước biển như: nước dâng do bão, nước dâng do gió mùa, thủy triều, quá trình nâng/hạ địa chất và các quá trình khác.

- Đóng góp lớn nhất vào mực nước biển dâng ở khu vực biển Việt Nam là thành phần giãn nở nhiệt và động lực, sau đó là thành phần băng tan tại sông băng và núi băng trên lục địa.

- Đến năm 2050, mực nước biển dâng trung bình cho toàn dải ven biển Việt Nam theo kịch bản các kịch bản lần lượt là là 21 cm (13 cm ÷ 32 cm), 22 cm (14 cm ÷ 32 cm), 25 cm (17 cm ÷ 35 cm)

*c) Đề xuất cao độ khống chế các khu vực như sau:*

- Khu vực ven biển cửa ngõ sông Thu Bồn H ≥ +3.50m.

- Khu vực ven biển Thăng Bình: H ≥ +2.50m (theo QH KT Chu Lai)

- Khu vực ven sông Thu Bồn: H ≥ 2.8m (Theo QH Duy Hải-Duy Nghĩa, Vùng huyện Duy Xuyên)

- Khu vực ven sông Trường Giang: Mực nước lớn nhất sông Trường Giang Hmax=2.0m, khống chế nền xây dựng H ≥ 2.3m

- Khu vực đô thị Duy Hải-Duy Nghĩa-Bình Minh, khu vực phía Tây sông Trường Giang có nền hiện trạng 2,5 – 10.0m. Đề xuất nền xây dựng bám sát hiện trạng, cao độ khống chế khu vực H≥ 2,8m.

2. Giải pháp san nền:

- Đối với khu vực phát triển mới:

+ Những khu vực có cao độ nền lớn hơn cao độ khống chế dự kiến sẽ không đào đắp nền, giữ nguyên cao độ tự nhiên, chỉ san gạt cục bộ tạo hướng dốc thoát nước thuận lợi.

+ Những khu vực có cao độ nền thấp hơn cao độ khống chế, bị ảnh hưởng

bởi thủy văn hoặc hải văn, dự kiến tôn đắp nền đến cao độ khống chế tối thiểu của từng khu vực.

- Đối với khu vực đã xây dựng: Giữ nguyên hiện trạng. Những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ khống chế, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ khống chế chung của khu vực để đảm bảo tiện nghi đô thị cho những khu vực làng xóm đô thị hóa này.

*7.2.4. Quy hoạch thoát nước mưa*

1. Nguyên tắc thiết kế:

Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa: nguyên tắc triệt để sử dụng kênh mương tự

nhiên và thiết kế các tuyến mương theo hiện trạng hiện có để đảm bảo việc thoát nước nhanh và an toàn nhất cũng như việc điều hòa nước mưa bằng hệ thống kênh mương hở, hồ, để giảm kích thước cống.

- 100% đường nội thị phải có hệ thống thoát nước mưa;

- Hệ thống chung, hệ thống riêng hoặc hệ thống nửa riêng phải phù hợp với quy

mô đô thị, yêu cầu vệ sinh, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thuỷ văn), hiện trạng đô thị.

- Đối với các kênh, mương chảy qua đô thị, cần phải kè bờ và tùy theo yêu cầu của đô thị, cần có các giải pháp phù hợp với yêu cầu cảnh quan và môi trường đô thị.

- Đảm bảo thoát nước mưa tự chảy.

- Thoát nước bám theo địa hình tự nhiên.

- Phân chia thành các lưu vực nhỏ.

- Xây dựng các tuyến cống dọc các trục đường dự kiến xây dựng đợt đầu.

- Khuyến khích xây dựng tuyến cống 2 bên đường nếu điều kiện kinh tế cho phép, tăng khả năng thu và thoát nước mặt.

- Xây các tuyến cống thoát nước mưa trên hè để dễ duy tu bảo dưỡng.

- Tính toán thuỷ lực cống thoát nước mưa theo phương pháp cường độ giới hạn

$Q = \mu . \varphi . F . q$(l/s). Trong đó:

Q: Lưu lượng tính toán (l/s)

μ: Hệ số phân bố mưa rào; μ = 1 khi F < 200 ha

φ: Hệ số dòng chảy φ = 0,6

F:  Diện tích lưu vực

Q: Cường độ mưa

2. Kết cấu cống:

- Dùng kết cấu hỗn hợp mương xây trong các đường ngõ nhỏ, cống tròn bê tông

cốt thép hoặc cống hộp ở các đường phố chính.

- Cống được đặt dưới lòng đường hoặc hè đường.

- Đối với cống được đặt dưới lòng đường: hố thu nước mặt đường BTCT, được bố trí hai bên đường và nối với tuyến cống thoát nước chính bằng cống tròn BTCT kích thước D=400mm.

3. Thông số thiết kế:

- Độ dốc đường ống, mương thoát nước chọn trên cơ sở đảm bảo tốc độ nước chảy

trong cống v ≥ 0,6m/s. Vận tốc lớn nhất Vmax=4m/s.

- Độ dốc đường ống tối thiểu bằng 1/D (D- đường kính cống, mm).

- Độ sâu chôn cống trên đường h ≥ 0,5m

- Nối cống có kích thước khác nhau tại các giếng thăm theo kiểu nối đỉnh cống.

4. Giải pháp thiết kế

- Hệ thống thoát nước: Đối với các khu cải tạo và nâng cấp trước mắt vẫn sử dụng hệ thống thoát nước mưa chung, từng bước sẽ cải tạo cho phù hợp với yêu cầu.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước theo các trục đường thôn, xóm hiện hữu.

+ Nạo vét, khơi thông các tuyến mương tiêu, các ao hồ tiêu nước cho khu vực.

+ Kết hợp với các chương trình mục tiêu, chương trình xây dựng nông thôn mới để kiên cố hóa hệ thống kênh mương tiêu thoát nước.

+ Ngăn cấm các hình vi lấn chiếm, ngăn cản dòng chảy của các tuyến kênh mương tiêu thoát nước

- Đối với các khu đô thị dự kiến mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn.

- Mạng lưới: Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa

hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các sông Trường Giang, sông Thu Bồn, ra biển.

- Lưu vực thoát nước: Toàn bộ khu vực nghiên cứu chia làm 4 lưu vực thoát nước chính dựa vào cao độ nền xây dựng, các đường phân lưu và kênh, mương, sông hồ…cụ thể như sau:

+ Lưu vực 1: Khu vực ven biển (giới hạn bởi đường Võ Chí Công và biển) bao gồm xã Duy Hải, 1 phần xã Duy Nghĩa, 1 phần xã Bình Dương, xã Bình Minh. Nước mưa được thu gom qua hệ thống thoát nước rồi thoát vào hệ thống kênh, mương hở trong khu vực

+ Lưu vực 2: Khu vực giới hạn bởi sông Trường Giang và đường Võ Chí Công gồm xã Duy Nghĩa, Bình Dương, Bình Đào. Tiêu thoát vào sông Trường Giang.

+ Lưu vực 3: Lưu vực phía Tây gồm xã Bình Gang, Bình Triều. Thoát vào sông Trường Giang.

+ Lưu vực 4: Lưu vực ven sôngThu Bồn gồm xã Duy Thành, Duy Vinh, tiêu thoát vào sông Thu Bồn.

*7.2.5. Các biện pháp chuẩn bị kỹ thuật khác:*

- Quy hoạch hành lang bờ biển có chiều rộng 100m-150m, chỉ trồng cây xanh và bãi cát tự nhiên nhằm tạo không gian ứng phó với kịch bản nước biển dâng do biến đổi khí hậu;

- Xây dựng hệ thống bờ kè cứng bảo vệ các khu vực bị sạt lở ven biển.

- Hiện nay sông Trường Giang đang được đầu tư hệ thống đê kè hai bên bờ sông, trong giai đoạn đến cần đầu tư hoàn thiện dự án kè sông Trường Giang đoạn qua huyện Thăng Bình để hạn chế ngập lụt cho khu vực 2 bên bờ sông.

- Xây dựng các tuyến đường tránh lũ cho các khu vực thường xuyên bị ngập lụt để phục vụ mục đích giao thông và cứu nạn cứu hộ trong trường hợp lũ lụt xảy ra.

## 7.3 Cấp nước

*7.3.1. Tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước*

Tiêu chuẩn dùng nước

| Loại hình | Đơn vị tính | Đô thị |
|---|---|---|

| | | |
|---|---|---|
| Nước sinh hoạt cho dân cư nội thị | l/người/ng.nđ | ≥ 120 |
| Nước sinh hoạt cho dân cư ngoại thành, khách vãng lai | l/người/ng.nđ | ≥ 65 |
| Nước tưới cây rửa đường | %Qsh | ≥ 8 |
| Nước cho SX nhỏ, tiểu thủ CN | %Qsh | ≥ 8 |
| Nước công nghiệp tập trung | $m^3$/ha-ngđ | ≥ 20 |
| Nước cho CTCC, dịch vụ | %Qsh | ≥ 10 |

### *Đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa và khu Nam Hội An*

| TT | Thành phần dùng nước | Quy mô | | Tiêu chuẩn | | Nhu cầu ($m^3$/ngđ) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 |
| 1 | Nước phục vụ sinh hoạt | 75.000 | 100.000 | 100 | 120 | 7.500 | 12.000 |
| 2 | Nước tưới cây, rửa đường | 8%Qsh | 8%Qsh | 8% | 8% | 600 | 960 |
| 3 | Nước cho các công trình công cộng, DV | 10%Qsh | 10%Qsh | 10% | 10% | 750 | 1.200 |
| 4 | Nước phục vụ công nghiệp tập trung | 47,65 | 54,9 | 40 $m^3$/ha.ngđ *60%DT | 40 $m^3$/ha.ngđ *60%DT | 1.144 | 1.318 |
| 5 | Nước dự phòng rò rỉ, PCCC | 15%(1+2+3+4) | | | | 1.499 | 2.322 |
| 6 | Nước bản thân trạm xử lý | 4%(1+2+3+4+5) | | | | 400 | 619 |
| | **Tổng cộng** | | | | | **11.892** | **18.418** |

### *Cấp nước đô thị Bình Minh*

| TT | Thành phần dùng nước | Quy mô | | Tiêu chuẩn | | Nhu cầu ($m^3$/ngđ) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 |
| 1 | Nước phục vụ sinh hoạt | 35.000 | 55.000 | 100 | 120 | 3.500 | 6.600 |
| 2 | Nước tưới cây, rửa đường | 8%Qsh | 8%Qsh | 8% | 8% | 280 | 528 |
| 3 | Nước cho các công trình công cộng, DV | 10%Qsh | 10%Qsh | 10% | 10% | 350 | 660 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Nước phục vụ công nghiệp tập trung | | 685,15 | 40 $m^3$/ha.ngđ *60%DT | 40 $m^3$/ha.ngđ *60%DT | | 16.444 |
| 5 | Nước dự phòng rò rỉ, PCCC | 15%(1+2+3+4) | | | | 620 | 3.635 |
| 6 | Nước bản thân trạm xử lý | 4%(1+2+3+4+5) | | | | 165 | 969 |
| | **Tổng cộng** | | | | | **4.915** | **28.836** |

***Cấp nước nông thôn***

| TT | Thành phần dùng nước | Quy mô | | Tiêu chuẩn | | Nhu cầu ($m^3$/ngđ) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 |
| 1 | Nước phục vụ sinh hoạt | 90.000 | 145.000 | 65 | 80 | 5.850 | 11.600 |
| 2 | Nước tưới cây, rửa đường | 8%Qsh | 8%Qsh | 8% | 8% | 468 | 928 |
| 3 | Nước cho các công trình công cộng, DV | 10%Qsh | 10%Qsh | 10% | 10% | 585 | 1.160 |
| 4 | Nước phục vụ công nghiệp tập trung | | | | | | |
| 5 | Nước dự phòng rò rỉ, PCCC | 15%(1+2+3+4) | | | | 1.035 | 2.053 |
| 6 | Nước bản thân trạm xử lý | 4%(1+2+3+4+5) | | | | 276 | 548 |
| | **Tổng cộng** | | | | | **8.215** | **16.289** |

Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 khoảng 25.022m3/ngđ; năm 2045 khoảng 63.543 m3/ngđ

*7.3.2. Giải pháp cấp nước*

*a) Phân vùng cấp nước:* Toàn khu quy hoạch được phân vùng thành 3 vùng cấp nước chính

- Vùng 1: Khu vực xã Duy Thành, Duy Vinh nguồn cấp nước chính từ Nhà máy nước Nam Phước và trạm cấp nước Duy Nghĩa.

- Vùng 2: Khu vực Duy Hải – Duy Nghĩa: Trong giai đoạn đầu sử dụng nước từ nhà máy nước Hội An, đấu nối vào đường ống cấp nước D250 trên đường Võ Chí Công (ĐT129) theo dự án Nam Hội An. Giai đoạn sau sử dụng nước từ nhà máy nước Phú Ninh, thông qua ống truyền tải D400 dọc theo trục đường ĐT129 đến khu Nam Hội An

- Vùng 3: Khu vực Thăng Bình, nguồn cấp nước từ NMN BOO Phú Ninh.

*b) Mạng lưới đường ống:*

- Cấu trúc mạng lưới đường ống được chia làm 3 cấp chính:

+ Mạng truyền dẫn cấp I có đường kính D≥300mm;

+ Mạng truyền phân phối cấp II có đường kính 100mm≤ D <300mm;

+ Mạng ống dịch vụ cấp III có đường kính D <100mm;

- Cấu tạo mạng lưới đường ống dạng mạch vòng khép kín trong từng phân vùng

và được điều hòa lưu lượng và áp lực qua mạng lưới truyền dẫn giữa các nhà máy nước.

- Mạng lưới đường ống được thiết kế tính toán đảm bảo vận tốc kinh tế trừ một số đoạn ống hiện trạng có vận tốc nhỏ vẫn được giữ lại.

- Vật liệu đường ống sử dụng ống gang cầu dẻo, ống thép và ống nhựa tổng hợp

HDPE đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành.

*c) Áp lực:*

Mạng lưới đường ống cấp nước sạch được thiết kế với công suất tính toán 300.000 m3/ngđ dạng mạch vòng kết hợp với một số tuyến ống nhánh đảm bảo cấp nước an toàn và thuận tiện.

Áp lực mạng lưới tối thiểu đảm bảo lên cao nhà 3 tầng (khoảng 15 m). Một số điểm ở cuối mạng lưới có áp lực thấp < 15 m và những nhà cao hơn 3 tầng cần có tăng áp cục bộ

*d) Chữa cháy:*

Sử dụng mạng lưới cấp nước chữa cháy chung với mạng lưới cấp nước của khu vực. Bố trí các trụ cứu hỏa trên mạng lưới tại những điểm lấy nước thuận lợi và đảm bảo khoảng cách theo quy định. Mạng lưới đường ống được tính toán kiểm tra trong giờ có cháy trong giờ dùng nước max với 3 đám cháy xảy ra đồng thời, lưu lượng của một đám cháy tuân thủ Bảng 7 và Bảng 8 QCVN 06/2022/BXD.

+ Trên mạng ống cấp nước đô thị, dọc theo các đường phố bố trí các họng lấy nước chữa cháy, đảm bảo các quy định về khoảng cách theo quy định.

+ Hệ thống đường giao thông trong khu vực quy hoạch đảm bảo kích

thước, tải trọng của xe chữa cháy theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với chủng loại phương tiện của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Họng cứu hỏa được bố trí trên tuyến ống cấp nước với đường kính ≥ ∅110 chạy dọc theo các đường quy hoạch.

+ Đặt các họng cứu hỏa đấu nối với đường ống cấp nước phân phối chính và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc các trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới theo quy chuẩn hiện hành.

+ Tận dụng hệ thống nước mặt, sông, kênh, ao hồ khu vực để chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

+ Đối với các công trình cao tầng cần thiết kế hệ thống chữa cháy cục bộ theo tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy trong từng công trình.

+ Hệ thống cứu hoả: áp lực thấp khi có đám cháy xảy ra, xe cứu hoả đến họng cứu hoả gần nhất bơm nước đến điểm có cháy để dập tắt đám cháy.

e) Đối với cấp nước nông thôn:

Đảm bảo các hộ dân đều được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, từ các đường ống quy hoạch dẫn về.

*7.3.3. Cấp nước sản xuất nông nghiệp*

- Để đảm bảo lượng nước cung cấp cho sản xuất nông nghiệp: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng, xây dựng hệ thống kiểm soát và điều tiết nước đảm bảo chi phí quản lý vận hành thấp, dễ dàng trong việc bảo trì, hiện đại hóa công tác vận hành.

-Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình hiện trạng để ổn định diện tích tưới.

- Dồn điền đổi thửa quy hoạch đồng ruộng, quy hoạch hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu tưới tiêu chủ động, sản xuất nông nghiệp hàng hóa và cơ giới hóa nông nghiệp

- Áp dụng các công nghệ tưới hiện đại, tiết kiệm nước cho các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cây ăn quả, rau màu.

### 7.4 Cấp điện

*7.4.1. Căn cứ thiết kế*

- Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia  thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duy Xuyên giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045.

- Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Thăng Bình đến năm 2030.

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01:2021/BXD, và các tiêu chuẩn ngành có liên quan.

*7.4.2. Nguyên tắc thiết kế*

Để ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu hiện nay thiết kế cấp điện đảm bảo theo các tiêu chuẩn hiện hành ngoài ra cần đạt được các tiêu chí sau:

- Hệ thống lưới trung hạ áp trong đô thị sẽ được hạ ngầm toàn bộ, có kí hiệu bằng gạch và băng cáp và biển báo cáp (tránh đào đắp gây nguy hiểm).

- Các thiết bị điện ngoài trời như trạm biến áp, tủ điện cần đặt ở những nơi khô ráo và đạt cấp bảo vệ từ IP54 trở lên (tránh ngập úng).

- Định hướng tiết kiệm năng lượng: Ngoài các phương án về kiến trúc cảnh quan đô thị nhằm giảm nhiệt độ và năng lượng tiêu hao, khuyến khích các hộ tiêu thụ điện tận dụng các nguồn năng lượng có tính khả thi cao như quang điện... Các thiết bị điện nên sử dụng loại tiết kiệm điện năng tối đa, giảm thiểu làm mát bằng điện tăng cường các biện pháp điều hòa không khí tự nhiên.

*7.4.3. Tiêu chuẩn cấp điện*

1. Tiêu chuẩn cấp điện:

Trong khu vực nghiên cứu tính theo tiêu chuẩn đô thị loại IV đối với khu vực xây dựng mới và tiêu chuẩn đối với khu vực nông thôn

| | | |
|---|---|---|
| Phụ tải điện sinh hoạt đô thị | W/người | 330 |
| Phụ tải điện sinh hoạt dân cư nông thôn | W/người | ≥ 150 |
| Phụ tải điện công trình công cộng, dịch vụ | % | 30 |
| Phụ tải điện công nghiệp | KW/ha | 160 ÷ 350 |
| Phụ tải điện sản xuất TTCN | KW/ha | 120 ÷ 140 |
| Phụ tải điện kho tàng | KW/ha | 50 |

2. Phụ tải điện:

**Khu vực đô thị Duy Hải – Duy Nghĩa và khu Nam Hội An**

| TT | Hạng mục phụ tải | Quy mô | | Tiêu chuẩn (w/người) | | Nhu cầu (kw) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 |
| 1 | Sinh hoạt | 75.000 | 100.000 | 330 | 330 | 24.750 | 33.000 |
| 2 | Công cộng, dịch vụ | 30% sinh hoạt | 30% sinh hoạt | 30% | 30% | 7.425 | 9.900 |
| 3 | Công nghiệp (ha) | 47,65 | 54,9 | 160 kw/ha | 160 kw/ha | 7.624 | 8.784 |
| 4 | Dự phòng tổn thất | | | 10% | 10% | 3.980 | 5.168 |
| 5 | Tổng | | | | | 43.779 | 56.852 |
| 6 | Hệ số đồng thời | | | | | 0,7 | 0,7 |
| 7 | Hệ số sử dụng | | | | | 0,8 | 0,8 |
| 8 | Nhu cầu cấp điện | | | | | 24.516 | 31.837 |
| **9** | **Công suất tính toán** | | | | | **27.240** | **35.375** |

**Khu vực Bình Minh**

| TT | Hạng mục phụ tải | Quy mô | | Tiêu chuẩn (w/người) | | Nhu cầu (kw) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 |
| 1 | Sinh hoạt | 35.000 | 55.000 | 330 | 330 | 11.550 | 18.150 |
| 2 | Công cộng | 30% sinh hoạt | 30% sinh hoạt | 30% | 30% | 3.465 | 5.445 |
| 4 | Công nghiệp tập trung (ha) | | 685,15 | 160 kw/ha | 160 kw/ha | | 109.624 |
| 4 | Dự phòng tổn thất | | | 10% | 10% | 1.502 | 13.322 |
| 5 | Tổng | | | | | 16.517 | 146.541 |
| 6 | Hệ số đồng thời | | | | | 0,7 | 0,7 |
| 7 | Hệ số sử dụng | | | | | 0,8 | 0,8 |
| 8 | Nhu cầu cấp điện | | | | | 9.249 | 82.063 |
| **9** | **Công suất tính toán** | | | | | **10.277** | **91.181** |

**Khu vực nông thôn**

| TT | Hạng mục phụ tải | Quy mô | | Tiêu chuẩn (w/người) | | Nhu cầu (kw) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Sinh hoạt | 90.000 | 145.000 | 150 | 300 | 13.500 | 43.500 |
| 2 | Công cộng | 30% sinh hoạt | 30% sinh hoạt | 30% | 30% | 4.050 | 13.050 |
| 3 | Dự phòng tổn thất | | | 10% | 10% | 1.755 | 5.655 |
| 4 | Tổng | | | | | 21.335 | 64.250 |
| 5 | Hệ số đồng thời | | | | | 0,7 | 0,7 |
| 6 | Hệ số sử dụng | | | | | 0,8 | 0,8 |
| 7 | Nhu cầu cấp điện | | | | | 11.948 | 35.980 |
| **8** | **Công suất tính toán** | | | | | **13.275** | **39.978** |

**Bảng tổng hợp phụ tải**

| TT | Danh mục | Năm 2030 (kw) | Năm 2045 (kw) |
|---|---|---|---|
| 1 | P sinh hoạt | 49.800 | 94.650 |
| 2 | P công cộng | 14.940 | 28.395 |
| 3 | P công nghiệp | 7.624 | 118.408 |
| 4 | P tính toán | 72.364 | 241.453 |
| 5 | Dự phòng (10%) | 7.236 | 24.145 |
| 6 | Tổn thất (5%) | 3.618 | 12.073 |
| | **Tổng** | **83.219** | **277.671** |

*7.4.4. Phương án cấp điện*

Tuân thủ các định hướng cấp điện, cung cấp năng lượng theo Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã phê duyệt.

1) Lưới cao áp

– Lưới 220KV:

+ Xây dựng mới tuyến 220KV Điện Bàn – Nam Hội An, dự kiến hướng tuyến chạy dọc theo hành lang cây xanh cách ly dọc đường tỉnh 619 (đường Võ Chí Công).

+ Trạm 220/110/22KV Nam Hội An công suất 250MVA đảm bảo hành lang an toàn điện.

- Lưới 110KV:

+ Xây dựng mới tuyến 110KV từ trạm 110KV Thăng Bình 2 đến trạm 110KV Nam Hội An

+ Tuyến 110KV từ trạm 110KV Nam Hội An đến thanh cái 110KV trạm 220KV Nam Hội An và (đấu nối sau trạm 220KV Nam Hội An chạy dọc đường

Võ Chí Công đi khu kinh tế Chu Lai).

2) Nguồn cấp

- Khu vực các xã Duy Hải, Duy Nghĩa, Duy Thành, Duy Vinh: nguồn điện được cấp từ trạm 110/22kV Duy Xuyên, công suất (40+63)MVA; trạm 110/22kV Nam Hội An, công suất 63MVA.

- Khu vực các xã Bình Giang, Bình Dương, Bình Triều, Bình Minh, Bình Đào: nguồn cấp điện từ trạm 10/35/22kV Thăng Bình và trạm 110KV Thăng Bình 2 công suất 2x40MVA.

3) Lưới 22kV: Tuyến 22kV xây mới đi nổi, sử dụng dây dẫn AV 120/24kV, cách điện 22kV và phụ kiện đồng bộ, cột sử dụng loại bê tông ly tâm LT-12m.

4) Lưới hạ thế 0,4 kV: Xây mới tuyến hạ thế 0,4 kV đi nổi và được bố trí trên vĩa hè hai bên đường giao thông, cột sử dụng cột ly tâm cao 8,4m, dây dẫn sử dụng cáp vặn xoắn chịu lực chia đều ABC A(4x....)/600V phù hợp với phụ tải từng tuyến và phụ kiện đồng bộ.

5) Trạm biến áp: Từ các trạm 110/22kV hạ các trạm biến áp 22/0,4kV cấp điện cho khu vực.

6) Chiếu sáng:

- Khu vực quy hoạch chủ yếu bố trí điện chiếu sáng các trục đường.

- Nguồn cấp điện chiếu sáng lấy từ trạm biến áp xây mới.

- Toàn bộ các trục đường trong khu vực được bố trí hệ thống chiếu sáng, được lấy nguồn từ các trạm biến áp phụ tải có sẵn.

- Tuyến chiếu sáng được bố trí đi nổi kết hợp với hạ thế 0,4kV và 22kV trên các vĩa hè (đối với các tuyến đường không có dãy phân cách), đối với tuyến đường có dãy phân cách bố trí điện chiếu sáng đi ngầm, cột thép cao 10m đồng bộ trên đế gang .

- Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan và mật độ chiếu sáng theo quy định như sau:

+ Các trục đường chính cấp đô thị : 0,8÷1,2 cd/m2.

+ Các trục đường chính cấp khu vực : 0,4÷0,6 cd/m2.

+ Các trục đường chính cấp nội bộ : 0,2÷0,4 cd/m2.

- Để sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, cũng như cho tuổi thọ của đèn, các tuyến chiếu sáng được lắp đặt hệ thống điều khiển bằng 3 chế độ.

### 7.5 Thông tin liên lạc

*7.5.1. Cơ sở lập quy hoạch*

- Căn cứ định hướng phát triển thông tin liên lạc trong đồ án quy hoạch tỉnh Quảng Nam.

- Tình hình phát triển mạng thông tin - liên lạc trong nước và quốc tế những năm gần đây.

- Các tiêu chuẩn, quy phạm ngành và các tài liệu có liên quan.

*7.5.2. Chỉ tiêu*

| TT | Hạng mục | Tiêu chuẩn | |
|---|---|---|---|
| | | Thuê bao điện thoại di động (máy) | Thuê bao Internet (IP) |
| 1 | Sinh hoạt | Thuê bao/ 02 người | 1IP (1Gbps)/ 04 người |
| 2 | Công trình công cộng | 0 | 30% Sinh hoạt |
| 3 | Cấp cho sản xuất cônnghiệp, kho tàng | 0 | 1 IP (5Gbps)/ ha |

***Chỉ tiêu quy hoạch trạm BTS***

| TT | Hạng mục | Tiêu chuẩn | |
|---|---|---|---|
| | | Theo bán kính phục vụ | Theo số lượng thuê bao |
| 1 | Trạm BTS (trạm thu phát sóng di động) | 1 ~ 3km/trạm | 2000 ê bao/ Trạm |

*7.5.3. Nhu cầu*

Tổng nhu cầu cấp thông tin liên lạc cho toàn khu quy hoạch

| TT | Hạng mục | Đơn vị tính | Dân số (người)/ Diện tích (ha) | | Nhu cầu | | Nhu cầu | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 2030 | 2045 | 2030 | | 2045 | |
| | | | | | Di động | Internet | Di động | Internet |
| 1 | Sinh hoạt | Người/Th.b | 200.000 | 300.000 | 100.000 | 50.000 | 150.000 | 75.000 |
| 2 | Công trình công cộng | Thuê bao | | | | 15.000 | | 22.500 |
| 3 | Sản xuất công nghiệp, kho tàng | Th.b/Ha | 47,65 | 740,05 | | 48 | | 741 |

Tổng số lượng trạm BTS

| TT | Hạng mục | Đơn vị tính | Dân số (người) | Nhu cầu |
|---|---|---|---|---|

| | | | 2030 | 2045 | 2030 | 2045 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trạm BTS (trạm thu phát sóng di động) | Trạm | 200.000 | 300.000 | 100 | 150 |

*7.5.4. Định hướng phát triển*

1. Nguồn cấp:

Nguồn cấp thông tin liên lạc được lấy từ mạng lưới cáp gốc của quốc gia.

Các tuyến cáp gốc sẽ được đấu nối vào các tổng đài và từ đó phân bố bằng mạng lưới cáp quang đi các trạm vệ tinh.

Đường truyền dẫn áp dụng công nghệ cáp quang cho tuyến chính đến trạm khoảng 20Gbps. Việc tính toán nhu cầu sử dụng mạng thông tin liên lạc được xác định trên cơ sở số liệu quy hoạch sử dụng đất, tiêu chuẩn thiết kế.

Công nghệ sử dụng hệ thống chuyển mạch thế hệ mới đáp ứng cho các nhu cầu phong phú, đa dạng tiết kiệm chi phí vận hành và bảo dưỡng, phát triển trên cơ sở mạng viễn thông hiện tại đồng thời tạo nền tảng xây dựng mạng thế hệ tiếp theo NGN.

Để đảm bảo khả năng cung cấp đầy đủ thông tin liên lạc cho toàn khu quy hoạch, thiết kế 12 tổng đài bưu điện kết hợp với các trạm tổng đài điều khiển (HOST), các trạm BTS để đáp ứng khả năng phục vụ các dịch vụ bưu chính và viễn thông. Các tổng đài bưu điện sẽ được đặt tại trung tâm của các phân vùng.

2. Định hướng phát triển:

Mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy nhập Internet, và mạng truyền thanh/hình.

- Mạng điện thoại

+ Các điểm chuyển mạch như đánh giá phần hiện trạng sẽ dần được thay thế bằng các thiết bị truy nhập đa dịch vụ băng rộng và thiết bị cổng đa phương tiện với dung lượng từ 2.000lines đến 10.000 lines.

+ Xây dựng mới các điểm truy nhập thuê bao tại các điểm tập trung dân cư với

dung lượng từ 1.000 lines đến 2.000 lines. Kết nối các điểm chuyển mạch

trên là các tuyến cáp quang nâng cấp và xây dựng mới dung lượng từ 8E1 đến 32 E1.

- Chuyển mạch: Công nghệ chuyển mạch đang trong quá trình thay đổi công nghệ theo chu kỳ. Công nghệ TDM dần dần được thay thế bởi chuyển mạch IP để hội tụ về mạng NGN.

- Mạng truyền hình: Mạng truyền hình đảm nhận cung cấp dịch vụ truyền hình (gồm cả miễn phí và có phí) cho cộng đồng sống và làm việc tại khu vực nghiên cứu. Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai mạng của họ tới từng đơn vị qua mạng cáp truyền hình hoặc đầu thu tín hiệu.

- Mạng truyền dẫn: Công nghệ truyền dẫn chủ yếu sẽ dựa trên truyền dẫn quang  với các công nghệ SDH, SONET, Ring (mạng vòng). Thông tin quang tốc độ cao với các công nghệ ghép kênh phân chia theo bước sóng WDM, DWDM sẽ được áp dụng rộng rãi trên các tuyến truyền dẫn liên tỉnh.

Giai đoạn đến năm 2020: Tăng dung lượng các tuyến cáp quang hiện có để tăng dung lượng truyền dẫn liên tỉnh từ 10 đến 20Gbps, tuyến cáp quang nội hạt dung lượng từ 155 hoặc 622 Mbps và xây dựng mới các tuyến cáp quang đến tất cả các xã để đáp ứng các nhu cầu ứng dụng CNTT, các dịch vụ băng rộng.

Giai đoạn 2020-2030: cáp quang hóa toàn bộ, tiếp tục nâng cấp dung lượng mạng

cáp quang, nâng tốc độ truyền dẫn lên STM - 4 (622 Mbps) và STM-16 (2,5 Gbps), tăng số lượng cores cáp quang, hoàn thành các tuyến cáp quang đến trung tâm các xã, đảm bảo 100% số xã có mạng cáp quang đến trung tâm xã, tăng số lượng các mạch vòng kín ở những khu vực cho phép, nhằm giảm thiểu các sự cố rủi ro trong quá trình truyền dẫn.

- Mạng ngoại vi:

+ Mạng ngoại vi (mạng cáp) phát triển theo hướng cáp quang hóa, cáp quang thay thế cáp đồng, thực hiện cáp quang hóa đến thuê bao, cụm thuê bao; đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân (FTTx).

+ Mạng ngoại vi của khu vực nghiên cứu gồm các hệ thống cống, bể cáp và hầm cáp chạy trên vỉa hè đường. Hệ thống này được hạ ngầm trên các trục đường chính, mương dẫn cáp sử dụng kiểu 3 ống/3 lớp và 3 ống/2 lớp. nắp bể cáp sử dụng loại nắp gang tròn hoặc nắp đan bê-tông.

+ Ống nhựa bảo vệ cáp dùng ống PVC □110x0,5. Tại mỗi khu qui hoạch

sẽ có một bể kết nối cáp thông tin. Đặc biệt những đoạn qua đường nên sử dụng loại ống sắt hoặc kẽm D110x0,65.

+ Sử dụng cáp quang, tùy theo điều kiện nhà khai thác dịch vụ, đường kính 0,5mm, loại cáp có dầu chống ẩm đi trong ống. Tất cả cáp được đi trong hệ thống cống, bể cáp của mạng ngoại vi.

+ Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm

thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lí.

+ Dịch vụ điện thoại di động sẽ được cung cấp cấp bởi mạng điện thoại di động

riêng của các nhà cung cấp dịch vụ.

- Mạng truy cập internet:

+ Truy nhập Internet băng rộng sẽ được phát triển theo 2 phương thức qua mạng

cáp nội hạt và vô tuyến:

+ Giai đoạn đầu: phát triển chủ yếu theo hướng truy nhập Internet qua mạng hữu

tuyến.

Giai đoạn 2015 - 2030: phát triển chủ yếu theo công nghệ NGN và công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng Wimax với tốc độ truyền dữ liệu cao, có thể lên tới 100 Mbps, khu vực phủ sóng rộng, khả năng bảo mật cao. Mạng Internet phát triển theo hướng hội tụ, cung cấp đa dịch vụ: cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình (IPTV), báo chí (E-papers).

- Bưu chính: Mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay, gồm bưu cục cấp I, cấp II và cấp III. Giữ nguyên số lượng bưu cục, Các bưu cục được nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, linh động trong việc khai thác nhằm sử dụng tài nguyên hiệu quả.

- Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:

+ Phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ rộng khắp trên địa bàn; đa dạng hóa và nâng cao các loại hình dịch vụ, phổ cập dịch vụ tới mọi người dân.

+ Phát triển các điểm giao dịch tự động (thanh toán cước viễn thông, cước Internet, điện thoại, điện, nước tự động…), điểm tra cứu thông tin công cộng,

điểm truy nhập Internet không dây công cộng: phục vụ phát triển du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

+ Hoàn thiện việc lắp đặt quy hoạch xây dựng, lắp đặt Trạm Điện thoại – Thông

tin (Trạm thông tin đa năng) tại các khu vực đô thị mới phát triển, khu đô thị dân cư mới, khu di tích, khu du lịch trên địa bàn tỉnh, cho người dân và du khách khi đến thăm quan; cung cấp đến người dân dịch vụ điện thoại khẩn cấp.

- Cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động:

+ Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động theo hướng sử dụng chung: các doanh

nghiệp phối hợp cùng đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng (nhà trạm, cột ăng ten...) và sử dụng chung, phân chia theo tỷ lệ nguồn vốn đóng góp hoặc theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

+ Lộ trình thực hiện:

Giai đoạn 2021 - 2025: Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động đạt khoảng 50 - 55%.

Phát triển mạnh hạ tầng cột ăng ten không cồng kềnh, cột ăng ten thu phát sóng ngụy trang đến khu vực trung tâm các huyện: cột ăng ten có kích thước và quy mô nhỏ gọn, thân thiện môi trường, ngụy trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh, đảm bảo mỹ quan đô thị.

Giai đoạn 2021 – 2025: Hầu hết các khu vực, tuyến đường, phố chính thuộc trung tâm thành phố, trung tâm các huyện; khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan; khu du lịch:khu di tích: các doanh nghiệp chỉ được phát triển cột ăng ten không cồng kềnh (A1); đồng thời tiến hành cải tạo cột ăng ten A2 tại các khu vực này.

## 7.6 Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

*7.6.1. Cơ sở tính toán*

- Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt Quy hoạch Vùng tỉnh Quảng Nam giai đoạn đến năm 2020 và 2030;

- Quy hoạch chung xây dựng Đô thị duy hải - duy nghĩa huyện duy xuyên - tỉnh Quảng Nam;

- Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Duy Xuyên giai đoạn đến năm 2030 và

năm 2045;

- Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Thăng Bình đến năm 2030.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan.

*7.6.2. Chỉ tiêu tính toán*

Chỉ tiêu tính toán nước thải, CTR, nghĩa trang

| TT | Thành phần dùng nước | Đơn vị | 2030 | | 2045 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp nước | 90% cấp nước | Cấp nước | 90% cấp nước |
| ***1*** | ***Nước thải*** | | | | | |
| | Nước thải sinh hoạt | l.ng/ngđ | 100 | 90 | 120 | 108 |
| | Công trình công cộng, DV | | 10%Qsh | | 10%Qsh | |
| | Khu công nghiệp tập trung | m3/ha | | 100% Cấp nước | | 100% Cấp nước |
| ***2*** | ***Chất thải rắn*** | | ***Tiêu chuẩn*** | ***Tỷ lệ thu gom*** | ***Tiêu chuẩn*** | ***Tỷ lệ thu gom*** |
| | Sinh hoạt | Kg/ng-ngày | 0,8 | 90% | 0,9 | 90% |
| | Khu công nghiệp tập trung | tấn/ha | 0,3 | 100% | 0,3 | 100% |
| ***3*** | ***Nghĩa trang*** | ***0,04ha/1000 dân*** | | | | |

Dự báo khối lượng nước thải, CTR, nghĩa trang

| TT | Hạng mục | Đơn vị | 2030 | 2045 |
|---|---|---|---|---|
| *A* | *Nước thải* | *m3/ngđ* | | |
| 1 | Nước thải sinh hoạt | | | |
| | KĐT Duy Hải -Duy Nghĩa và KĐT Nam Hội An | | 6.750 | 10.800 |
| | KĐT Bình Minh | | 3.150 | 5.940 |
| 2 | Khu công nghiệp tập trung | | 1.144 | 17.761 |
| *B* | *Chất thải rắn* | | | |
| | Sinh hoạt | | 144 | 216 |
| | Khu công nghiệp tập trung | | 14,3 | 222 |
| C | Nghĩa trang | ha | 8 | 12 |

*7.6.3. Quan điểm và nguyên tắc thiết kế*

Khu vực ven biển Duy Xuyên – Thăng Bình bao gồm nhiều khu chức năng khác nhau. Mỗi khu chức năng đều có tính chất và đặc thù riêng. Địa hình khu

quy hoạch kéo dài và bị chia cắt bởi sông Trường Giang, sông Thu Bồn nên chọn phương án xử lý nước thải phân tán cho các khu đô thị, khu du lịch, dịch vụ và các khu chức năng khác. Xây dựng các khu xử lý nước thải loại vừa và nhỏ để phù hợp với việc phân đợt xây dựng cho từng giai đoạn trong quá trình phát triển bền vững của khu vực.

*a) Đối với các điểm dân cư nông thôn:*

- Xây dựng cống, mương thoát nước chung. Cần giáo dục, tuyên truyền hướng dẫn người dân làm tốt công tác vệ sinh môi trường như xây dựng nhà vệ sinh tự hoại hợp quy cách có đường cống thoát nước ra ngoài, tận dụng các khu vực trũng, ao hồ sẵn có để làm sạch tự nhiên. Tại các khu vực chăn nuôi nhiều gia súc nên xây dựng bể Biogas, tận dụng khí mêtal làm chất đốt.

*b) Đối với khu vực còn lại*

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải riêng, nước mưa riêng. Nguyên tắc bố trí mạng lưới đường ống theo hướng tự chảy. Những khu vực địa hình cao, độ sâu chôn ống lớn sẽ bố trí trạm bơm.

*7.6.4. Giải pháp thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang*

***1. Thoát nước thải***

*a) Giải pháp chung:*

-Hệ thống thoát nước của đô thị và khu công nghiệp dự kiến xây dựng là hệ thống thoát nước thải riêng, nước mưa riêng.

- Xây dựng các cụm xử lý nước thải cho các khu công nghiệp gần nhau trong cùng một khuôn viên đất.

- Toàn khu quy hoạch ven biển Duy Xuyên – Thăng Bình xây dựng 4 trạm xử lý nước thải sinh hoạt (không bao gồm 2 trạm XLNT SH1 và SH3 theo quy hoạch KKT Chu Lai) và 2 trạm xử lý nước thải công nghiệp. Nội dung đồ án cụ thể như sau:

*b) Giải pháp cụ thể:*

- Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An: giữ nguyên vị trí bố trí các khu xử lý theo quy hoạch.

- Đối với khu vực đô thị:

+ Đô thị Duy Hải – Duy nghĩa: Giải pháp thoát nước thải theo định hướng thoát nước thải theo đồ án quy hoạch chung xây dựng (1/5000) đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045.

+ Đô thị Bình Minh: Giải pháp quy hoạch theo đồ án quy hoạch chung đô thị mới Bình minh, huyện Thăng Bình đến năm 2030 và năm 2045.

- Đối với khu vực còn lại:

+ Các khu vực dân cư hiện trạng giai đoạn đầu sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại rồi thoát ra các tuyến cống, rãnh thoát nước mưa.

+ Giai đoạn dài hạn: Nước thải được thu gom và dẫn về trạm XLNT3 đặt tại xã Bình Đào giáp sông Trường Giang công suất 6000 m3/ngđ và có thể nâng cấp công suất phù hợp với nhu cầu phát triển của khu vực Bình Minh, Bình Đào. Bố trí trạm XLNT4 công suất 2000m3/ngđ đáp ứng nhu cầu phát triển khu vực xã Bình Giang, Bình Triều giai đoạn dài hạn.

- Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường đối với khu xử lý: theo QCVN 01:2008, khoảng cách ly của khu xử lý nước thải phụ thuộc vào công nghệ xử lý. Đề xuất công nghệ xử lý sinh học, không có sân phơi bùn, có máy làm khô bùn. Do đó, khoảng cách cách ly đối với khu dân dụng xung quanh được quy hoạch khoảng 100m.

- Toàn bộ nước thải cụm công nghiệp sẽ được xử lý cục bộ tại mỗi nhà máy trước khi đổ vào hệ thống thoát nước bẩn riêng trong khu vực. Sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp để xử lý triệt để đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Dự kiến xây dựng 2 trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp công suất mỗi trạm 9.000 m3/ng-đ.

*c) Công nghệ xử lý nước thải:*

Nước thải cần xử lý của khu vực ven biển có hai loại: nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Chọn dây chuyền công nghệ xử lý nước thải phụ thuộc vào thành phần, tính chất... và nhiều yếu tố khác. Để có được công nghệ xử lý phù hợp khi xây dựng dự án sẽ có tính toán cụ thể, từ đó mới xác định được dây chuyền xử lý phù hợp cho các trạm làm sạch.

***2. Giải pháp quản lý chất thải rắn:***

*a) Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Chất thải rắn cần được phân loại tại nguồn thành chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ.

- Trên các tuyến đường và phía trước các công trình công cộng phía sát mép đường bố trí các thùng rác thu gom, khoảng cách 2 thùng là 100m - 150m.

Theo định kỳ  xe chuyên dùng sẽ thu gom và vận chuyển rác ra khỏi đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa..

*b) Chất thải rắn công nghiệp:*

- Chất thải rắn cần được phân loại tại mỗi nhà máy.

- Bố trí các thùng rác trong mỗi nhà máy công nghiệp.

- Toàn bộ chất thải rắn của các CCN được thu gom và mỗi nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng mang đi xử lý.

***3. Nghĩa trang***

- Các nghĩa địa, nghĩa trang hiện có không đủ khoảng cách an toàn vệ sinh tới các khu chức năng, dân cư ảnh hưởng tới nguồn nước cần đóng cửa ngừng chôn cất, sử dụng các biện pháp cải tạo môi trường (trồng cây, thu gom xử lý nước rỉ từ các hầm mộ..) tiến hành di dời các mộ phần rải rác vào nghĩa trang tập trung theo trình tự từ nghĩa trang có nguồn gốc đất công cộng do địa phương hay hội đoàn quản lý, sau đó mới đến nghĩa trang dân lập và mộ xen kẽ trong khu dân cư.

- Nghĩa trang cải tạo đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh, sử dụng các biện pháp xử lý môi trường để tránh ô nhiễm; nghĩa trang mới xây dựng phải đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chuẩn quy chuẩn về kỹ thuật đang hiện hành.

- Đối với nhu cầu chôn mới được chôn cất tại nghĩa trang Vùng Đông đã quy hoạch trong khu vực.

- Các nghĩa trang trong khu quy hoạch không đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường, khu vực nghĩa trang di dời sẽ được di dời về nghĩa trang Vùng Đông.

## 8. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC)

### 8.1 Phạm vi, nội dung, cơ sở của quá trình thực hiện ĐMC:

Phạm vi nghiên cứu ĐMC gồm các xã:

| STT | Địa phương | Dân số | Số hộ |
|---|---|---|---|
| **1** | **Khu vực Duy Xuyên** | **32.342** | **8.957** |
| 1.1 | Duy Thành | 6.708 | 1.928 |
| 1.2 | Duy Vinh | 9.617 | 2.587 |
| 1.3 | Duy Hải | 6.928 | 1.856 |
| 1.4 | Duy Nghĩa | 9.089 | 2.586 |

| STT | Địa phương | Dân số | Số hộ |
|---|---|---|---|
| **2** | **Khu vực Thăng Bình** | **41.021** | **10.681** |
| 2.1 | Bình Giang | 9.390 | 2.440 |
| 2.2 | Bình Dương | 7.416 | 1.989 |
| 2.3 | Bình Triều | 9.495 | 2.605 |
| 2.4 | Bình Đào | 7.317 | 1.899 |
| 2.5 | Bình Minh | 7.403 | 1.748 |
| **Tổng cộng** | | **73.363** | **19.638** |

### 8.2 Nội dung nghiên cứu, phân tích, đánh giá ĐMC

+ Nhận dạng tác động môi trường của phương án quy hoạch.

+ Phân tích, đánh giá hiện trạng các nguồn gây tác động đến môi trường.

+ Phân tích, dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phương án quy hoạch để chỉ ra các tác động tiêu cực được coi là đáng kể nhất.

+ Dự báo quy mô và cường độ của các tác động môi trường chủ yếu; đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực chủ yếu đến tài nguyên và môi trường.

### 8.3 Cơ sở của phương pháp được sử dụng trong quá trình ĐMC:

* Cơ sở lập ĐMC:

+ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;

+ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng phân khu chức năng đặc thù.

+ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

* Phương pháp ĐMC:

Dựa trên yêu cầu và mức độ đánh giá tương ứng với từng giai đoạn trong quá trình thực hiện quy hoạch, tỉnh Quảng Nam, để có sự đánh giá chính xác và khách quan nhất thì nhiều phương pháp được áp dụng kết hợp nhau như:

+ Phương pháp kiểm tra danh mục môi trường: đây là phương pháp phổ biến dùng trong giai đoạn lược duyệt.

+ Phương pháp khảo sát hiện trường: tiến hành khảo sát, đo đạc hiện trạng môi trường tại khu vực quy hoạch.

+ Phương pháp nhận dạng: mô tả hệ thống môi trường, xác định các thành phần, nội dung quy hoạch ảnh hưởng đến môi trường.

+ Phương pháp đánh giá nhanh: dựa trên phương pháp đánh giá tác động môi trường của Tổ chức Y tế Thế giới để tính toán tải lượng ô nhiễm và đánh giá tác động của các nguồn ô nhiễm.

### 8.4 Các vấn đề và mục tiêu môi trường chính

*a) Các vấn đề môi trường chính:*

Trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch, môi trường khu vực sẽ chịu tác động tiêu cực của các yếu tố quy hoạch. Vì vậy việc đánh giá tác động của đồ án tới môi trường khu vực là hết sức cần thiết. Dưới đây là một số yếu tố quy hoạch có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường:

+ Việc quy hoạch các khu, cụm dân cư, xây dựng mới khu đô thị có thể làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường do gia tăng chất thải, đặc biệt đối với môi trường nước, không khí, đất.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông gây ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

+ Phát triển hệ thống chợ và các khu thương mại tập trung gây ra những ô nhiễm môi trường cục bộ do các chất thải.

+ Quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp và làng nghề sẽ làm gia tăng lượng chất thải công nghiệp, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí, nước, đất.

+ Nước thải từ hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có thể gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường đất, nước mặt và nước ngầm.

+ Chuyển đổi mục đích sử dụng đất sẽ làm phá vỡ cảnh quan khu vực, thay đổi cơ cấu việc làm...

*b) Mục tiêu môi trường chính:*

Bảo vệ tốt cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái. Hạn chế và xử lý tốt chất thải trong sinh hoạt và sản xuất. Bảo vệ và phát triển bền vững nguồn nước và đa dạng sinh học.

### 8.5 Đánh giá hiện trạng và diễn biến môi trường

*a) Môi trường nước:*

Khu vực quy hoạch có hệ thống sông Thu Bồn chạy dọc phía Bắc đổ ra biển tại Cửa Đại, sông Trường Giang bắt nguồn từ sông Thu Bồn (xã Duy Nghĩa).

Ngoài các hệ thống sông chính, trên địa bàn huyện còn có nhiều khe suối, bắt nguồn từ các dãy núi phía Tây và Tây Nam. Đây cũng là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp.

Nguồn gây ô nhiễm nước mặt trong khu vực chủ yếu từ nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá, chất thải, nước thải chảy vào thủy vực; nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình chưa qua xử lý thải trực tiếp vào hệ thống cống rãnh, thoát nước chung đổ vào lưu vực; nước thải từ các cơ sở sản xuất, giết mổ gia súc chưa qua xử lý hoặc mới được xử lý sơ bộ sau đó thải ra môi trường sông suối trong khu vực.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng góp phần không nhỏ vào việc gia tăng ô nhiễm môi trường nước bởi các chất thải, đặc biệt là thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu và phân bón.

Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2015, chất lượng nước mặt sông Thu Bồn phía hạ lưu và cửa sông qua các năm cho thấy ngoài TSS còn có nhiều thông số cũng vượt ngưỡng A2, trong đó dầu mỡ là thông số thường xuyên vượt ngưỡng A2 ở mức cao (từ 7 – 12 lần), hàm lượng Fe, Amoni, Photphat và vi sinh (Coliform) vào một vài thời điểm cũng vượt nhẹ so với ngưỡng A2 (tần suất vượt từ 8 - 25%).

*b) Môi trường không khí, tiếng ồn.*

Nguồn gây ô nhiễm không khí trong khu vực chủ yếu do hoạt động giao thông, xây dựng; hoạt động sản xuất công nghiệp. Vào mùa khô không khí có hàm lượng bụi lớn do bụi đất cuốn lên từ mặt đất của các hoạt động giao thông và xây dựng.

Những khu vực có mật độ xây dựng cao chất lượng môi trường không khí bị ảnh hưởng bởi bụi, đất cát…

Khu vực nông thôn môi trường không khí trong lành do mật độ giao thông thấp, mật độ cây xanh che phủ lớn.

*c) Quản lý chất thải rắn.*

Trên địa bàn huyện khu vực quy hoạch đã thành lập tổ thu gom rác thải, thu gom rác thải từ các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân bằng xe kéo rác vận chuyển đến điểm tập kết. Sau đó, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý.

Chất thải rắn y tế nguy được thu gom và đốt tại lò đốt.

Chất thải rắn nguy hại đồng ruộng được thu gom bằng bể thu gom tại các

đồng ruộng. Theo đó, đơn vị sẽ thu gom và mang xử lý bằng lò đốt.

### 8.6 Dự báo xu thế môi trường khi lập và thực hiện quy hoạch

*a) Tác động tích cực*

Quy hoạch vùng huyện  chung Duy Xuyên – Thăng Bình đến năm 2030 và năm 2045 gắn với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nông thôn mới; Gắn kết chặt chẽ với Quy hoạch vùng Tỉnh Quảng Nam đã được phê duyệt; Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

Việc thực hiện đồ án theo quy hoạch sẽ bố trí và sắp xếp lại dân cư, quỹ nhà ở tăng lên tạo nơi ở mới cho nhân dân trong khu vực, góp phần ổn định và nâng cao đời sống người dân.

Việc chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của một bộ phận nhân dân trong khu vực quy hoạch sẽ làm tăng mức sống, thu nhập.

Hệ thống hạ tầng và các công trình công cộng được đầu tư xây dựng hoàn thiện đảm bảo phục vụ tốt hơn cho nhu cầu nhân dân, góp phần thay đổi bộ mặt khu vực và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Vấn đề vệ sinh môi trường được quan tâm và cải thiện đáng kể, giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường, đảm bảo sức khỏe người dân.

*b) Tác động tiêu cực*

* Tác động tới môi trường nước:

Môi trường nước khu vực sẽ bị tác động bởi nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nước thải y tế.

- Việc gia tăng dân số đô thị sẽ làm gia tăng lượng nước thải vào môi trường. Sự gia tăng lưu lượng nước thải sinh hoạt sẽ gây nên sức ép đối với hệ thống thoát nước đô thị. Nước thải sinh hoạt nếu không được thu gom và xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường nước.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thường chứa hàm lượng chất ô nhiễm cao, phần lớn chưa được thu gom, xử lý sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường nước mặt và nước ngầm.

- Bên cạnh đó, việc xây dựng cụm công nghiệp sẽ làm gia tăng lượng nước thải công nghiệp vào môi trường. Nước thải loại này thường chứa chất gây ô nhiễm ở nồng độ cao, các vi sinh vật gây bệnh,... Đây thực sự là nguồn gây ô nhiễm đối với chất lượng môi trường nước khu vực.

- Tuy nhiên theo đồ án quy hoạch, khu vực có mật độ xây dựng cao: hệ

thống thoát nước thải và thoát nước mặt sẽ là hai hệ thống riêng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được thu gom và tập trung tại khu xử lý nước thải chung. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn mới được thải vào các nguồn nước mặt, giảm thiểu được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

- Nước thải công nghiệp và nước thải y tế sẽ được xử lý riêng đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường do đó khi đi vào hoạt động sẽ không ảnh hưởng nhiều đến môi trường nước.

* Tác động tới môi trường đất:

- Khi đồ án được triển khai thực hiện thì việc xây dựng các công trình mới, phát triển cơ sở hạ tầng sẽ làm tăng độ xói mòn đất do làm mất độ che phủ thực vật trên mặt đất.

- Việc gia tăng lưu lượng rác thải, nước thải trong sinh hoạt và sản xuất thải ra môi trường sẽ làm gia tăng tải lượng các chất ô nhiễm gây tác động xấu đến môi trường đất khu vực.

- Chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn y tế là những chất thải độc hại, nếu không có những biện pháp xử lý hữu hiệu thì khi thải ra ngoài sẽ gây ô nhiễm đất.

- Các chất hóa học, thuốc bảo vệ thực vật tồn dư trong đất sẽ làm thoái hóa đất.

- Tuy nhiên khi dự án đi vào hoạt động thì lượng chất hóa học thải ra ngoài môi trường đất sẽ giảm do việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, chuyển đổi ngành nghề. Chất thải sinh hoạt đã có biện pháp thu gom và xử lý. Chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn y tế cũng đã được thu gom và xử lý riêng trước khi đưa về khu xử lý chung của toàn khu vực. Bên cạnh đó nước thải sinh hoạt và sản xuất cũng đã được xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường nên sẽ không gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng đất.

* Tác động tới môi trường không khí:

- Việc mở thêm các tuyến giao thông mới cùng với việc nâng cấp một số tuyến đường giao thông cũ theo quy hoạch sẽ làm tăng lưu lượng phương tiện giao thông, đặc biệt là tại các tuyến và nút giao thông chính. Mật độ giao thông tăng sẽ làm tăng lượng khí thải, bụi vào không khí, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng không khí tại khu vực này. Các loại khí thải khi xe cộ hoạt động thải ra trong không khí chủ yếu là các khí độc hại như CO, CO2, NOx, SOx và bụi.

Lượng khí thải và bụi phụ thuộc vào chất lượng kỹ thuật các loại xe máy cũng như mật độ lưu lượng sử dụng.

- Môi trường không khí khu vực còn bị ảnh hưởng xấu bởi khí thải phát sinh từ hoạt động công nghiệp, chăn nuôi. Do đó đòi hỏi phải có biện pháp xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tuy nhiên, theo đồ án đã bố trí các vành đai cây xanh dọc các trục đường chính nhằm hạn chế ô nhiễm không khí. Các cụm công nghiệp được bố trí cách xa khu dân cư và được bố trí dãi cây xanh cách ly.

* Tác động tới môi trường sinh thái khu vực:

- Đồ án quy hoạch được triển khai sẽ làm mất đi một phần diện tích sinh sống của một số loài sinh vật do việc san lấp mặt bằng xây dựng công trình. Chính vì vậy hệ sinh thái, cảnh quan ban đầu sẽ bị thay đổi, một số loài động vật sẽ mất nơi cư trú phải di chuyển đến nơi cư trú mới, do đó sẽ làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. Hệ sinh thái tự nhiên của khu vực trước đây sẽ chuyển sang hệ sinh thái môi trường đô thị với các đặc trưng của đô thị.

* Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội:

- Quá trình quy hoạch sẽ làm thay đổi mục đích sử dụng dẫn đến việc một số hộ dân sẽ mất đất sản xuất.

- Việc thu hồi đất và tái định cư đến nơi ở mới sẽ làm xáo trộn tạm thời cuộc sống của người dân.

- Ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương do việc gia tăng dân số.

### 8.7 Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường

*a) Biện pháp kiểm soát ô nhiễm nguồn nước:*

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho trung tâm thị trấn và đô thị xây dựng mới.

- Với những khu chăn nuôi tập trung, sử dụng công nghệ biogas để xử lý chất thải và ao sinh học.

*b) Biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí:*

- Việc xây dựng, cải tạo và phát triển đô thị dẫn đến việc nhà cửa và các cơ sở hạ tầng bị gỡ bỏ, đào bới, vận chuyển nguyên vật liệuvà đổ bỏ rác thải. Đây là các nguồn gây ô nhiễm bụi trầm trọng, là nguyên nhân chính làm suy giảm

chất lượng không khí các khu đô thị. Vì thế, giải pháp kỹ thuật giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí đô thị là xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng đô thị hợp lý và đồng bộ kết hợp với áp dụng các biện pháp giảm phát thải bụi, thu gom rác thải và vệ sinh đường phố, cải tạo hệ thống giao thông vận tải thông suốt, an toàn và thuận lợi.

- Bố trí các CCN phù hợp với quy hoạch môi trường, không nằm trong cácvùng nhạy cảm (gần khu dân cư, trường học, bệnh viện…).

*c) Giảm thiểu tác động đến môi trường đất:*

- Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng các hóa chất độc hại trong sản xuất nông nghiệp.

- Cải tạo, vệ sinh đồng ruộng sau khi thu hoạch.

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi, lung tung tại các khu vực đất trống.

- Chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn y tế cần được thu gom và xử lý tại nguồn thải trước khi đưa về bãi xử lý chất thải rắn chung của khu vực.

- Đối với khu vực bị ngập lụt do mưa, lũ thì cần chọn cốt mặt đường phù hợp, thiết kế thoát nước tốt trong giai đoạn quy hoạch.

- Những vị trí có hiện tượng sạt lở, thực hiện kế hoạch di dời dân ra khỏi khu vực nguy hiểm; gia cố bờ kè, xây mái taluy, trồng cỏ giữ đất.

*d) Biện pháp quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:*

- Quy hoạch các trạm trung chuyển chất thải rắn tại các chợ, trung tâm xã, các điểm dọc đường giao thông trong Vùng.

- Xây dựng nghĩa trang nhân dân tại các xã cần chú ý các vấn đề về giao thông nội bộ, giao thông tĩnh, vị trí khu vệ sinh, vị trí thu gom rác hàng ngày phải được xem xét lựa chọn bố trí hợp lý.Bố trí các vành đai cây xanh dọc các trục đường.

## 9. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ & GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

*a) Mục tiêu:*

Quy hoạch xây dựng giai đoạn đầu nhằm khai thác lợi thế về tiềm năng trong điều kiện thuận lợi nhất để phát triển các cơ sở mang tính tiền đề, đột phá trong phát triển toàn bộ Khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và huyện Thăng Bình. Tập trung vốn đầu tư xây dựng các hạng mục công trình tạo sức hút đầu tư

ban đầu cho khu vực. Hoàn thiện, nâng cấp và xây dựng 1 số hạng mục hạ tầng kỹ thuật đầu mối, khu dân cư, khu dự án trọng điểm tạo cơ hội cho các dự án tham gia đầu tư vào khu vực. Cụ thể:

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật quan trọng, đặc biệt là hệ thống giao thông, trong đó hạt nhân là tuyến đường Võ Chí Công (đường 129) và các cầu qua sông Trường Giang, cùng các trục xương ngang kết nối Đông Tây.

- Xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn trước mắt.

- Chọn hạng mục ưu tiên đầu tư phát triển khu vực.

- Xác định các khu vực, hạng mục công trình ưu tiên đầu tư. Từng bước phát triển các khu chức năng trong khu vực theo định hướng quy hoạch chung và tầm nhìn toàn Khu giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

- Làm cơ sở quản lý đất đai, quy hoạch xây dựng theo định hướng quy hoạch chung đề ra.

- Làm cơ sở triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng

- Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

*b) Các chương trình dự án ưu tiên đầu tư:*

Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng khung của khu vực và các đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa, đô thị Bình Minh, đặc biệt phát triển mạng lưới giao thông; hoàn thiện hệ thống cấp nước; thoát nước; vệ sinh môi trường và các khu chức năng đô thị đảm bảo yêu cầu phát triển và mục tiêu nâng cấp đô thị. Trong đó ưu tiên đầu tư:

- Hoàn thiện đường Võ Chí Công mặt cắt 38m và các trục giao thông đối ngoại; nâng cấp, bổ sung hệ thống mương thoát nước mặt cho các trục đường hiện có;

- Hoàn thiện dải cây xanh hai bên tuyến đường Võ Chí Công;

- Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải;

- Nâng cấp, bổ sung hệ thống điện chiếu sáng cho các trục đường;

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp Duy Nghĩa, Bình Hòa, Quế Sơn (phần diện tích trong khu vực nghiên cứu);

- Hoàn thiện các khu dân cư, tái định cư tại Duy Hải - Duy Nghĩa, Bình

Dương, Bình Minh. Đầu tư mới các khu dân cư, tái định cư để tiếp tục sắp xếp dân cư phòng tránh lụt bão, giảm nhẹ thiên tii và phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng các khu chức năng;

- Xây dựng hoàn thiện trung tâm công cộng đặc biệt là trung tâm hình chính chính trị đô tại đô thị Duy Hải - Duy Nghĩa, Bình Minh; Nâng cấp mở rộng chợ Duy Hải, Bình Minh; Xây mới chợ Nồi Rang; Xây mới hoặc nâng cấp mở rộng trường học các cấp, Trạm y tế tại các xã và đô thị đạt chuẩn.

Các dự án kêu gọi đầu tư:

- Hoàn thiện khu nghỉ dưỡng Nam Hội An; Vinpearl, An Thịnh, Đạt Phương;

- Khu đô thị Opal Ocean City, Opal City Bình Dương;

- Các dự án cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường giao thông đô thị; các dự án phát triển nhà ở (bao gồm cả nhà ở xã hội);

- Đầu tư xây dựng các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo tư nhân;

- Đầu tư xây dựng 02 bến tàu phục vụ du lịch; các dự án du lịch, dịch vụ.

*c) Định hướng giải pháp nguồn lực đầu tư:*

Trong quá trình thực hiện quy hoạch UBND tỉnh Quảng Nam chỉ đạo UBND huyện Duy Xuyên và Thăng Bình, cùng với các Sở chuyên ngành và các Ban ngành đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp để khai thác tối đa các nguồn lực, tập trung xây dựng khung hạ tầng chính, chủ yếu kêu gọi các chủ đầu tư, sức dân và quỹ đất, hạn chế sử dụng vốn ngân sách và đặc biệt là vốn vay.

Đất đai là nguồn lực vô cùng lớn và hiệu quả, đặc biệt đây là khu vực có lợi thế của ngõ quan trọng và tài nguyên du lịch phong phú của tỉnh, cũng như của khu vực, có hệ thống hạ tầng vùng đi qua, giao điểm các trục hành lang quan trọng kết nối Nam Bắc - Đông Tây và các cực phát triển như TP Hội An, TP Tam Kỳ, KKT Chu Lai và TP Đà Nẵng. áp dụng các hình thức linh hoạt như BOO, hoặc PPP...vv, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nngười dân – Chủ đầu tư – Nhà nước. Thu hút vốn tầu tư từ các thành phần kinh tế, xã hội hóa đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Nguồn ngân sách nhà nước chỉ sử dụng vào việc khởi động để khuyến khích các nguồn ODA, đặc biệt là FDI vào xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung chính, thực hiện phân kỳ đầu tư và có thứ tự ưu tiên đầu tư như:

Giai đoạn đến 2030 tập trung xây dựng hoàn thiện tuyến đường Võ Chí Công, cầu qua sông Trường Giang và là tuyến hành lang kinh tế kỹ thuật quan trọng của khu vực, tuyến hành lang ven biển, khu du lịch Nam Hội An. Hạ tầng khu cụm công nghiệp Bình Hòa, Duy Nghĩa, Quế Sơn (phần diện tích trong khu vực  nghiên cứu), khu công cộng, thương mại dịch vụ, hạ tầng cơ sở kỹ thuật và xã hội phục vụ khu tái định cư...đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước từ hồ Phú Ninh đến khu vực theo hình thức đối tác công tư PPP...vv, đảm bảo cân đối hợp lý.

Nguồn đầu tư phát triển hạ tầng cấp khu vực của tỉnh, Trung ương chiếm khoảng 20% tổng nguồn vốn đầu tư.

Nguồn ngân sách thiết chế đô thị, nguồn từ khai thác quỹ đất và nguồn đầu tư từ khu vực ngoài ngân sách chiếm tỷ trọng khoảng 80% tổng nguồn vốn đầu tư.

## 10. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 10.1 Kết luận:

Trên cơ sở nhận định, đánh giá thực tiễn phát triển của khu vực, những tiềm năng và thế mạnh. Đồ án đã đưa ra những nội nghiên cứu, tạo ra một quy hoạch có tính thực tiễn và nhạy bén với quá trình phát triển, theo đó khu vực sẽ trở thành một vùng đất có nền kinh tế phát triển xanh, giàu mạnh với mũi nhọn là du lịch, dịch vụ. Đề xuất quan trọng nhất trong ý tưởng xây dựng khu vực trở thành "The new Hoi An" đấy là tạo ra một không gian xanh ấn tượng, thân thiện và gìn giữ, phát huy tối đa những giá trị cảnh quan bản địa, đem đến một cuộc sống chất lượng cao và bền vững.

Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật được nghiên cứu, đề xuất phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của một hệ thống hạ tầng đô thị hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững cho các thế hệ sau.

Nhìn chung, đồ án đã phát huy được các tiềm năng về các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường, an ninh quốc phòng ven biển. Khi triển khai các dự án cụ thể phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội cần cân nhắc thêm đến các vấn đề về môi trường, cảnh quan tự nhiên để đảm bảo sự phát triển bền vững.

### 10.2 Kiến nghị:

Đầu tư phát triển hệ thống các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển của khu vực với vai trò là đầu mối giao lưu cửa ngõ

liên vùng, trung tâm du lịch, dịch vụ và thể thao cấp vùng. Tập trung phát triển các dự án động lực cấp vùng về đô thị - du lịch - dịch vụ để trở thành cực phát triển mới của vùng Đông Quảng Nam, để tác động lan tỏa và tạo nguồn lực phát triển cho toàn vùng.

Trên cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật được nghiên cứu tương đối căn bản, lập kế hoạch, danh mục kêu gọi các dự án đầu tư đáp ứng với mục tiêu phát triển đặt ra. Kêu gọi các nguồn vốn đầu tư để đáp ứng xây dựng một khu động lực phát triển kinh tế khu vực phía Đông tỉnh Quảng Nam, phát triển du lịch đặc thù, có sức cạnh tranh và hấp dẫn lớn, đô thị du lịch xanh, sạch có kiến trúc cảnh quan đẹp, bền vững trong tương lai.

Quy hoạch đã được thực hiện theo đúng các quy định, quy trình pháp luật và cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đề ra. Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển huyện Duy Xuyên và Thăng Bình giai đoạn đến năm 2030 và năm 2045 cần sớm được phê duyệt làm căn cứ để UBND tỉnh Quảng Nam phối hợp với các Bộ, ngành, chỉ đạo các Sở, ban ngành, địa phương tiếp tục triển khai các bước tiếp theo./.

# HỒ SƠ BẢN VẼ A3